

SỞ Y TẾ HẢI DƯƠNG
BỆNH VIỆN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 311/TB-BVN

Hải Dương, ngày 22 tháng 07 năm 2024

V/v mời quan tâm thẩm định giá
các gói thầu hóa chất, test, vật tư
phục vụ công tác chuyên môn
bệnh viện

THƯ MỜI THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch thẩm định giá tại Việt Nam.

Bệnh viện Nhi tỉnh Hải Dương có nhu cầu thẩm định giá các mặt hàng thuộc các gói thầu hóa chất, test, vật tư y tế... để làm cơ sở tham khảo xây dựng giá kế hoạch các gói thầu, chi tiết các gói thầu, mặt hàng cần thẩm định giá phụ lục kèm theo.

I. Thông tin của đơn vị mời thẩm định giá

1. Đơn vị mời thẩm định giá: Bệnh viện Nhi Hải Dương

Địa chỉ: Thanh Xá, Liên Hồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

2. Cách thức tiếp công văn, hồ sơ năng lực đơn vị thẩm định giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Nhi Hải Dương

Địa chỉ: Thanh Xá, Liên Hồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Số điện thoại: 02203.710.700

3. Thời hạn tiếp hồ sơ thẩm định giá: Từ ngày mời báo giá đến trước 16 giờ 30 phút ngày 31 tháng 07 năm 2024.

Các hồ sơ nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Hồ sơ đơn vị thẩm định bao gồm:

- Báo giá từng gói thầu thẩm định giá theo phụ lục các gói cần thẩm định của bệnh viện.

- Giá đã chào bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- Hình thức gửi chào giá: Bản giấy (có đầy đủ chữ ký và đóng dấu đỏ người đại diện pháp luật của công ty).

- Hồ sơ năng lực của công ty, đơn vị (Hồ sơ pháp lý, giấy chứng nhận, giấy phép kinh doanh,...)

- Cung cấp các hợp đồng thẩm định giá tương tự trong lĩnh vực y tế.

Bệnh viện Nhi Hải Dương kính mời các đơn vị thẩm định giá có đủ năng lực, kinh nghiệm trong các lĩnh vực thẩm định giá các mặt hàng dùng trong y tế quan tâm báo giá các gói dịch vụ nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

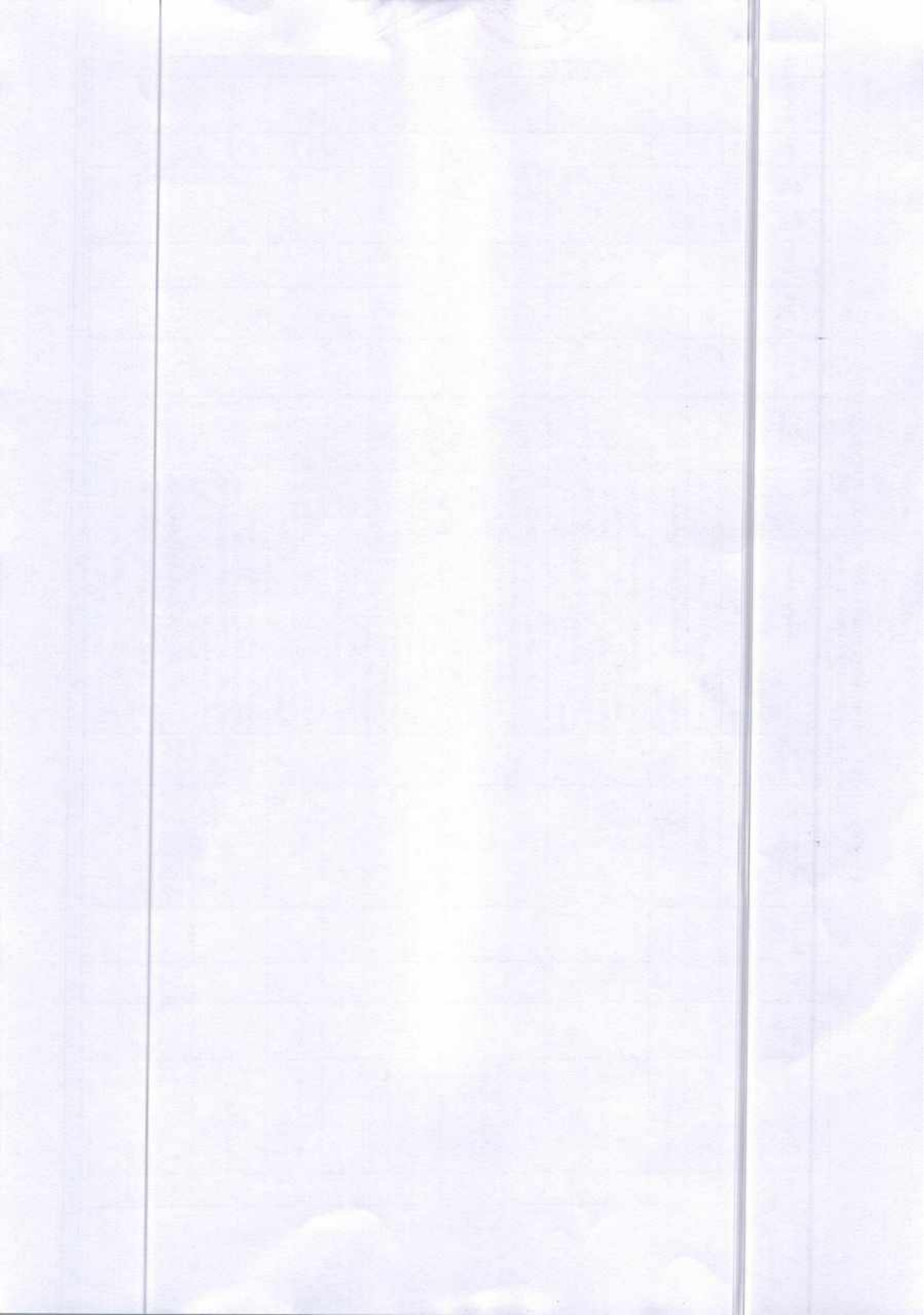
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

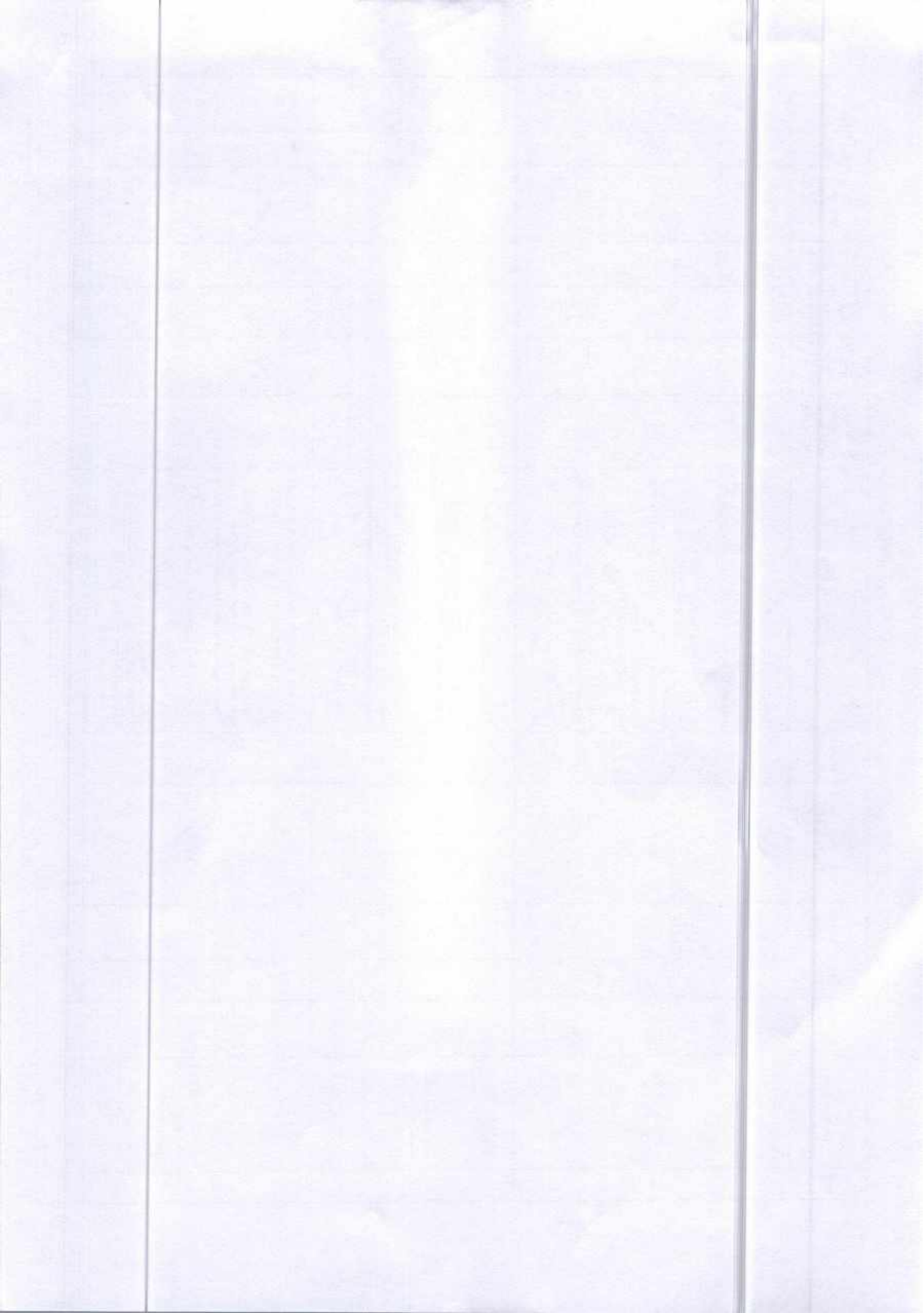
DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI HÓA CHẤT KHỬ KHUẨN
(Kèm theo thư mời tham định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ(Quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/ giúp phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTYBT (A,B,C,D)	Mã HS	Quy cách đóng gói	DVT	Số lượng
1	Cồn 70 độ				Việt Nam		Ethanol 70, trong suốt không màu.					Chai 500ml	Lit	1.082
2	Cồn 90 độ				Việt Nam		Ethanol 90, trong suốt không màu.					Can 20 lit	Lit	1.200
3	Cloramin B 25%				Trung Quốc		Có hàm lượng Active chlorine $\geq 25\%$. Chất bột mịn màu trắng.					Thùng 25kg	Kg	400
4	Dung dịch tẩy rửa sinh tay ngoại khoa				Đức		Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh, chứa 45% k/it ethanol, 18% k/it n-propanol, có chất bảo vệ da (allantoin, bisabolol) và đường đa (panthanol), nồng độ dung dịch cồn đạt 79,4 % (k/it). Can 5 lit. Đạt tiêu chuẩn rửa tay phẫu thuật EN 12791, EN 1500, EN 14476					Can 5 Lit	Lit	60
5	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ có hoạt tính Enzim				Đức		Dung dịch làm sạch, tẩy rửa dụng cụ y tế có chứa enzyme Savinase 16 lex (protease) và <5% chất hoạt động bề mặt chitin anion, <5% chất hoạt động bề mặt không chứa ion, <5% polycarboxylate, chất chống ăn mòn; pH dung dịch từ 5,8 - 6,2, dung dịch sau pha có pH trung tính. Can 5 lit.					Can 5 Lit	Lit	120
6	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ				Việt Nam		Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (W/W), hệ đệm pH=7-9 hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn: EN 14561 Nấm, mốc: EN 14562 Mycobacterium (trực khuẩn lao): EN 14563 Test thứ 2 kèm tương thích với sản phẩm					Can 5 lit	Lit	825
7	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt				Đức		Dung dịch diệt khuẩn nhanh các bề mặt y tế, chứa: 17g 1-propanol và 0,23g Didecyl dimethyl ammonium chloride. Chai 750ml.					Chai 750ml	Chai	12
8	Viên khử khuẩn				Mỹ		Thành phần tối thiểu gồm: Dichloroisocyanurate (Troccosen Sodium). Viên nén, dạng sủi tan trong nước tạo dung dịch có độ pH acid. Khử khuẩn các thiết bị y tế, dụng cụ, bề mặt và đồ vải.					Hộp 100 viên	Viên	14.900
9	Test máy Homet nhiệt độ thấp				Thổ Nhĩ Kỳ		-Đo lượng 2 thông số của quá trình tiệt khuẩn (thời gian - nhiệt độ) có đạt yêu cầu hay không. -Vạch màu xanh sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua Tiệt khuẩn. -Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước, thời gian: 134°C trong 3,5 phút hoặc 121°C trong 15 phút					250 test / hộp	Test	500



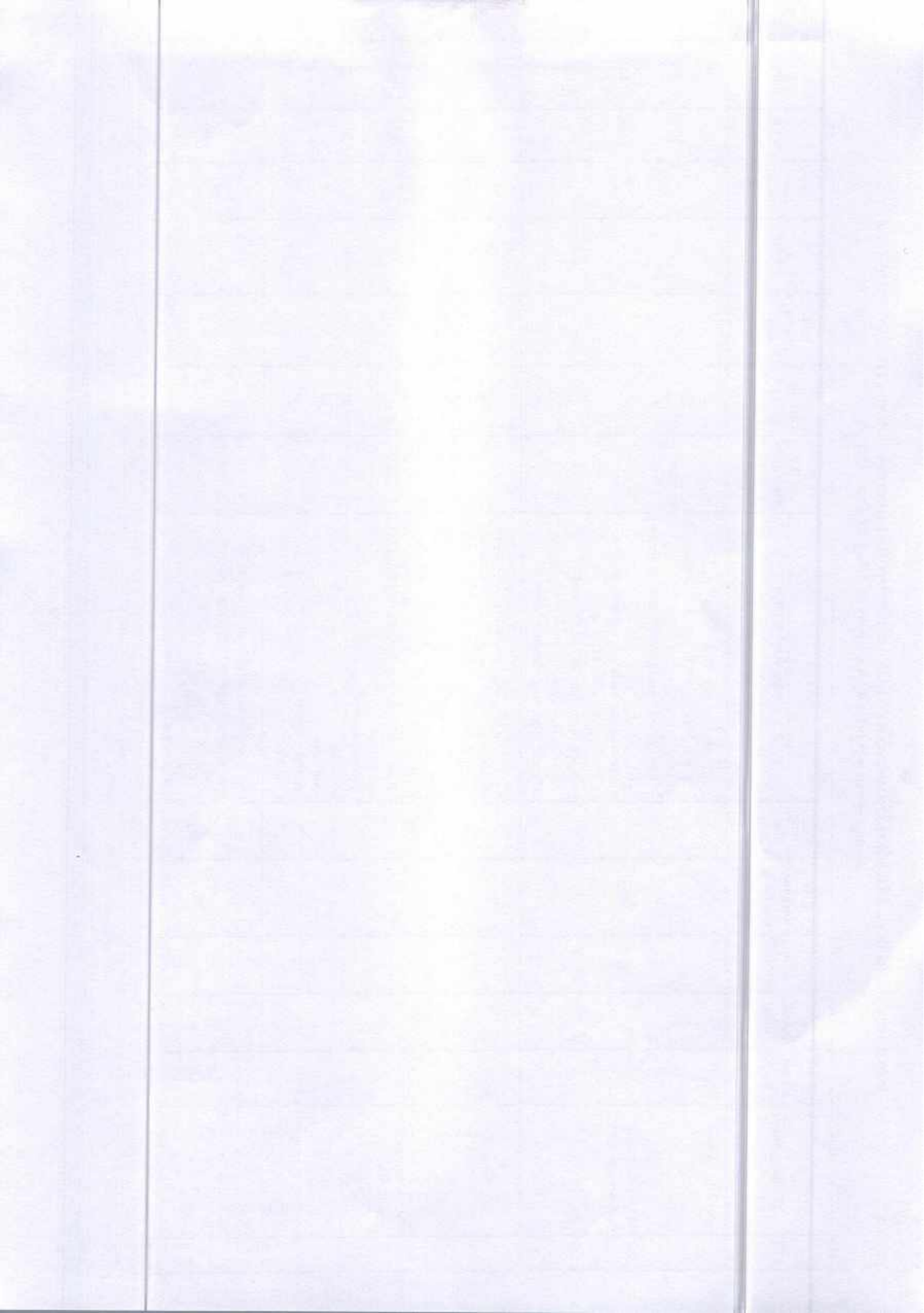
STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/ giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	MA HS	Quy cách đóng gói	DVT	Số lượng
10	Gói thử kiểm tra chất lượng lọ tiệt khuẩn				Hoa Kỳ		<p>Dùng cho tiệt khuẩn hơi nước. Kích thước 12.7x11x1.7cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định chất lượng lọ hấp vè: khả năng xuyên thấu hơi nước, khả năng hút chân không, hiện tượng rò rỉ khí lò. - Dùng cho lọ hơi nước hút chân không 132-134°C trong thời gian 3.5 - 4 phút để kiểm tra chất lượng lọ hấp hàng ngày - Đảm bảo hiệu suất tương đương với gói Khan Bowie Dick tiêu chuẩn mô tả trong AAMI ST79 - Mực in không chì (Lead Free) - Vạch chỉ thị chéo đứt gãy sẽ chuyển sang màu nâu/đen đồng đều nếu lò đạt chất lượng. - Màu chỉ thị sẽ duy trì trong vòng 24 tháng sau khi tiệt khuẩn. - Thành phần: Coated paper 90 - 98%, Sulphur 1-2%, Acrylic Polymer 0-1%. 					6 gói/hũ	Gói	240
11	Chỉ thị hóa học kiểm soát quá trình tiệt khuẩn bằng hơi nước				Hoa Kỳ		<ul style="list-style-type: none"> - Đo lường ba thông số: thời gian - nhiệt độ - hơi nước, tại tất cả nhiệt từ 121 tới 135 độ C. - Lớp màng film nhựa dưới lớp giấy ngăn cản mực bị thấm ra dụng cụ hoặc lem mất mực ảnh hưởng tính chính xác kết quả. - Không chứa Chì - Không đổi màu kết quả sau 6 tháng đo FDA kiểm chứng. - Kích thước nhỏ gọn 5.1 x 1.9 cm. Thành phần: giấy 55-65%, acrylic adhesive 35-45%, Polypropylene <0.1%, Nhôm: <0.1%, Mực <0.1%. Coatings < 0.01% 					500 test/gói	Test	500
12	Bảng chỉ thị nhiệt dùng cho nồi hấp				Hoa Kỳ		<ul style="list-style-type: none"> - Bảng keo chỉ thị nhiệt kích thước 24mm x 55mm, vạch mực chuyển từ trắng ngả sang nâu sẫm/đen sau tiệt khuẩn. - Thành phần: giấy 75-85%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer: 2-5%, mực chỉ thị 0.5-2%. - Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121°C và 132-135°C. - Là chỉ thị Type 1 theo phân loại của ISO 11140-1:2014. - Không đổi màu trong 6 tháng sau tiệt khuẩn, được FDA công nhận - Lớp nền là giấy crepe có thể co giãn, chống kết dính đặc biệt tránh bị bung ra trong quá trình tiệt khuẩn, có thể viết lên, hoặc dán nhãn. - Không chứa chì 					20 cuộn/thùng	Cuộn	50

Tổng: 12 khoản

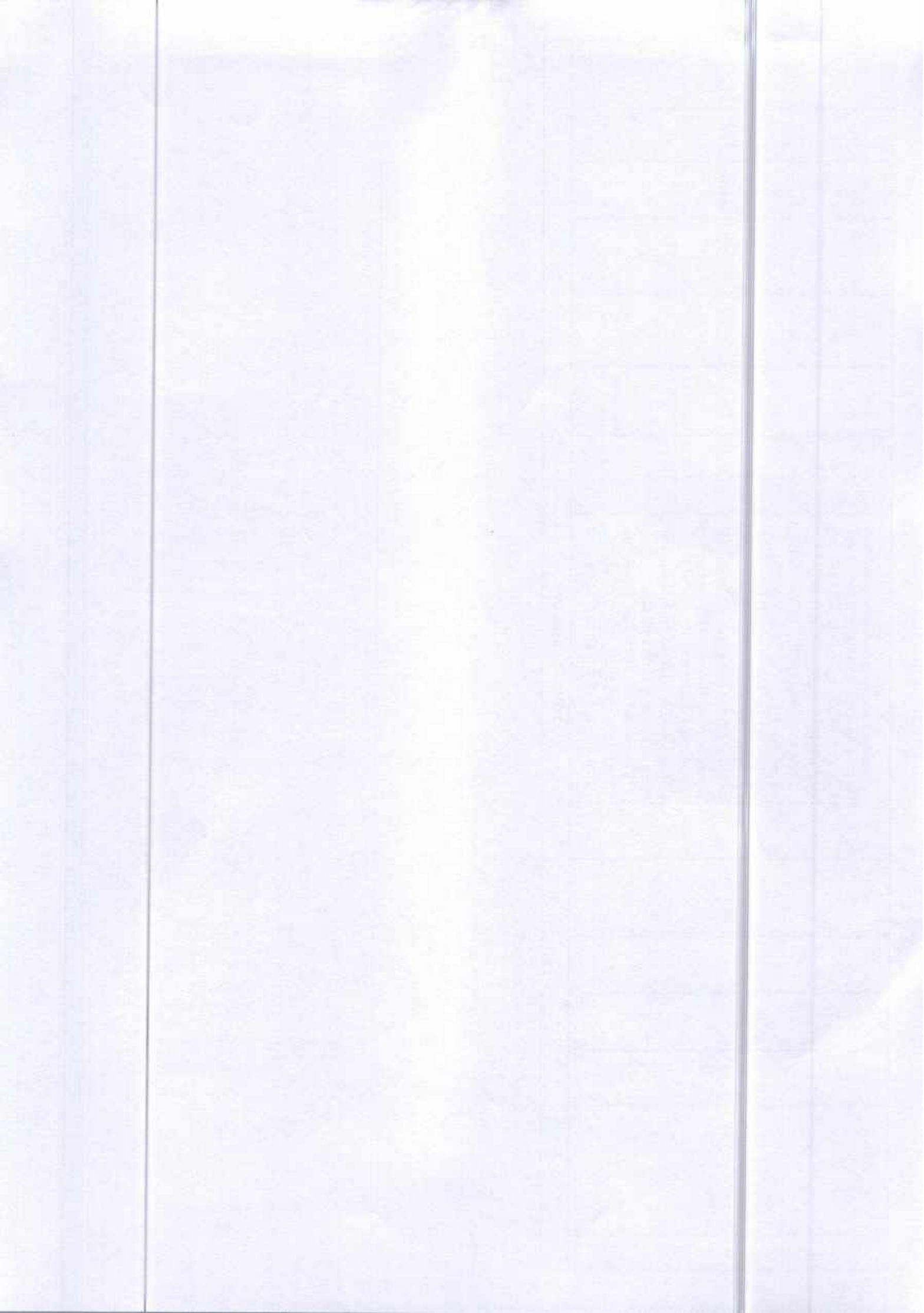


DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI HÓA CHẤT CHO MÁY REAL - TIME PCR 7500 FAST
(Kèm theo thư mời thăm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng	
1	Bộ kit xét nghiệm PCR Adenovirus				Czech		<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật: Real-time PCR - Phương pháp phân tích: định tính và định lượng - Trình tự đích: trình tự bảo thủ cao của gene E2B - Tính đặc hiệu: 100% với Adenovirus - Giới hạn phát hiện: $\geq 81,41$ cp/ml - Khoảng tuyến tính: $10^{10} - 10^{2,5}$ cp/ml - Mẫu đầu vào: Dịch hút, huyết tương, phân, mẫu phết, nước tiểu, máu toàn phần 						25 test/hộp	Hộp	12
2	Môi trường vận chuyển mẫu				Việt Nam		<p>Môi trường vận chuyển vi rút (Viral Transport Medium - VTM) chuyên chở và bảo quản mẫu bệnh phẩm đường hô hấp dùng cho xét nghiệm tìm vi rút bằng kỹ thuật PCR hoặc Real Time PCR.</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hank's Balanced Salt Solution (HBSS), 1X with phenol - Bovine serum albumin (BSA) - Gelatin - Amino acids - Buffer solution - Antibiotic 					50 ống/hộp	Ống	200	
3	Vật tư tiêu hao dùng cho máy tách chiết tự động				Nhật bản		<p>Bộ vật tư tiêu hao dùng cho máy tách chiết mẫu tự động MagLEAD 6gC/12gC, gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn và ống nhựa: 52 chiếc - Ống mẫu: 100 chiếc - Nắp ống mẫu: 100 chiếc 					50 test/hộp	Hộp	5	

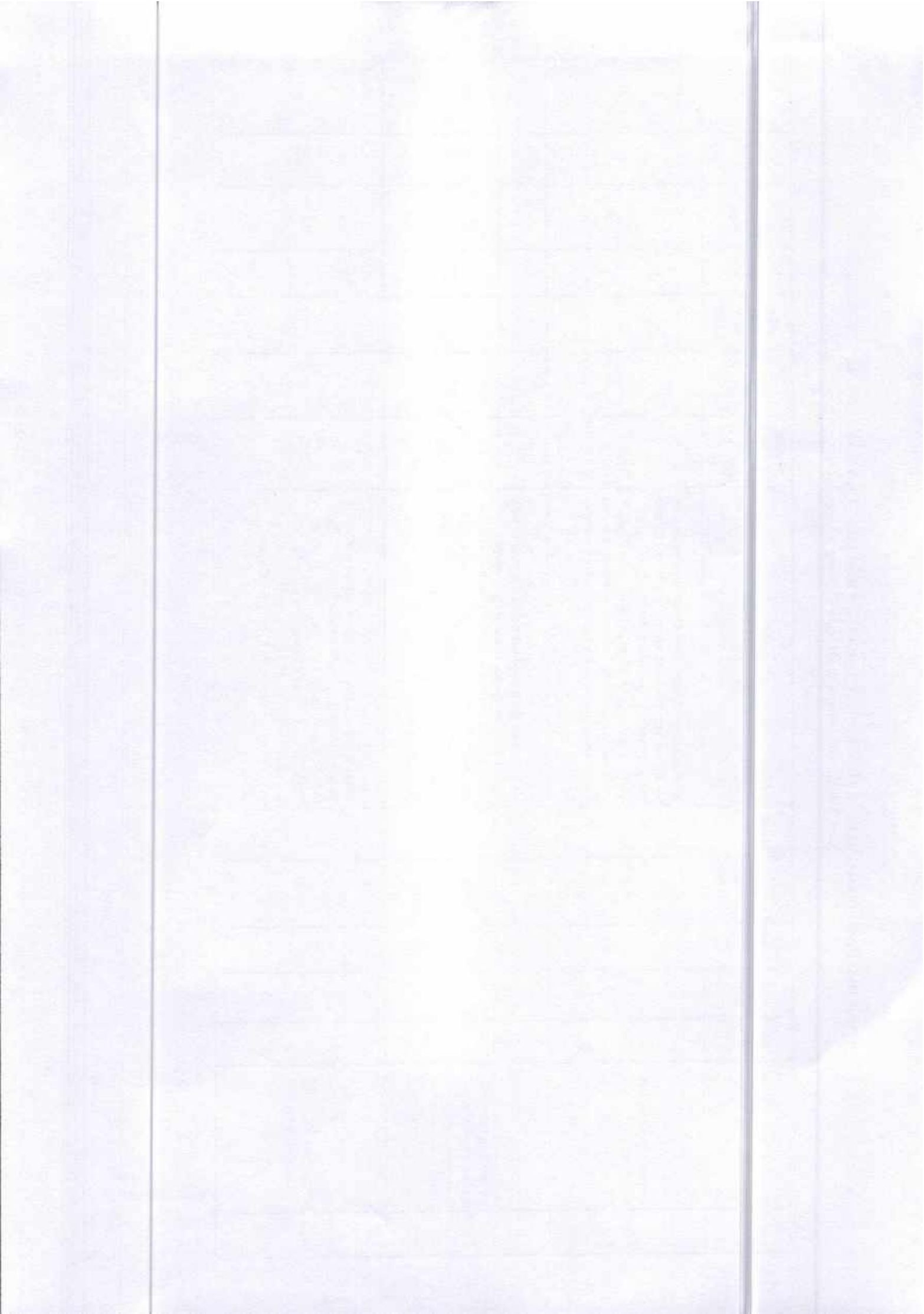


4	IVD cartridge dùng cho máy tách chiết tự động			Nhật bản	<ul style="list-style-type: none"> - Cartridge hoá chất tách chiết mẫu MagDEA Dx SV là hóa chất tách chiết acid nucleic sử dụng với hệ thống tách chiết hoàn toàn tự động MagLEAD 6gC/12gC. - Tất cả hóa chất cần thiết để tách chiết acid nucleic bao gồm vi hạt từ tinh được đóng gói sẵn trong cartridges. - Chỉ với một loại hóa chất MagDEA Dx SV duy nhất có thể tách chiết nucleic acid từ nhiều loại mẫu khác nhau như máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, mẫu tâm bông và dịch não tủy. - Thể tích mẫu tách chiết: 200μL hoặc 400μL - Thể tích rửa giải: 50μL, 100μL, 200μL - Thực hiện tách chiết chỉ trong 26 phút 				48 test/hộp	Hộp	5
TỔNG : 04 KHOẢN											

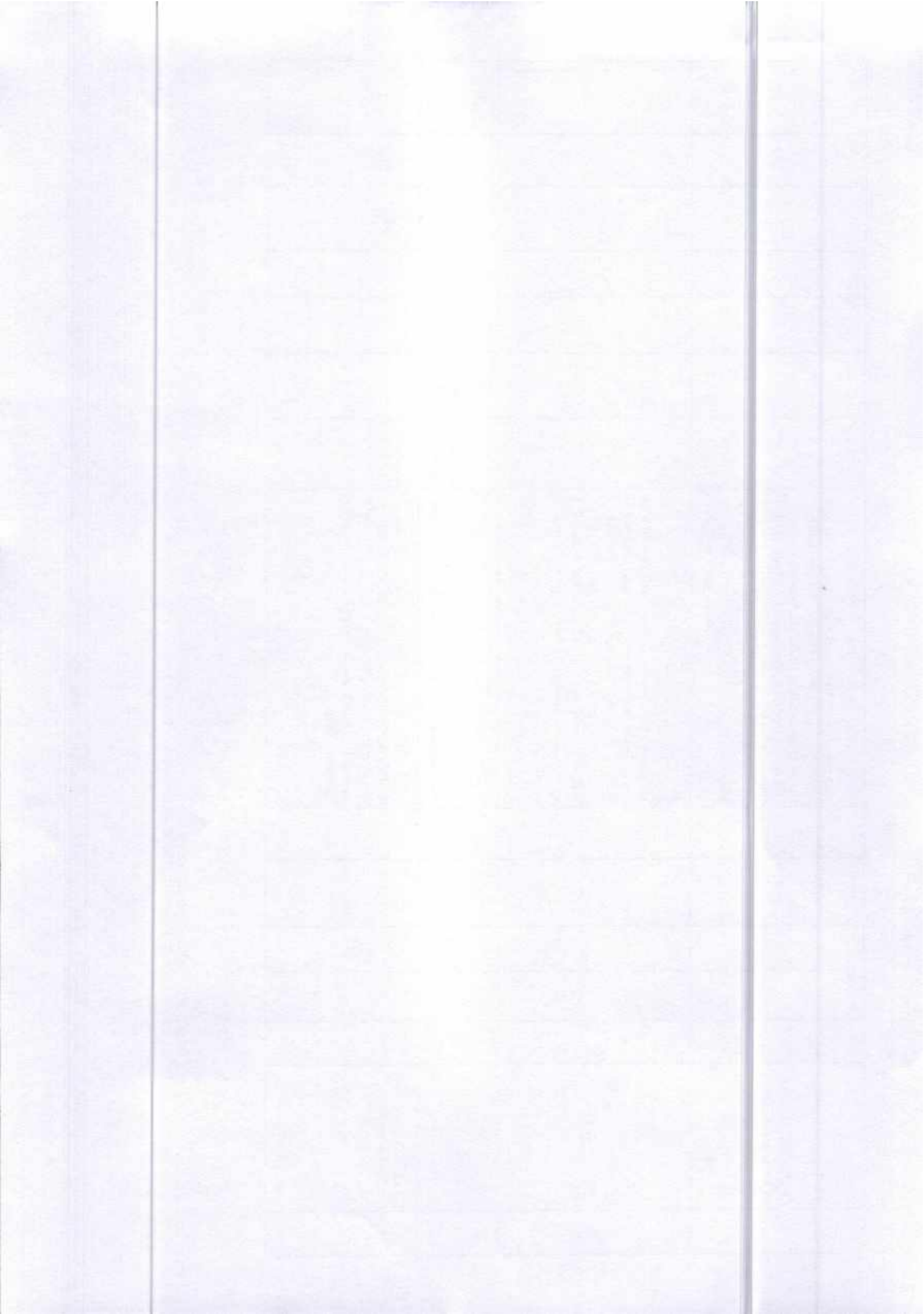


DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI HÓA CHẤT CHO MÁY ELISA BÁN TỰ ĐỘNG
(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

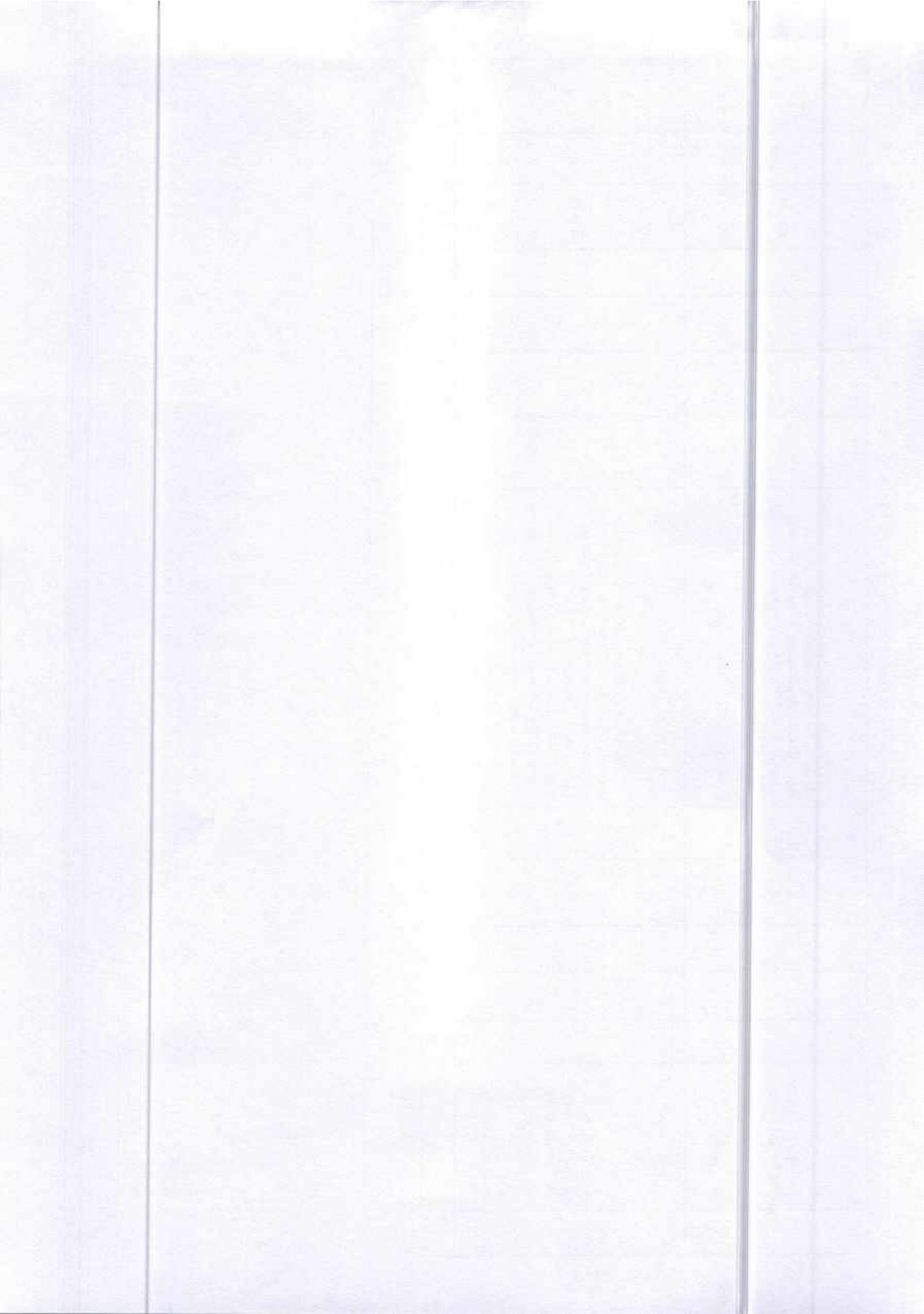
STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Kit phát hiện kháng thể người kháng Mycoplasma IgG				ĐỨC		Microtiterplate: 12 break-apart 8-well strips coated with Mycoplasma pneumoniae antigens; IgG Sample Dilution Buffer: 100 mL; Stop Solution: 1 x 15 mL; Washing Buffer (20x conc.): 1 x 50 mL; Conjugate: 1 x 20 mL; TMB Substrate Solution: 1 x 15 mL; Positive Control: 1 x 2 mL; Cut-off Control: 1 x 3 mL; Negative Control: 1 x 2 mL				HS	Hộp 96 test	hộp	31
2	Kit phát hiện kháng thể người kháng Mycoplasma IgM				ĐỨC		Microtiterplate: 12 break-apart 8-well strips coated with Mycoplasma pneumoniae antigens; IgM Sample Dilution Buffer: 100 mL; Stop Solution: 1 x 15 mL; Washing Buffer (20x conc.): 1 x 50 mL; Conjugate: 1 x 20 mL; TMB Substrate Solution: 1 x 15 mL; Positive Control: 1 x 2 mL; Cut-off Control: 1 x 3 mL; Negative Control: 1 x 2 mL					Hộp 96 test	Hộp	38
3	Kit phát hiện các kháng thể kháng sởi IgM				ĐỨC		Microtiterplate: 12 break-apart 8-well strips coated with Measles Virus antigens; IgM Sample Dilution Buffer: 100 mL; Stop Solution: 1 x 15 mL; Washing Buffer (20x conc.): 1 x 50 mL; Conjugate: 1 x 20 mL; TMB Substrate Solution: 1 x 15 mL; Positive Control: 1 x 2 mL; Cut-off Control: 1 x 3 mL; Negative Control: 1 x 2 mL					Hộp 96 test	Hộp	3



4	Kít phát hiện các kháng thể kháng quai bị IgM										Hộp 96 test	Hộp	3		
		ĐÚC					Microtiterplate: 12 break-apart 8-well strips coated with Mumps Virus antigens; IgM Sample Dilution Buffer: 100 mL; Stop Solution: 1 x 15 mL; Washing Buffer (20x conc.): 1 x 50 mL; Conjugate: 1 x 20 mL; TMB Substrate Solution: 1 x 15 mL; Positive Control: 1 x 2 mL; Cut-off Control: 1 x 3 mL; Negative Control: 1 x 2 mL								
5	Kít phát hiện kháng thể kháng thể kháng ho gà IgM						ĐÚC					Hộp 96 test	Hộp	4	
							Microtiterplate: 12 break-apart 8-well strips coated with Bordetella pertussis antigens; IgM Sample Dilution Buffer: 100 mL; Stop Solution: 1 x 15 mL; Washing Buffer (20x conc.): 1 x 50 mL; Conjugate: 1 x 20 mL; TMB Substrate Solution: 1 x 15 mL; Positive Control: 1 x 2 mL; Cut-off Control: 1 x 3 mL; Negative Control: 1 x 2 mL								
6	Kít xác định kháng thể IgM Herpes Simplex Virus loại 1 và 2						ĐÚC					Hộp 96 test	Hộp	3	
							Microtiterplate: 12 break-apart 8-well strips coated with Herpes Simplex Virus 1+2 (HSV) antigens; IgM Sample Dilution Buffer: 100 mL; Stop Solution: 1 x 15 mL; Washing Buffer (20x conc.): 1 x 50 mL; Conjugate: 1 x 20 mL; TMB Substrate Solution: 1 x 15 mL; Positive Control: 1 x 2 mL; Cut-off Control: 1 x 3 mL; Negative Control: 1 x 2 mL								

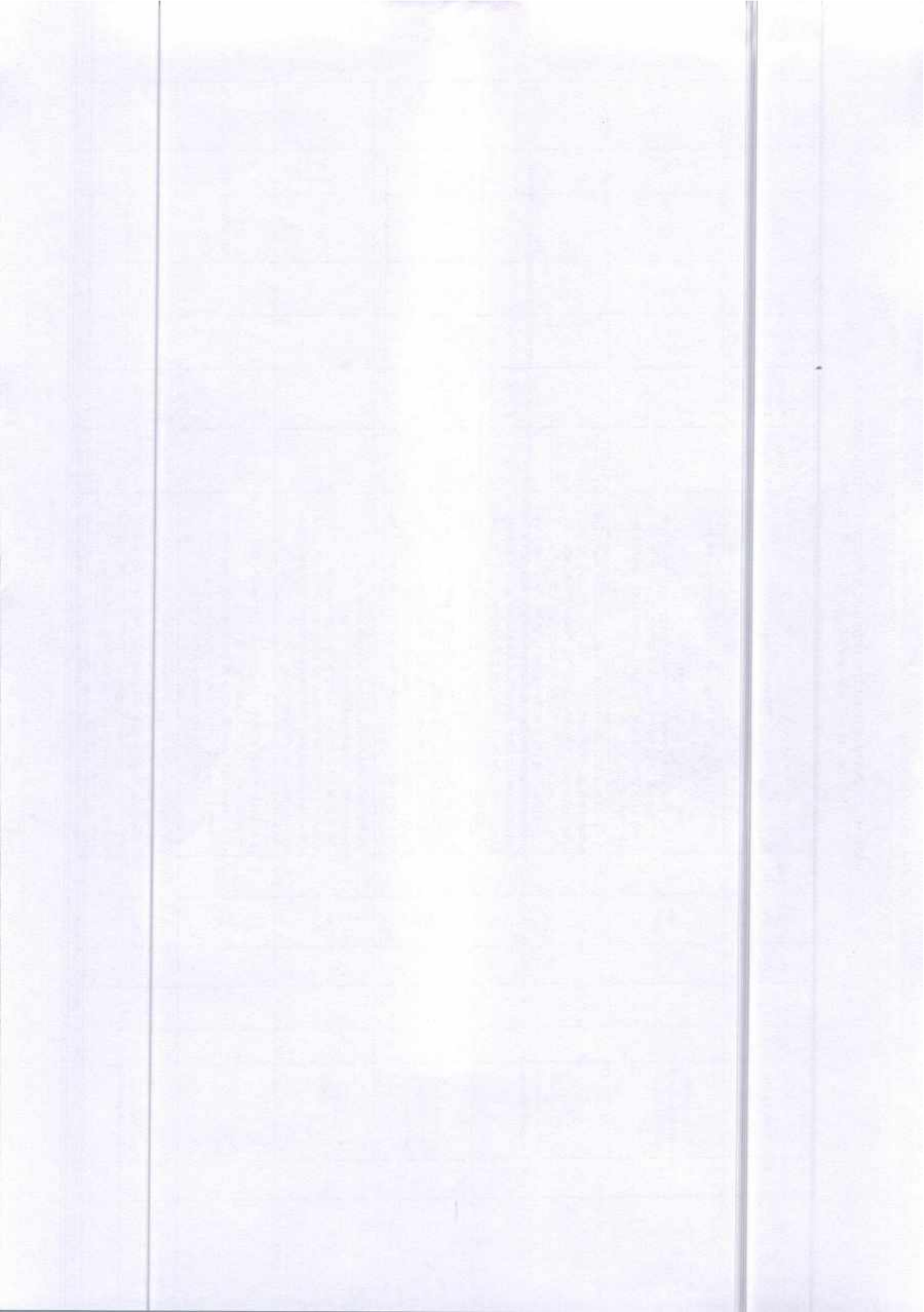


7	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus Rubella		ĐÚC		<p>Microtiterplate: 12 break-apart 8-well strips coated with anti-human IgM-class antibodies; Sample Dilution Buffer: 100 mL; Stop Solution: 1 x 15 mL; Washing Buffer (20x conc.): 1 x 50 mL; Conjugate: 1 x 20 mL; TMB Substrate Solution: 1 x 15 mL; Positive Control: 1 x 2 mL; Cut-off Control: 1 x 3 mL; Negative Control: 1 x 2 mL</p>			Hộp 96 test	Hộp	2
8	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus Varicella-Zoster		ĐÚC		<p>Microtiterplate: 12 break-apart 8-well strips coated with Varicella-Zoster Virus (VZV) antigens; IgM Sample Dilution Buffer: 100 mL; Stop Solution: 1 x 15 mL; Washing Buffer (20x conc.): 1 x 50 mL; Conjugate: 1 x 20 mL; TMB Substrate Solution: 1 x 15 mL; Positive Control: 1 x 2 mL; Cut-off Control: 1 x 3 mL; Negative Control: 1 x 2 mL</p>			Hộp 96 test	Hộp	3
TỔNG: 08 KHOẢN										



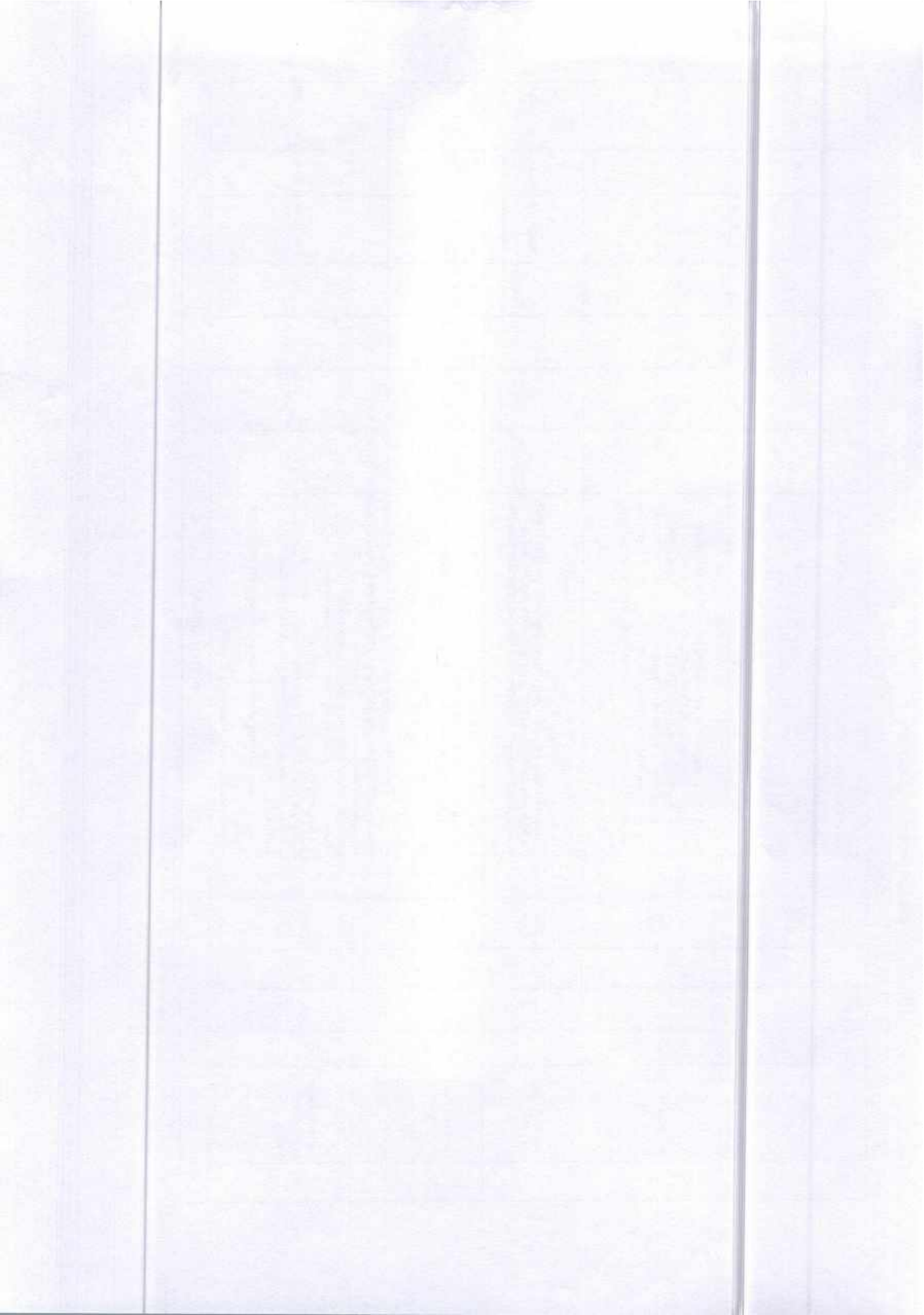
DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI TEST NHANH
(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

STT	Tên hàng hóa	Ký mã mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ(Quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	MA HS	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Test nhanh chuẩn đoán sốt xuất huyết Dengue kháng nguyên				Hàn Quốc		<p>Phát hiện kháng nguyên NS1 kháng virus dengue trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: 97.16%; Độ đặc hiệu: >99.9% - Thành phần: Cồng hợp vàng - kháng thể đơn dòng chuột kháng dengue NS1; Vạch thử: Kháng thể đơn dòng chuột kháng dengue NS1; Vạch chứng: Kháng thể để kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm cồng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. 					Hộp 25 test	Test	2.425
2	Test nhanh chuẩn đoán sốt xuất huyết Dengue kháng thể				Hàn Quốc		<p>Phát hiện kháng thể IgG/IgM kháng virus dengue trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy Dengue IgG: 98.29%; Độ đặc hiệu Dengue IgG: 97.76% - Độ nhạy Dengue IgM: 97.92%; Độ đặc hiệu Dengue IgM: 100% - Thành phần: Cồng hợp vàng - kháng nguyên đặc hiệu Dengue tái tổ hợp; Vạch thử: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgG người; Vạch thử: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgM người; Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng Dengue tái tổ hợp; Màng Nitrocellulose; Đệm cồng hợp; Đệm hấp thụ. 					Hộp 25 test	Test	500
3	Test nhanh chuẩn đoán viêm ruột do Rota virus				Hàn Quốc		<p>Phát hiện kháng nguyên virus Rota trong mẫu phân người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: 94%; Độ đặc hiệu: 93.8% - Thành phần: Cồng hợp vàng - kháng thể đơn dòng kháng virus rota; Vạch thử: Kháng thể đa dòng chó kháng virus rota; Vạch chứng: Kháng thể để kháng thể; Màng Nitrocellulose; Đệm cồng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. 					Hộp 25 test	Test	6.925
4	Test nhanh phát hiện kháng nguyên H.pylori				Hàn Quốc		<p>Phát hiện kháng nguyên H.pylori trong mẫu phân người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: 96%; Độ đặc hiệu: 96.9% - Thành phần: Cồng hợp vàng - kháng thể đơn dòng chuột kháng helicobacter pylori; Vạch thử: Kháng thể đơn dòng chuột kháng helicobacter pylori; Vạch chứng: Kháng thể để kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm cồng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. 					Hộp 25 test	Test	300
5	Test nhanh chuẩn đoán viêm gan B				Hàn Quốc		<p>Phát hiện kháng nguyên HBS trong huyết thanh, huyết tương người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: 98.68%; Độ đặc hiệu: 99.8% - Thành phần: Cồng hợp vàng - kháng thể đơn dòng chuột kháng HBSAg; Vạch thử: Kháng HBSAg; Vạch chứng: Kháng thể để kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm cồng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. 					Hộp 25 test	Test	2.750
6	Test nhanh chuẩn đoán viêm gan C				Hàn Quốc		<p>Phát hiện kháng thể HCV trong huyết thanh, huyết tương người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99% - Thành phần: Cồng hợp vàng - kháng nguyên HCV tái tổ hợp (Loài, NS3, NS4, NSS); Vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (Loài, NS3, NS4, NSS); Vạch chứng: Kháng thể để kháng IgG heo; Màng Nitrocellulose; Đệm cồng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. 					Hộp 25 test	Test	1.500



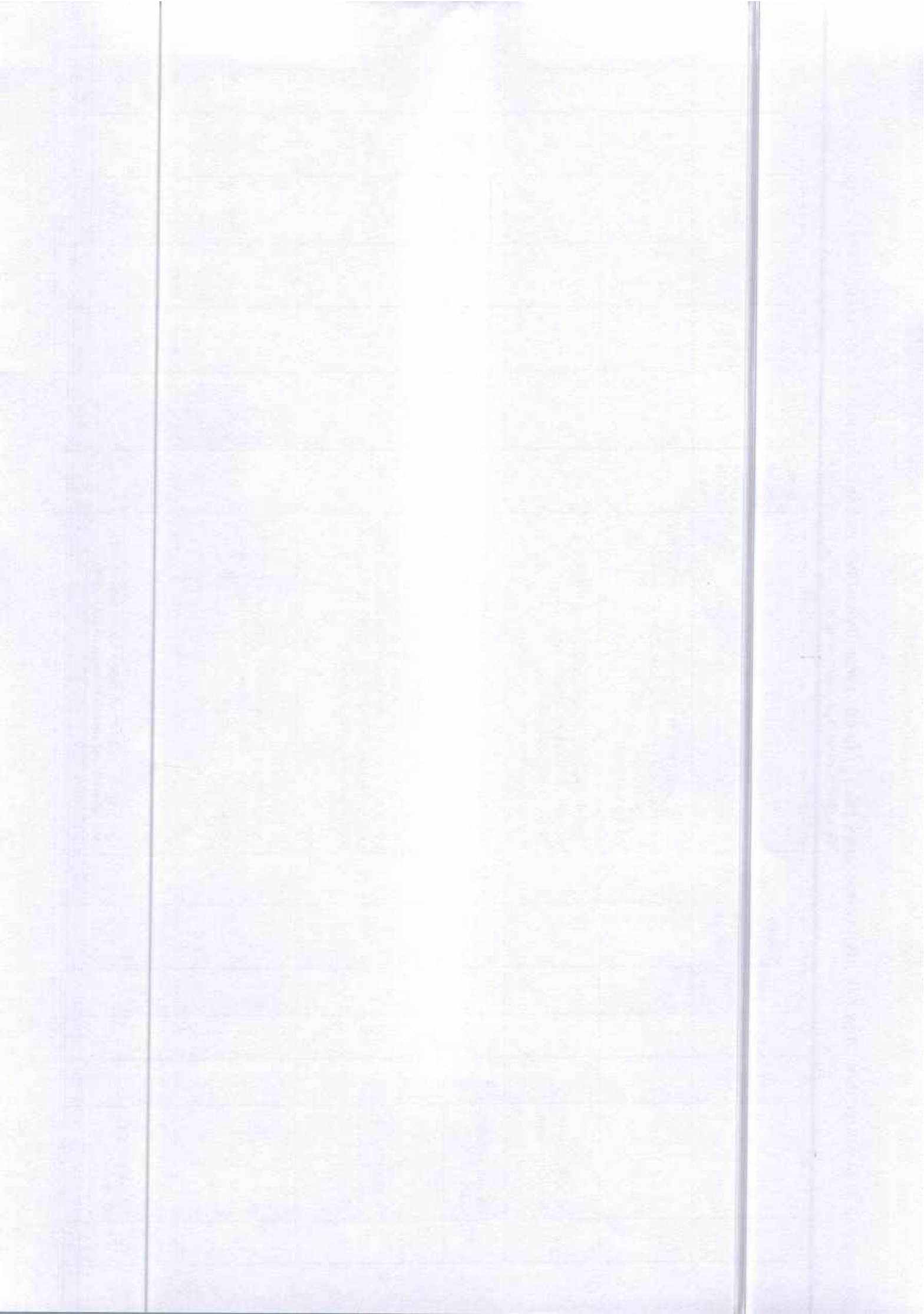
7	Test nhanh chuẩn đoán HIV 1/2									Hộp 25 test	Test	1.250
		Hàn Quốc				Phát hiện kháng thể HIV loại 1 và loại 2 và các type phụ trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99,75% - Thành phần: Công hợp vàng - kháng nguyên HIV1/HIV2 tái tổ hợp; Vạch thử 1: Kháng nguyên HIV1 tái tổ hợp (p24, gp41); Vạch thử 2: Kháng nguyên HIV2 tái tổ hợp (gp36); Vạch chứng: Kháng thể để kháng tái tổ hợp HIV 1/2; Màng Nitrocellulose; Đệm công hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ.						
8	Test nhanh chuẩn đoán cúm	Hàn Quốc				Phát hiện kháng nguyên virus cúm A/B trong mẫu dịch mũi họng người - Độ nhạy: 83,7% (Type A), 94,4% (Type B); Độ đặc hiệu: 96,67% - Thành phần: Công hợp vàng - kháng thể đơn dòng chuột kháng influenza A; Công hợp vàng - kháng thể đơn dòng chuột kháng influenza B; Vạch thử 1: Kháng thể đơn dòng chuột kháng influenza A; Vạch thử 2: Kháng thể đơn dòng chuột kháng influenza B; Vạch chứng: Kháng thể để kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm công hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ.				Hộp 25 test	Test	18.000
9	Test nhanh phát hiện RSV	Hàn Quốc				Phát hiện kháng nguyên RSV trong mẫu dịch mũi họng người - Độ nhạy: 98,1%; Độ đặc hiệu: >99% - Thành phần: Công hợp vàng - kháng thể đơn dòng chuột kháng RSV; Vạch thử: Kháng thể đơn dòng chuột kháng RSV; Vạch chứng: Kháng thể để kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm công hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ.				Hộp 25 test	Test	11.000
10	Test nhanh phát hiện hồng cầu trong phân	Hàn Quốc				Phát hiện vết máu trong mẫu phân người - Độ nhạy: 99,1%; Độ đặc hiệu: 98,5% - Thành phần: Công hợp vàng - kháng thể đơn dòng kháng Hemoglobin; Vạch thử: Kháng thể đơn dòng kháng Hemoglobin; Vạch chứng: Kháng thể để kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm công hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ.				Hộp 25 test	Test	250
11	Test nhanh chẩn đoán chân tay miệng	Trung Quốc				Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 (Huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần) - Mẫu phẩm: Huyết tương, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 96,8%, khoảng tin cậy: 95% CI thành phần kis thử 1. Kháng thể EV71 (EV71 antibody), 20 µg/ml 2. Kháng nguyên EV71 (EV71 antigen) 0.175 mg/ml 3. Kháng thể kháng chuỗi µ-IgM người (Anti - human IgM µ-chain antibody) 1.5 mg/ml 4. Kháng thể đa dòng kháng IgG chuột (Anti-mouse polyclonal antibody): 2.0 mg/ml - Không phản ứng chéo với HBV-IgG, HCV-IgG				Hộp 25 test	Test	1.000

TỔNG: 11 KHOẢN

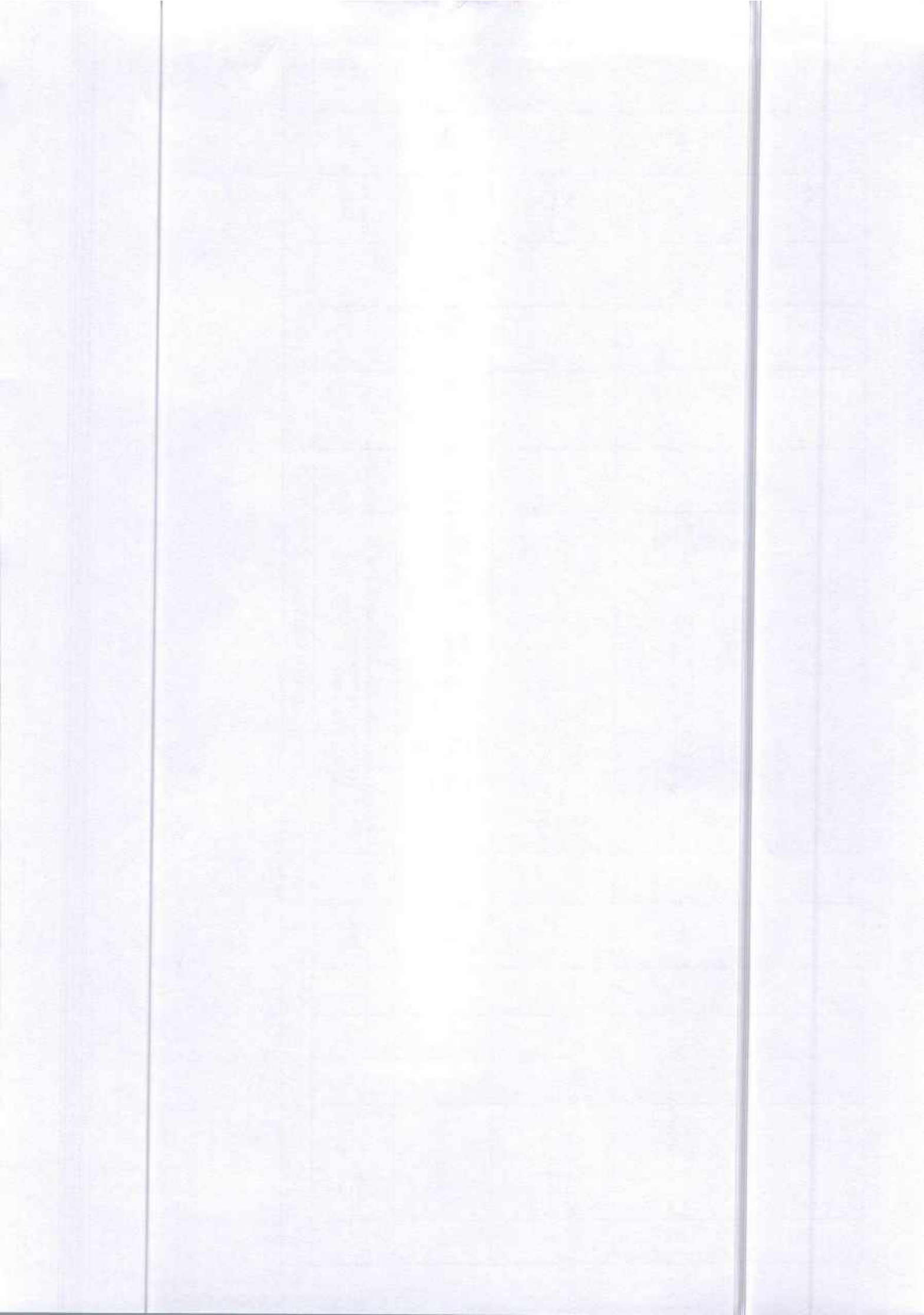


DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI HÓA CHẤT ĐỊNH DANH VÀ KHÁNG SINH ĐÓ DÙNG CHO MÁY VITECK 2 COMPACT
(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ(Quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm				Mỹ		Thẻ định danh Gram âm sử dụng với máy VITECK 2 để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men Thẻ gồm 47 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO					Hộp 20 thẻ	Hộp	75
2	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương				Mỹ		Thẻ định danh Gram dương sử dụng với máy VITECK 2 để định danh các vi sinh vật Gram dương Thẻ gồm 43 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO					Hộp 20 thẻ	Hộp	60
3	Thẻ định danh nấm- YST				Mỹ		Thẻ định danh nấm men sử dụng với máy VITECK 2 để định danh nấm men và các vi sinh vật tương tự nấm men					Hộp 20 thẻ	Hộp	1
4	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm				Mỹ		Thẻ kháng sinh đồ Gram âm được sử dụng với Hệ thống VITECK® 2 để xác định tính nhạy cảm của trực khuẩn Gram âm hiếu khí thường gặp. Mỗi thẻ AST chứa các kháng sinh được chọn có nồng độ khác nhau.					Hộp 20 thẻ	Hộp	75
5	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương				Mỹ		Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương dùng với máy VITECK 2 Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO					Hộp 20 thẻ	Hộp	60
6	Thẻ kháng sinh đồ Phế cầu				Mỹ		Thẻ làm kháng sinh đồ Streptococcus dùng với máy VITECK 2 Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO					Hộp 20 thẻ	Hộp	24



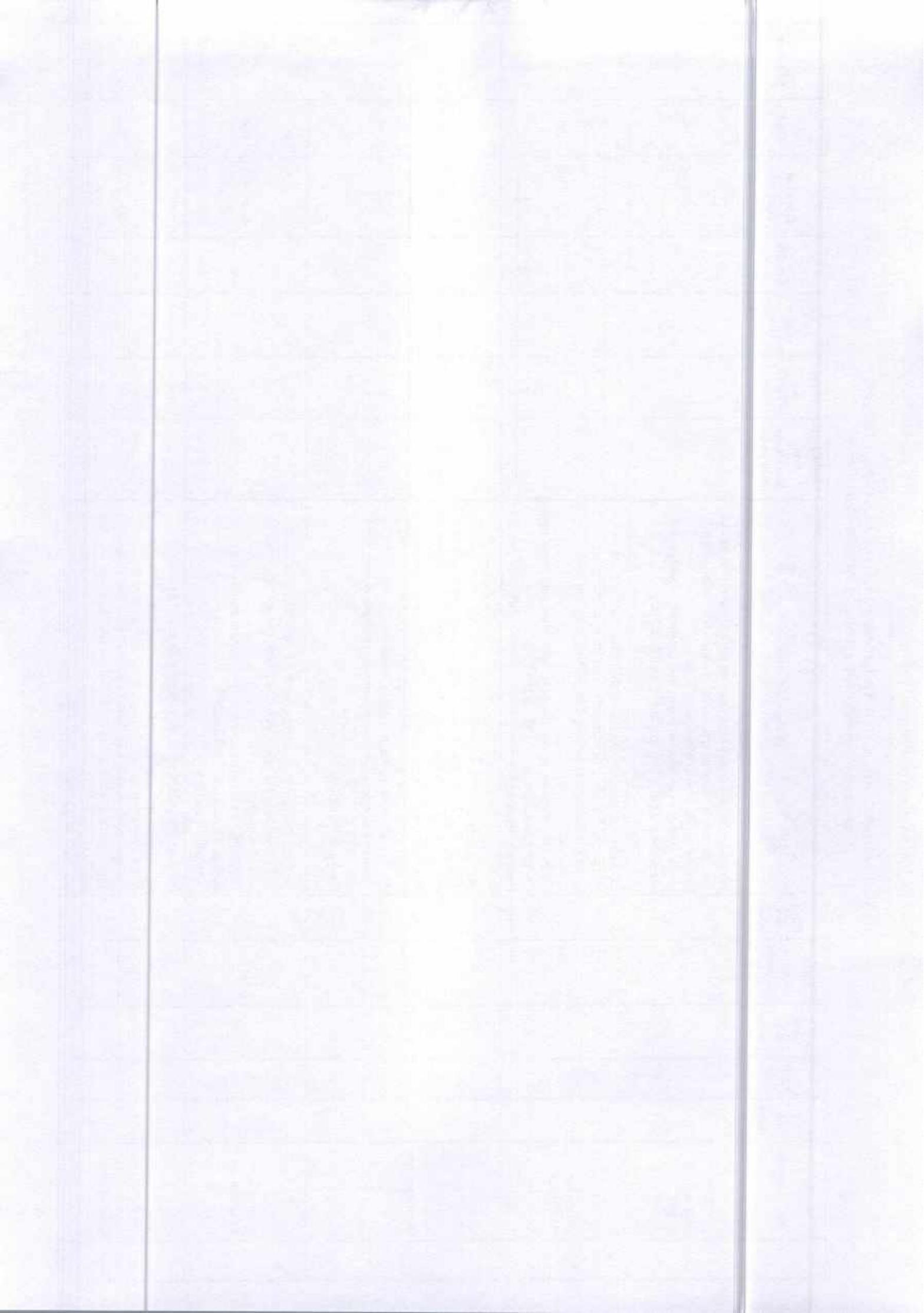
7	Thẻ kháng sinh đồ Năm						Mỹ	<p>Thẻ làm kháng sinh đồ năm dùng với máy VITEK 2</p> <p>Mỗi thẻ chứa các kháng nấm chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO</p>					Hộp 20 thẻ	Hộp	1
8	Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn						Đức	<p>Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm</p> <p>dùng một lần sử dụng với máy VITEK 2</p>					Hộp 2000 ống	Hộp	5
9	Nước muối pha huyền dịch vi khuẩn 0,45%						FRANCE	<p>Nước muối 0,45% dùng với máy VITEK 2, pH: 4,5 - 7, là sản phẩm IVD (in vitro diagnostic).</p>					Hộp 20 chai x 500 ml	Chai	37
10	Ống lưu chủng						Pháp	<p>Ống môi trường bảo quản chủng vi sinh vật. Hộp 64 ống, mỗi ống chứa 25 hạt có thể kết dính các vi sinh vật và dung dịch bảo quản lạnh ưu trương</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO</p>					Hộp 64 ống	Hộp	1
11	E-thanh Vancomycin						Pháp	<p>Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Vancomycin nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ</p> <p>Qui cách đóng gói: 30 thanh/hộp</p>					Hộp 30 thanh	Hộp	2
TỔNG: 11 KHOẢN															



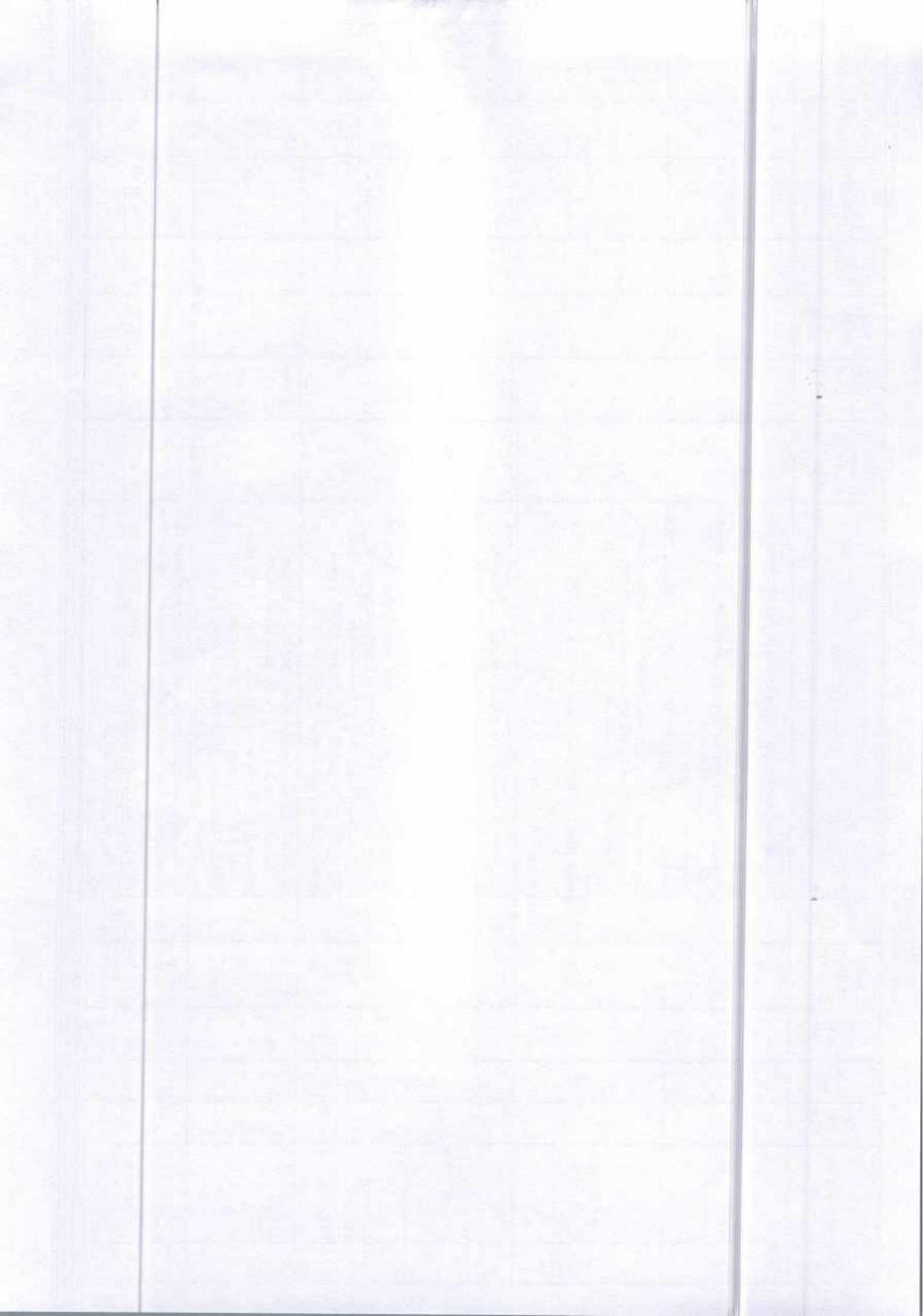
DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBVT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
1	Môi trường số cổ la				Việt Nam		Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt là <i>Neisseria</i> spp. và <i>Haemophilus</i> . Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated sheep blood, Agar, Multivitamin, pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp					Hộp 10 đĩa	Hộp	1.548
2	Môi trường MacConkey				Việt Nam		Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar, pH: 7.1±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp					Hộp 10 đĩa	Hộp	214
3	Môi trường máu cấy tiểu				Việt Nam		Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để chẩn đoán nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Trong môi trường có tryptophan là chất chỉ thị hoạt động của tryptophan deaminase (TDA), tạo ra các khuẩn lạc Proteus, Morganella và Providencia spp. với quầng sáng màu nâu.Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, Chromogenic mix, tryptophane, Agar, pH: 6.8 ±0.2 ở 25°C; Đóng gói: 10 đĩa/Hộp					Hộp 10 đĩa	Hộp	63
4	Môi trường kháng sinh đồ				Việt Nam		Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn không khó mọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Agar, Sodium chloride; pH: 7.3±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp					Hộp 10 đĩa	Hộp	142
5	Môi trường nuôi cấy Shigella và Salmonella				Việt Nam		Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để phân lập một số Shigella và Salmonella từ các mẫu bệnh phẩm. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Beef extract, Peptone, Lactose, Sodium thiosulphate, Ammonium ferric citrate, Bile salts, Trisodium citrate, Neutral red, Agar, pH: 7.4±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp					Hộp 10 đĩa	Hộp	188

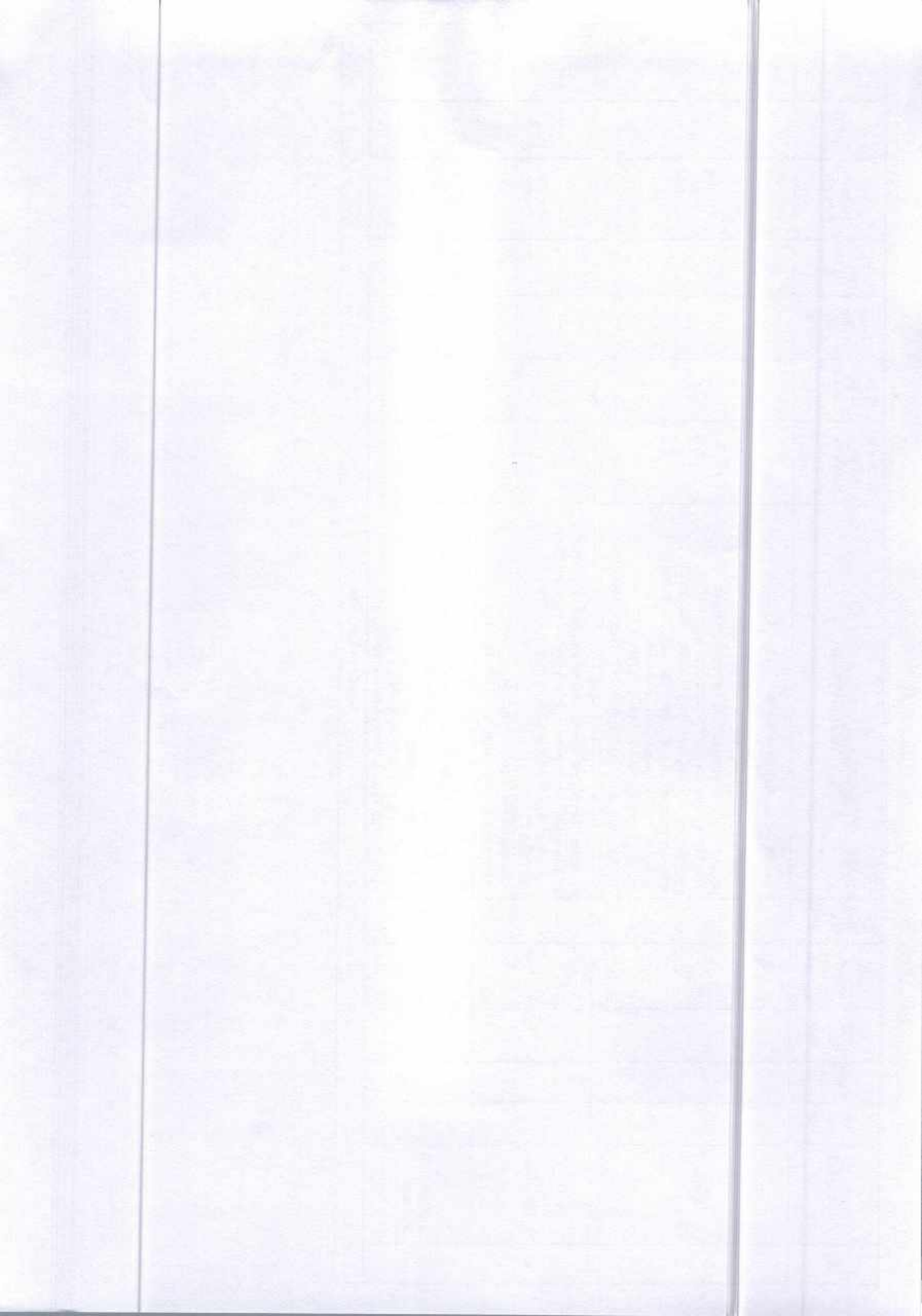


STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
6	Môi trường máu				Việt Nam		Địa thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Địa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp					Hộp 10 đĩa	Hộp	1.523
7	Môi trường phát hiện H. pylori				Việt Nam		Ống nhựa chứa 1,5ml có nắp nhấn kín chứa 0,3ml môi trường thạch dùng để kiểm tra nhanh sự hiện diện của Helicobacter pylori trong mẫu bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Thời gian đọc kết quả 2-30 phút. Thành phần: Urea 40% 50ml, Phenol red 0.04g, Agar 4.0g, pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C Đóng gói: hộp 50 ống					Hộp 50 ống	Hộp	12
8	Môi trường Simmons Citrate				Anh		Để phân biệt Enterobacteriales dựa vào việc sử dụng citrate. Thành phần bao gồm: Magnesium sulphate 0.2 g/lit, Ammonium dihydrogen phosphate 0.2 g/lit, Tri-sodium citrate 2.5 g/lit, Bromo-thymol blue 0.080 g/lit, Sodium ammonium phosphate 0.8 g/lit, Sodium chloride 5.0 g/lit, Agar 14.0 g/lit, pH cuối: 6.9 ± 0.2.					Hộp 500g	Hộp	1
9	Môi trường Mannitol Salt Agar				Anh		Môi trường chọn lọc để phân lập staphylococci gây bệnh. Thành phần bao gồm: Peptone 8.0g/lit, Yeast extract 2.0g/lit, Lactoalbumin 3.0g/lit, Sodium chloride 30.0g/lit, Mannitol 10.0g/lit, Phenol red 0.0225g/lit, Lithium chloride 7.0g/lit, Glycine 1.0g/lit, Sodium pyruvate 3.0g/lit, Agar 12.0g/lit, pH cuối: 7.4 ± 0.2.					Hộp 500g	Hộp	1
10	Môi trường Kligler Iron				Anh		Để phân biệt Enterobacteriales dựa vào việc sản sinh hydrogen sulphide và lên men đường đôi.. Thành phần bao gồm: Pepton mixtrure 18.0 g/lit, Meat extract 4.0 g/ lit, Yeast extract 3.0 g/lit, Lactose 10.0 g/lit, Dextrose 1.0 g/lit, Sodium chloride 5.0 g/lit, Sodium thiosulphate 0.3 g/lit, Ferric ammonium citrate 0.3 g/lit, Phenol red 0.05 g/lit, Agar A 14.0 g/lit, pH cuối: 7.4 ± 0.2.					Hộp 500g	Hộp	1
11	Môi trường Stec				Việt Nam		Địa thạch dùng sẵn chứa môi trường sinh màu dùng để phát hiện E. coli sinh độc tố Shiga-Toxin. Địa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptones and yeast extract, Salts, Chromogenic mix, Selective mix, Agar, pH 6.9 ± 0.2 ở 25°C. Đóng gói: 10 đĩa/Hộp					Hộp 10 đĩa	Hộp	20



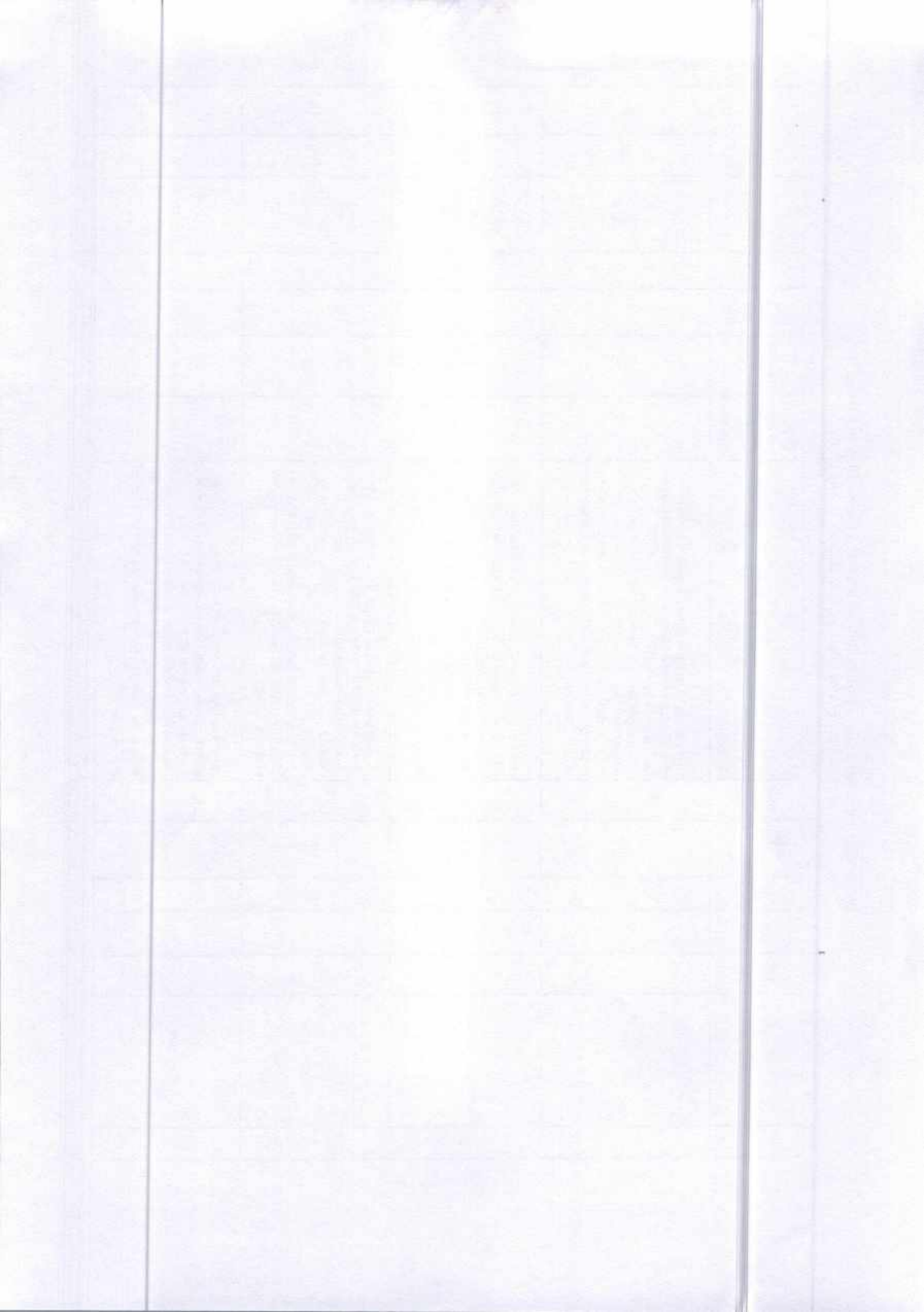
STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A, B, C, D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng	
12	Chai cấy máu nắp vàng				Mỹ		<p>Chai mỗi trường phát hiện vi sinh vật hiếu khí và kỵ khí tùy tiện (vi khuẩn và nấm men) từ máu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chai cấu tạo bằng polycarbonate, nắp màu vàng - Chứa ≥ 30ml môi trường và ≥ 1.6g hạt polyme hấp phụ - Có khả năng trung hòa tối thiểu các kháng sinh: penicillins, glycylcyclines, polyenes, macrolides, triazoles, echinocandins, ceftazolin, ceftaxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, glycopeptides, và oxazolidinones - Sử dụng với hệ thống cấy máu BacT/ALERT - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485, CE-IVD, FDA,... 						(30 ml/chai x100 chai)/hộp	Hộp	15
13	Bộ nhuộm Gram				Việt Nam		<p>Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng 						Bộ 4 chai 250ml	Bộ	7
14	Bộ nhuộm Ziehl - Neelsen				Việt Nam		<p>Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbol Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Methylene Blue chai 250ml.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng 						Bộ 3 chai 250ml	Bộ	1

TỔNG : 14 KHOẢN

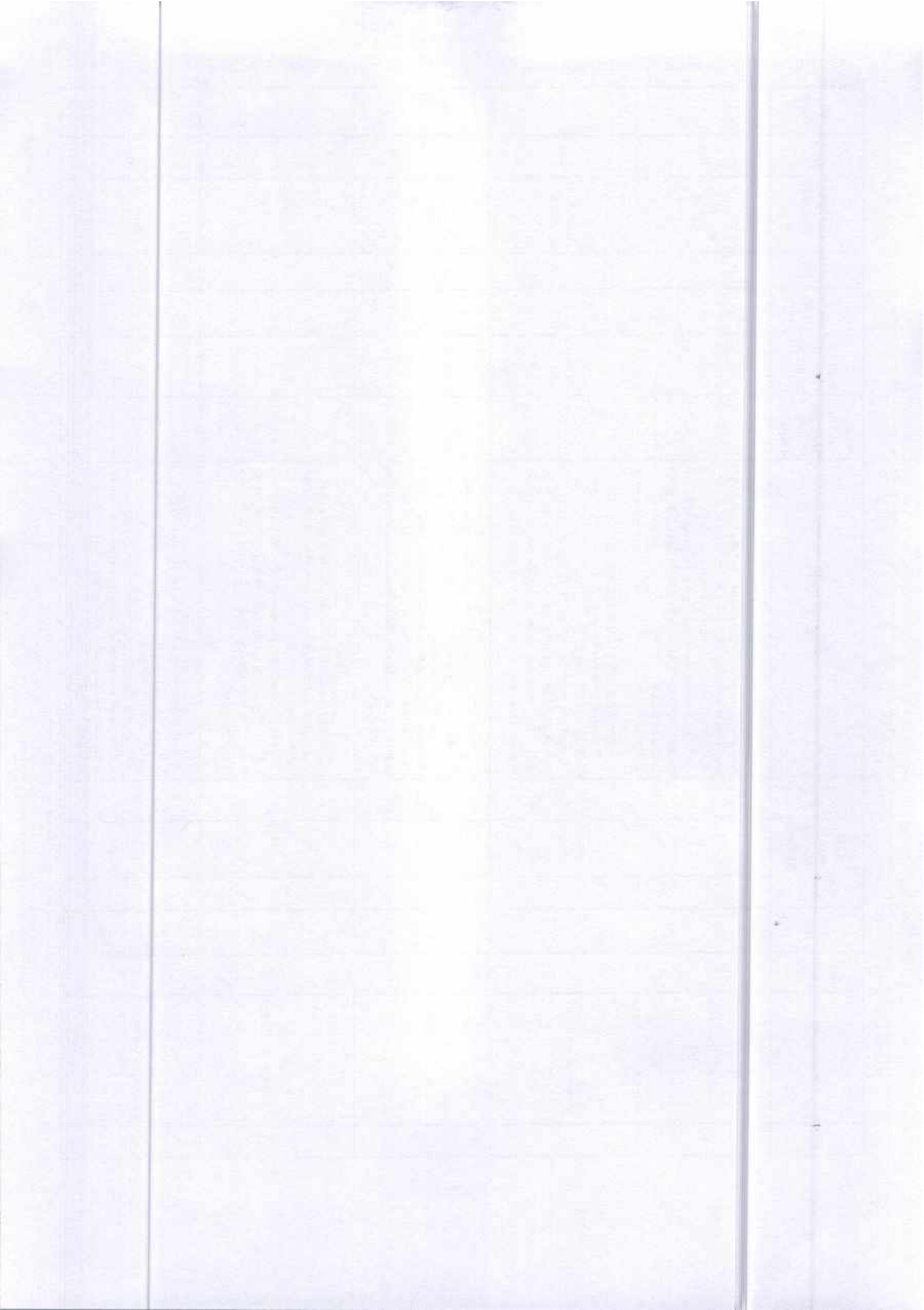


DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI KHOANH KHÁNG SINH
(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

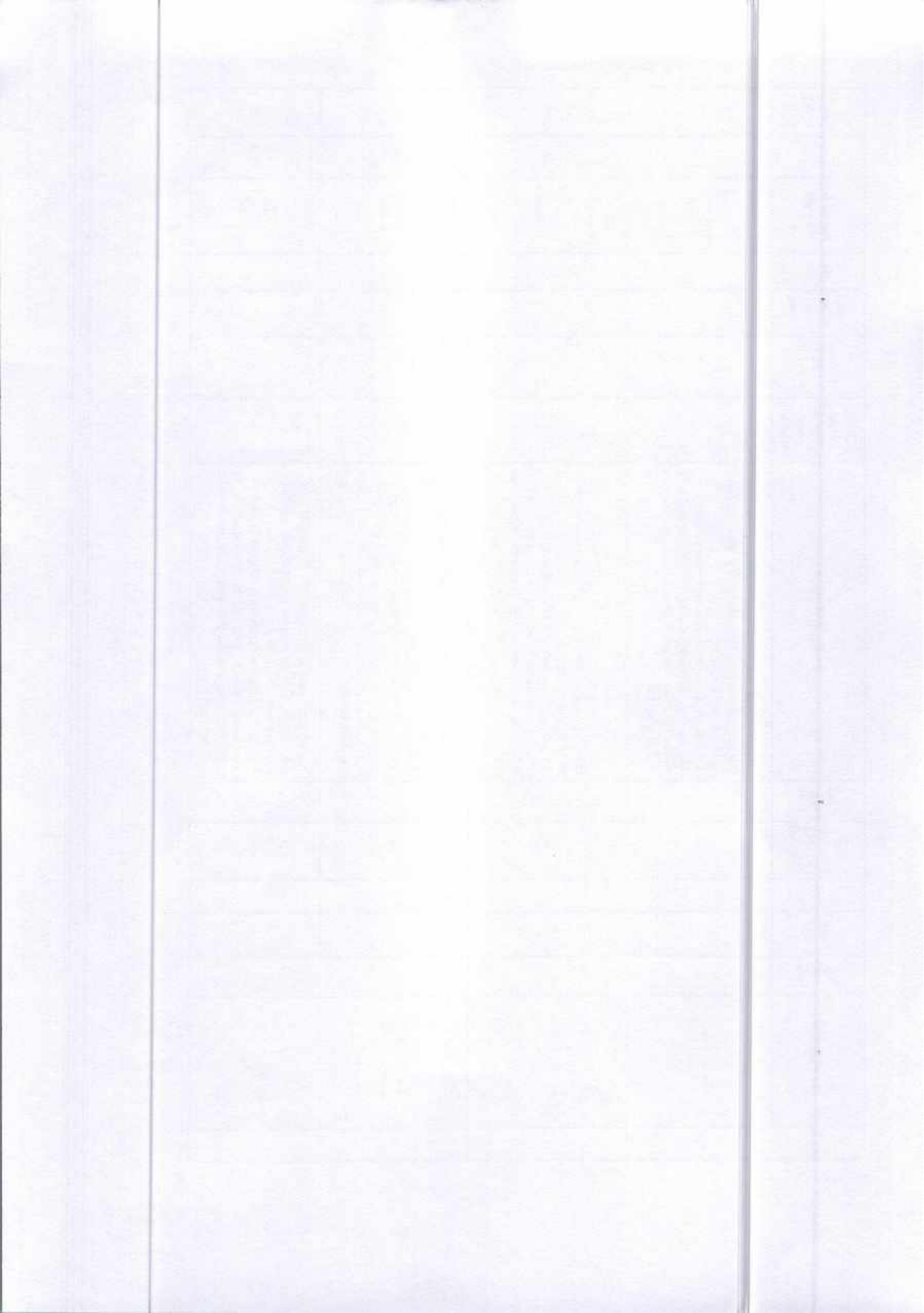
STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Khoanh giấy Amoxicillin/Clavulanic 20/10µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Amoxicillin/Clavulanic acid có nồng độ 20/10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 				Hộp 5* 50 khoanh		10	
2	Khoanh giấy Ampicillin 10µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Ampicillin có nồng độ 10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 				Hộp 5* 50 khoanh		10	
3	Khoanh giấy Ampicillin /Sulbactam 30µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Ampicillin/Sulbactam có nồng độ 20 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 				Hộp 5* 50 khoanh		10	
4	Khoanh giấy Azithromycin 15µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Azithromycin có nồng độ 15 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 				Hộp 5* 50 khoanh		10	



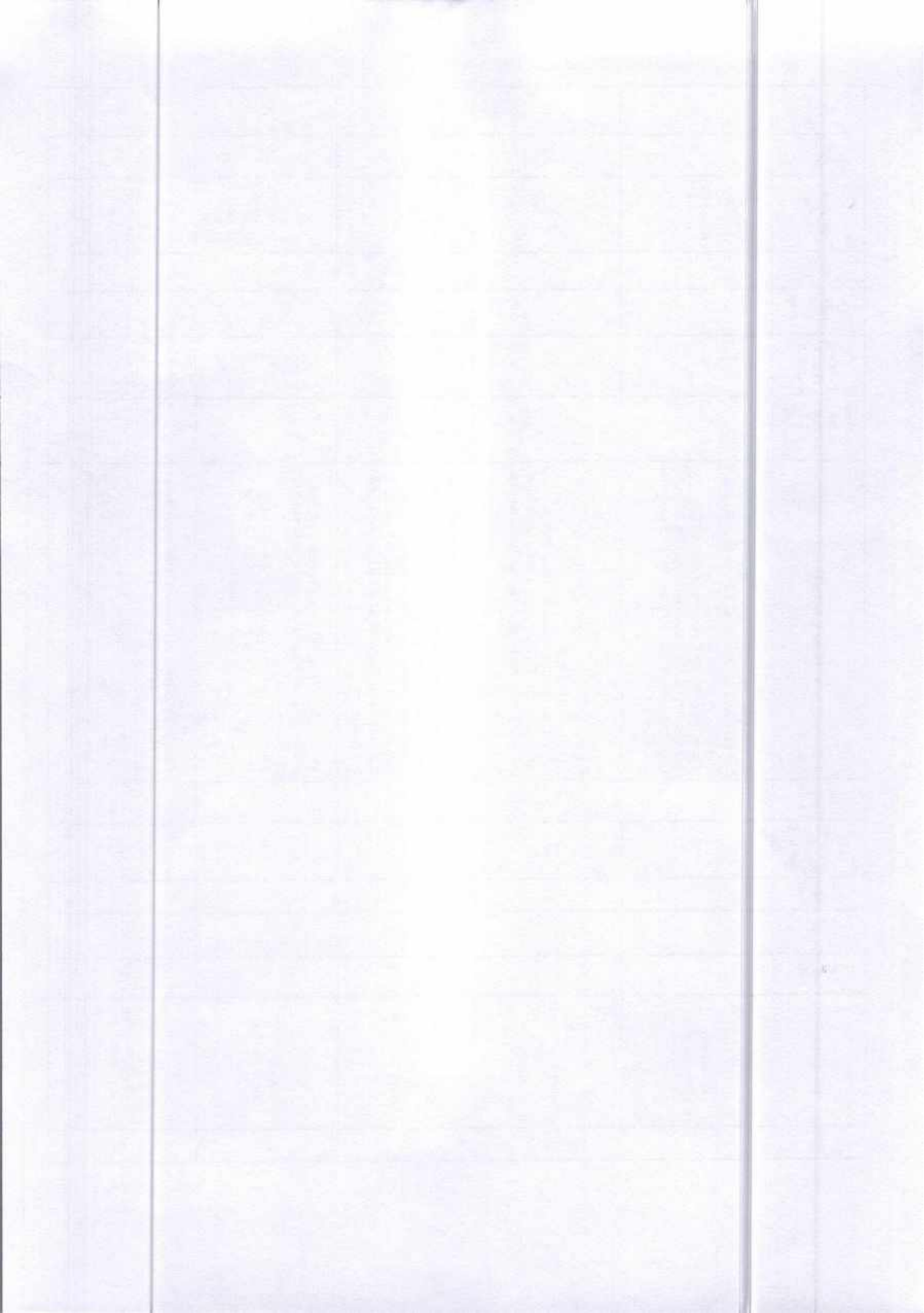
STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTYBT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Ma HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
5	Khoanh giấy Bacitracin 0.4µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy chứa 0.04 units bacitracin. - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	5
6	Khoanh giấy Cefaclor 30µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Cefaclor có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	10
7	Khoanh giấy Cefixime 5µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Cefixime có nồng độ 5 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	10
8	Khoanh giấy Cefpodoxime 10µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Cefpodoxime có nồng độ 10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	10
9	Khoanh giấy Cefepime 30µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Cefepime có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	10



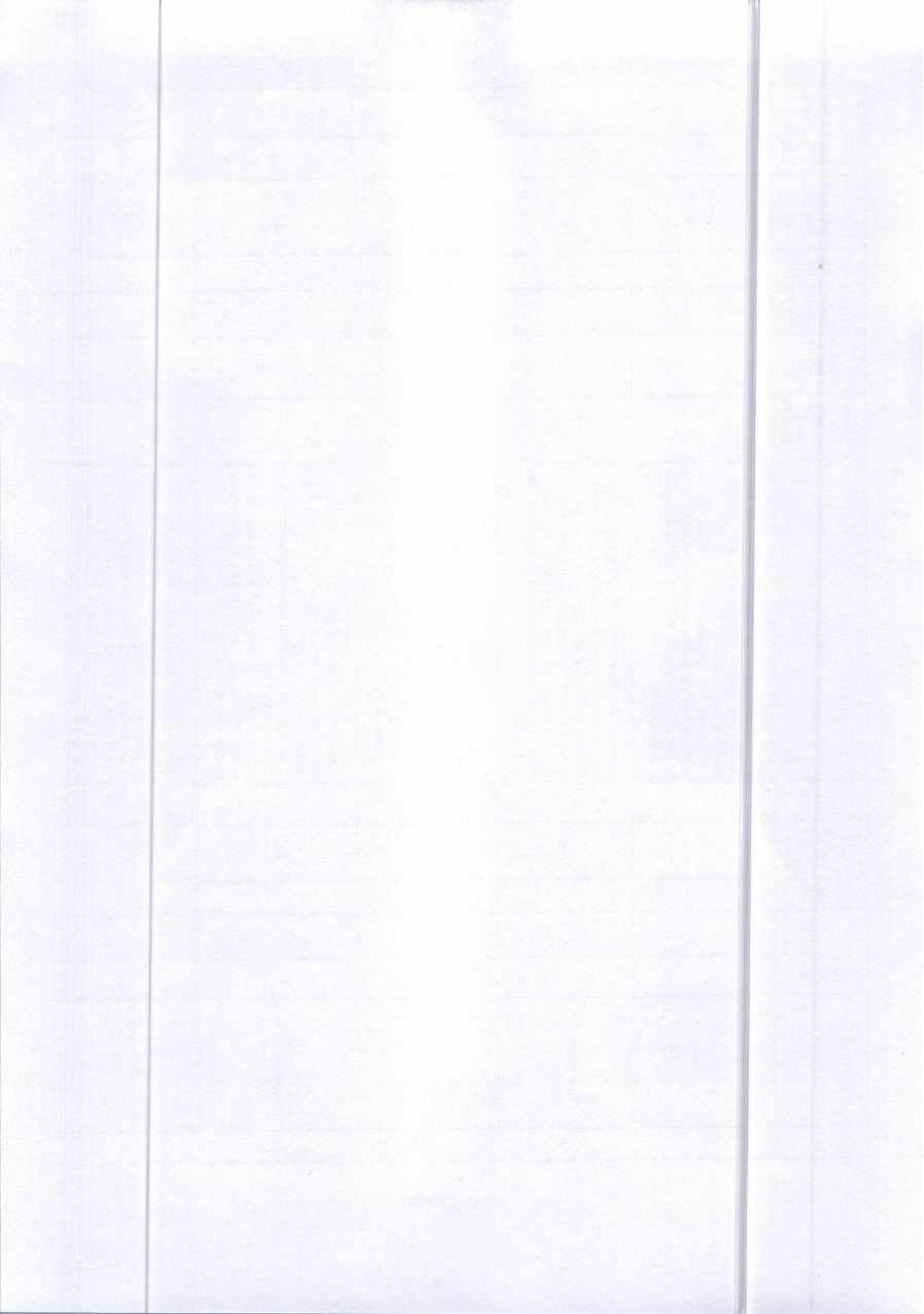
STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
10	Khoanh giấy Cefotaxime 30µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được làm Cefotaxime có nồng độ 30µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp	10	
11	Khoanh giấy Cefoxitin 30µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được làm Cefoxitin có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp	10	
12	Khoanh giấy Cefazidime 30µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được làm Cefazidime có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp	10	
13	Khoanh giấy Cefibuten 30µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được làm Cefibuten có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp	10	



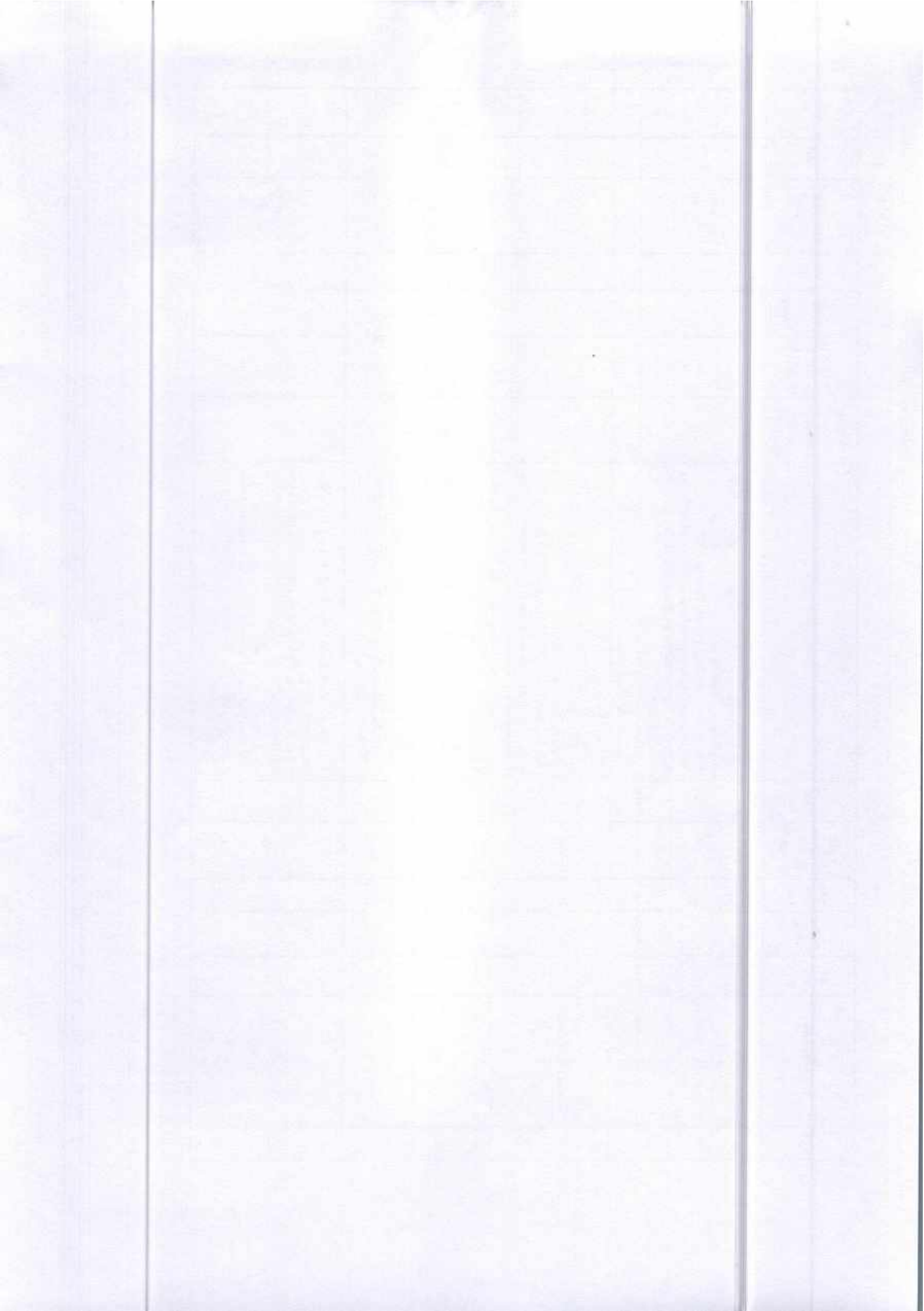
STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
14	Khoanh giấy Cefuroxime 30µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Cefuroxime có nồng độ 30 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/S* 50 khoanh	Hộp	10
15	Khoanh giấy Ertapenem 10µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Ertapenem có nồng độ 10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/S* 50 khoanh	Hộp	10
16	Khoanh giấy Erythromycin 15µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Erythromycin có nồng độ 15 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/S* 50 khoanh	Hộp	10
17	Khoanh giấy Gentamicin 10µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Gentamicin có nồng độ 10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/S* 50 khoanh	Hộp	10
18	Khoanh giấy Imipenem 10µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Imipenem có nồng độ 10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/S* 50 khoanh	Hộp	10



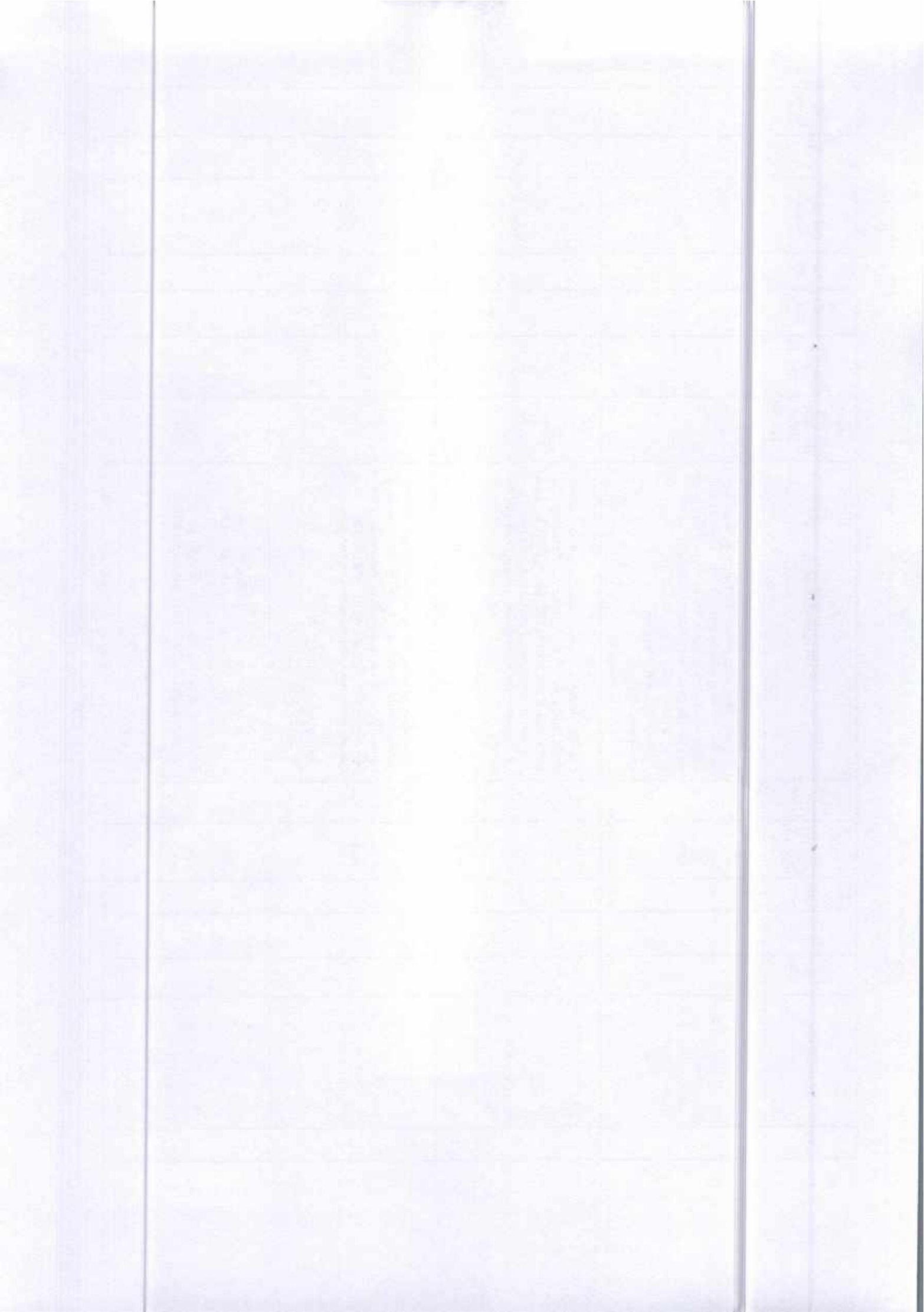
STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
19	Khoanh giấy Levofloxacin 5µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Levofloxacin có nồng độ 5 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	10
20	Khoanh giấy Moxifloxacin 5µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Moxifloxacin có nồng độ 5 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	10
21	Khoanh giấy Ofloxacin 5µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Ofloxacin có nồng độ 5 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	10
22	Khoanh giấy Trimethoprim/Sulfamethoxazole 1.25/23.75				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Trimethoprim/sulfamethoxazole 1:19 có nồng độ 25 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	10
23	Khoanh giấy Doripenem 10µg				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Doripenem có nồng độ 10 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 					Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	10



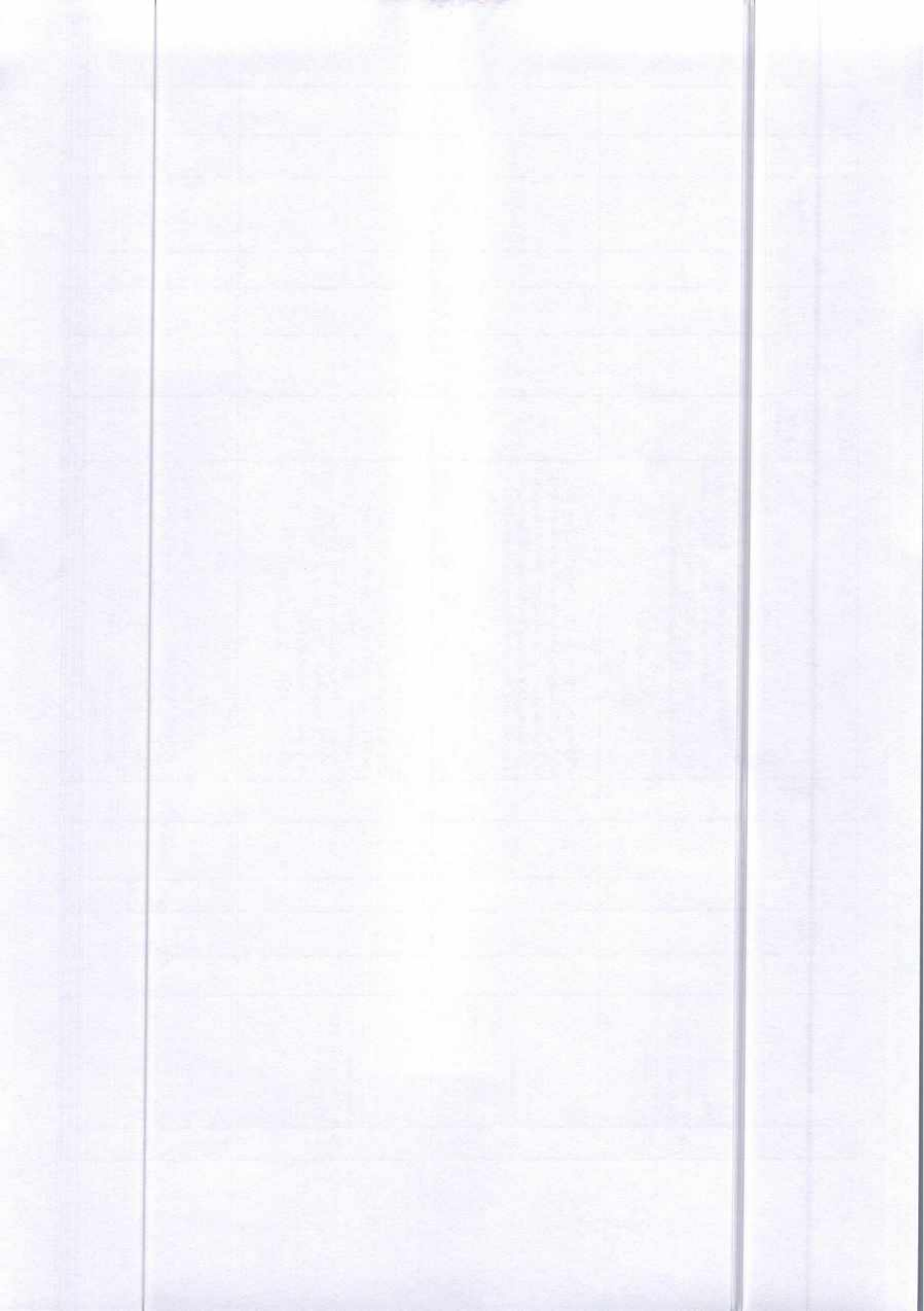
STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ(Quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
24	Khoanh giấy Optochin				Anh		<p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Khoanh giấy được tẩm Optochin có nồng độ 5µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 				Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	10	
25	Khoanh giấy X Factor				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy yếu tố V dùng để phân biệt các vi khuẩn Haemophilus - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 				Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	5	
26	Khoanh giấy V Factor				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy yếu tố X dùng để phân biệt nhóm vi khuẩn Haemophilus spp. - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 				Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	5	
27	Khoanh giấy X&V Factor				Anh		<ul style="list-style-type: none"> - Khoanh giấy yếu tố X+V dùng để phân biệt các vi khuẩn Haemophilus - Khoanh giấy có đường kính 6mm. Các khoanh giấy được đánh dấu trên cả hai mặt bằng mã chữ và số nhằm xác định loại kháng sinh và nồng độ - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ 				Hộp/5* 50 khoanh	Hộp	5	



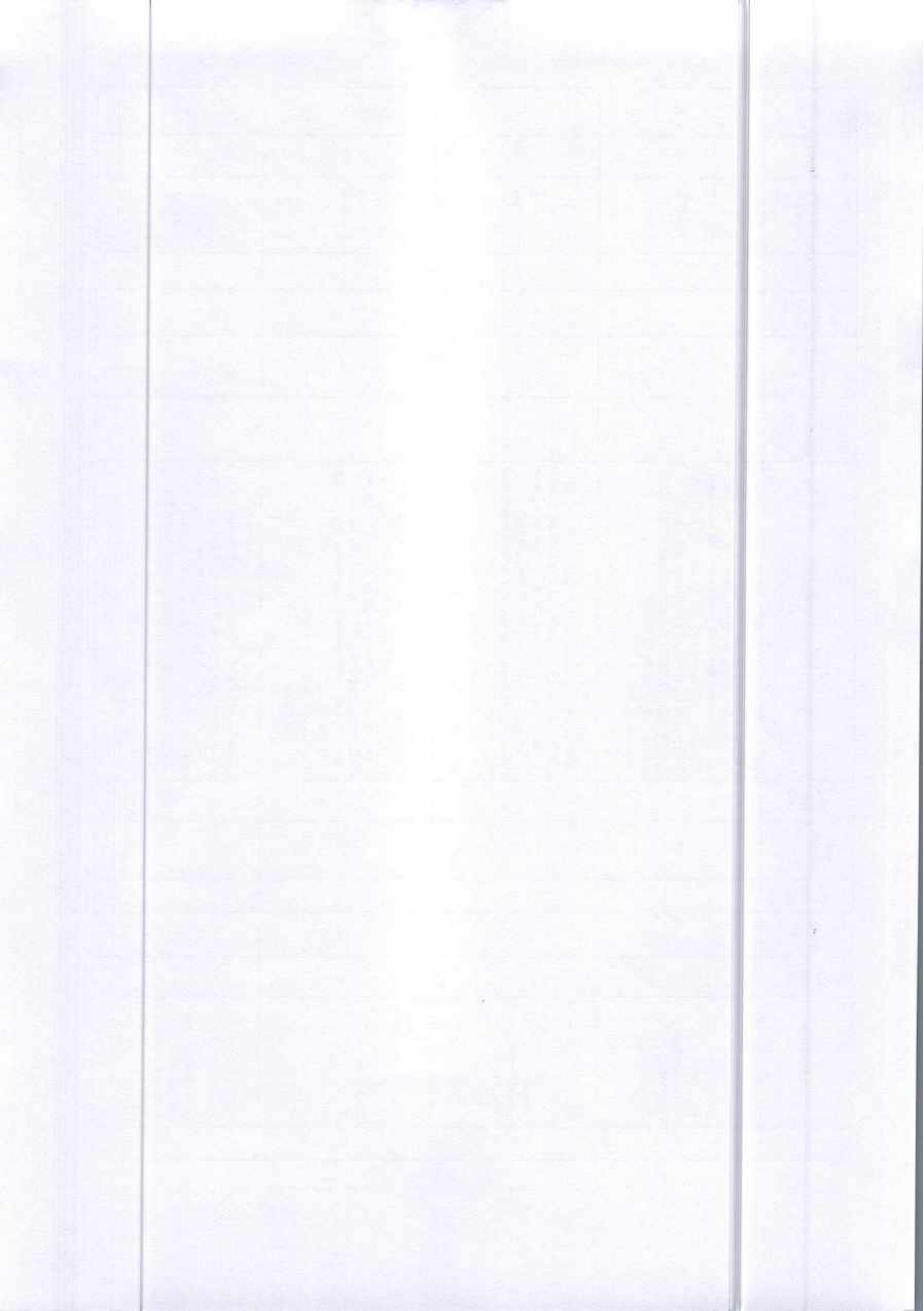
STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	
28	Chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 25922				Mỹ		<p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 25922 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 						5 que/gói	Gói	1
29	Chủng chuẩn Enterobacter casseliflavus ATCC 700327				Mỹ		<ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Enterococcus casseliflavus ATCC 700327 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 						5 que/gói	Gói	1
30	Chủng chuẩn Staphylococcus saprophyticus ATCC BAA-750				Mỹ		<ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Staphylococcus saprophyticus ATCC BAA-750 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 						5 que/gói	Gói	1
31	Chủng chuẩn Enterobacter hormae ATCC 700323				Mỹ		<ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Enterobacter hormae ATCC 700323 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 						5 que/gói	Gói	1



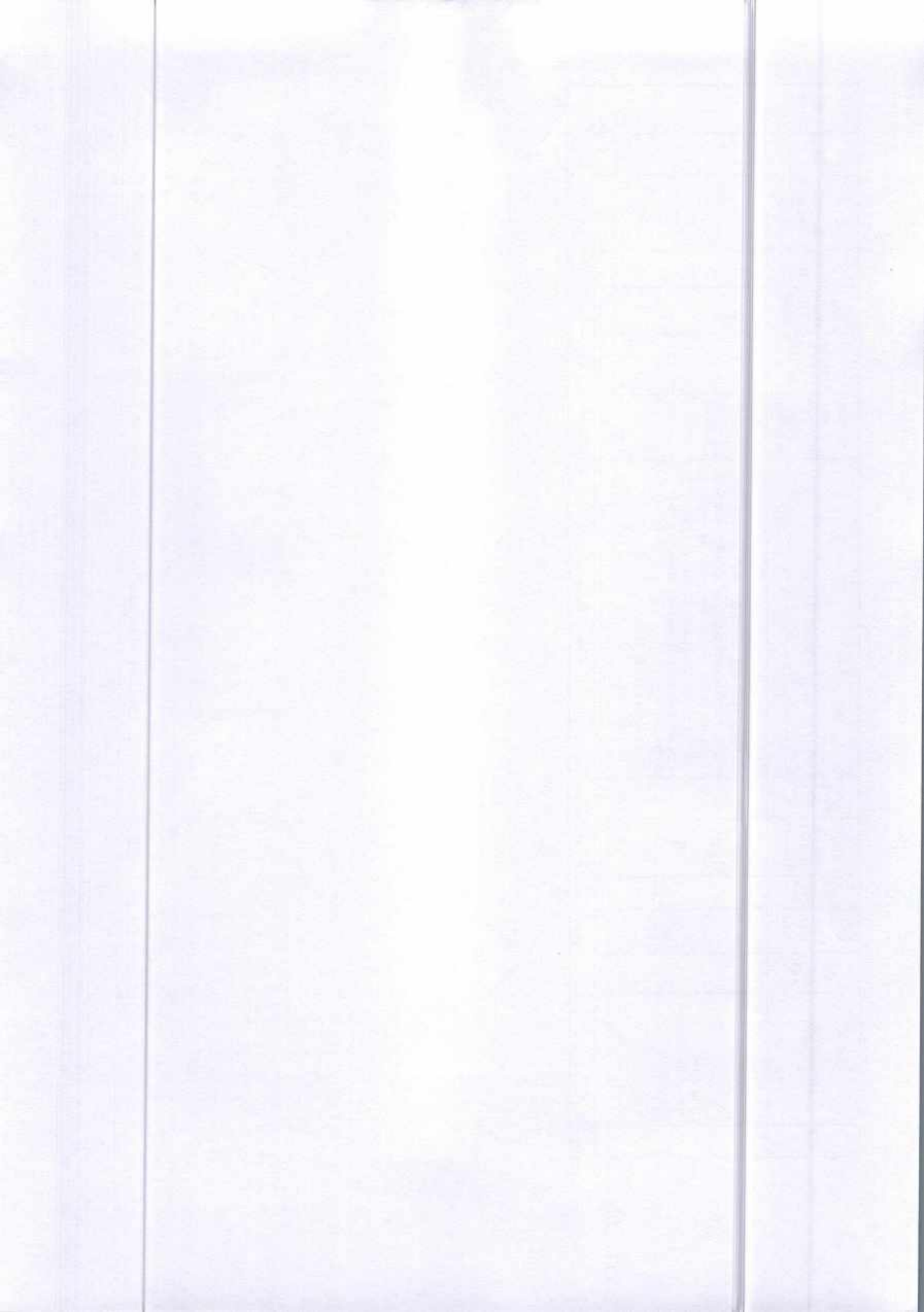
STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
32	Chủng chuẩn Stenotrophomonas maltophilia ATCC 17666				Mỹ		<p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chuẩn Stenotrophomonas maltophilia ATCC 17666 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 					5 que/gói	Gói	1
33	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853				Mỹ		<ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 					5 que/gói	Gói	1
34	Chủng chuẩn Escherichia coli ATCC 35218				Mỹ		<ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chuẩn Escherichia coli ATCC 35218 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 					5 que/gói	Gói	1
35	Klebsiella pneumoniae ATCC 700603				Mỹ		<ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chuẩn Klebsiella quasipneumoniae subsp. Pneumoniae ATCC™ 700603 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 					5 que/gói	Gói	1



STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
36	Chủng chuẩn Enterococcus faecalis ATCC 29212				Mỹ		<ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Enterococcus faecalis ATCC 29212 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 					5 que/gói	Gói	1
37	Chủng chuẩn staphylococcus aureus ATCC 29213				Mỹ		<ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC 29213 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 					5 que/gói	Gói	1
38	Chủng chuẩn staphylococcus aureus ATCC 25923				Mỹ		<ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC 25923 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 					5 que/gói	Gói	1
39	Chủng chuẩn Streptococcus pneumoniae 49619				Mỹ		<ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Streptococcus pneumoniae ATCC 49619 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 					5 que/gói	Gói	1



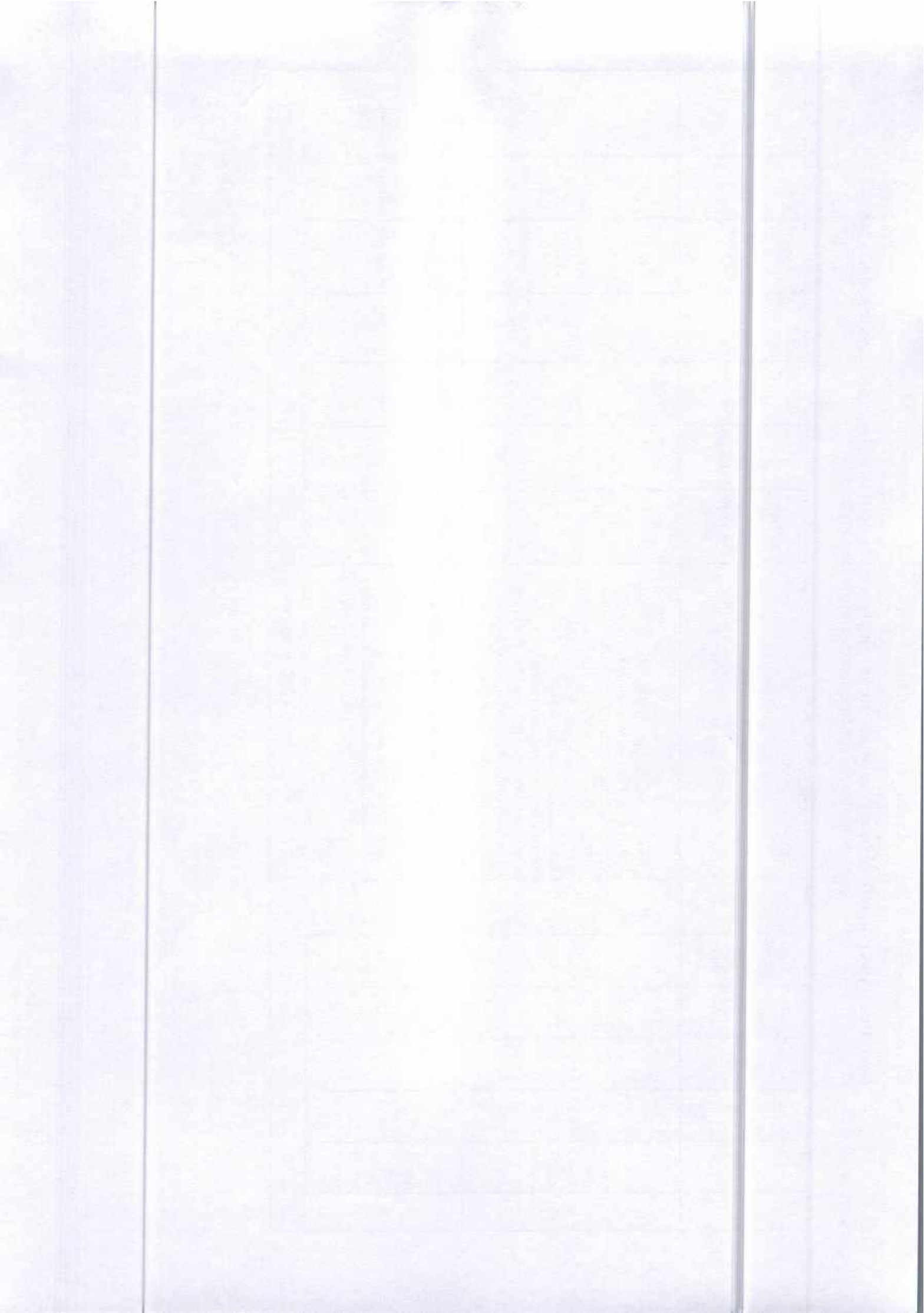
STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	
40	Chung chuẩn Haemophilus Influenza ATCC 49247				Mỹ		<ul style="list-style-type: none"> - Sản sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định trong một nền gel duy nhất bằng gelatin - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Haemophilus influenzae ATCC 49247 - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2-8°C 						5 que/gói	Gói	1
Tổng: 40 khoản															



DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI HÓA CHẤT CHO MÁY KHÍ MÁU SIEMENS RapidPoint® 500
(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	
1	Hóa chất chạy mẫu khí máu				Vương quốc Anh		<p>Thông số kỹ thuật</p> <p>Cartridge đo bao gồm các cảm biến, thuốc thử, và các thành phần chất lỏng cần thiết để phân tích mẫu bệnh phẩm và hiệu chuẩn trên hệ thống. Các cảm biến trong cartridge có khả năng đo lường các chỉ số pH, pO₂, pCO₂, hemoglobin toàn phần, oxyhemoglobin, deoxyhemoglobin, methemoglobin, carboxyhemoglobin, và neonatal bilirubin.</p> <p>Mỗi cartridge sử dụng ổn định trong 28 ngày khi được cài đặt trên hệ thống. Bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C.</p>						400 Test/Hộp	Hộp	24
2	Hóa chất rửa thải toàn bộ				Vương quốc Anh		<p>Thông số kỹ thuật</p> <p>Hóa chất rửa thải có chứa thuốc rửa để làm sạch đường dẫn mẫu sau khi phân tích và hiệu chuẩn. Bao gồm 250 mL chất rửa với muối, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản trong nước khử ion.</p> <p>Mỗi cartridge rửa thải sử dụng ổn định trong 10 ngày sau khi được cài đặt trên hệ thống. Bảo quản ở nhiệt độ 2-25°C.</p>						4 Bộ/Hộp	Hộp	16

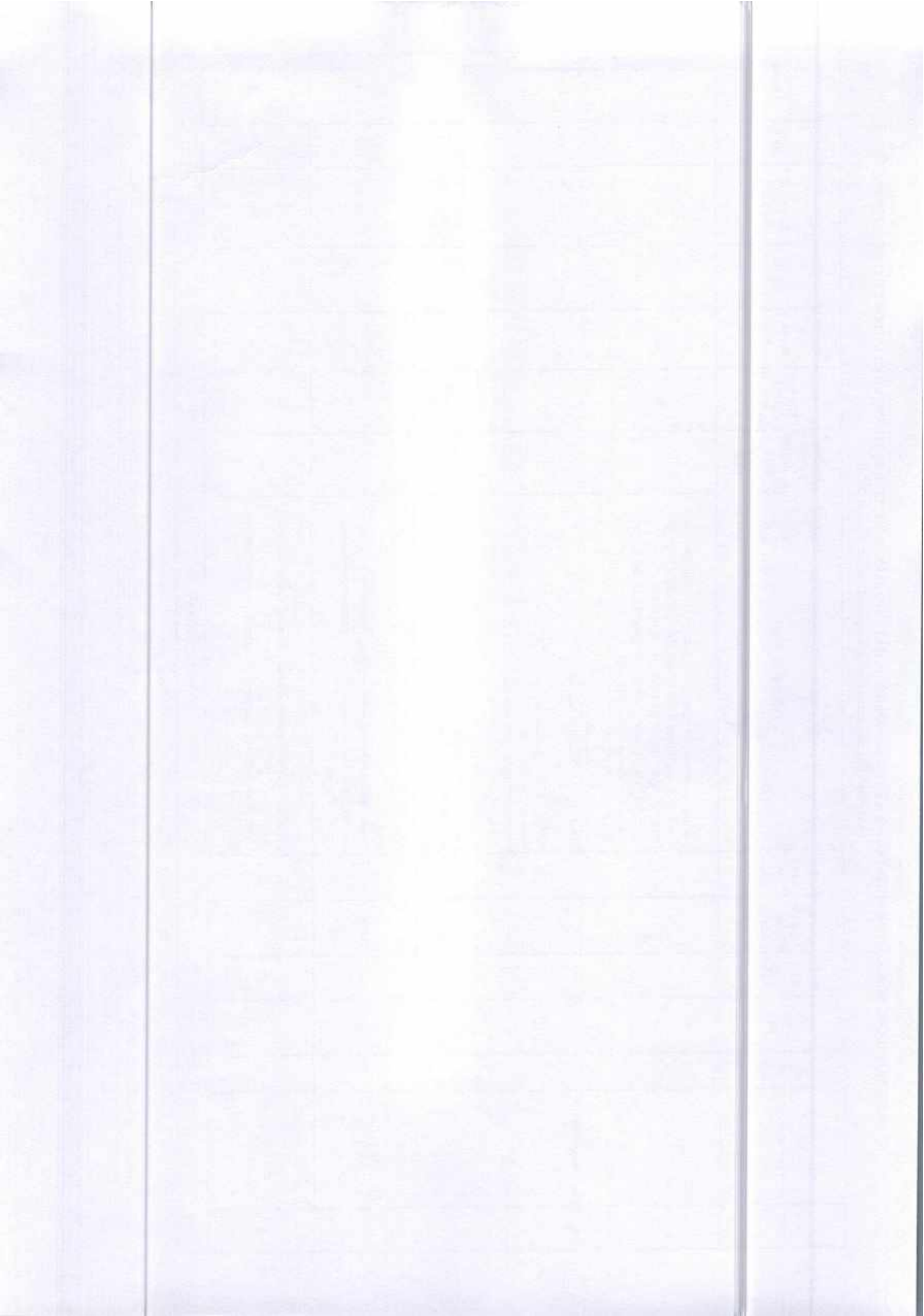
TỔNG: 02 KHOẢN



DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI HÓA CHẤT CHO MÁY NƯỚC TIỂU 10 THÔNG SỐ CLINITEK STATUS - SIEMENS
(Kèm theo thư mời tham định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

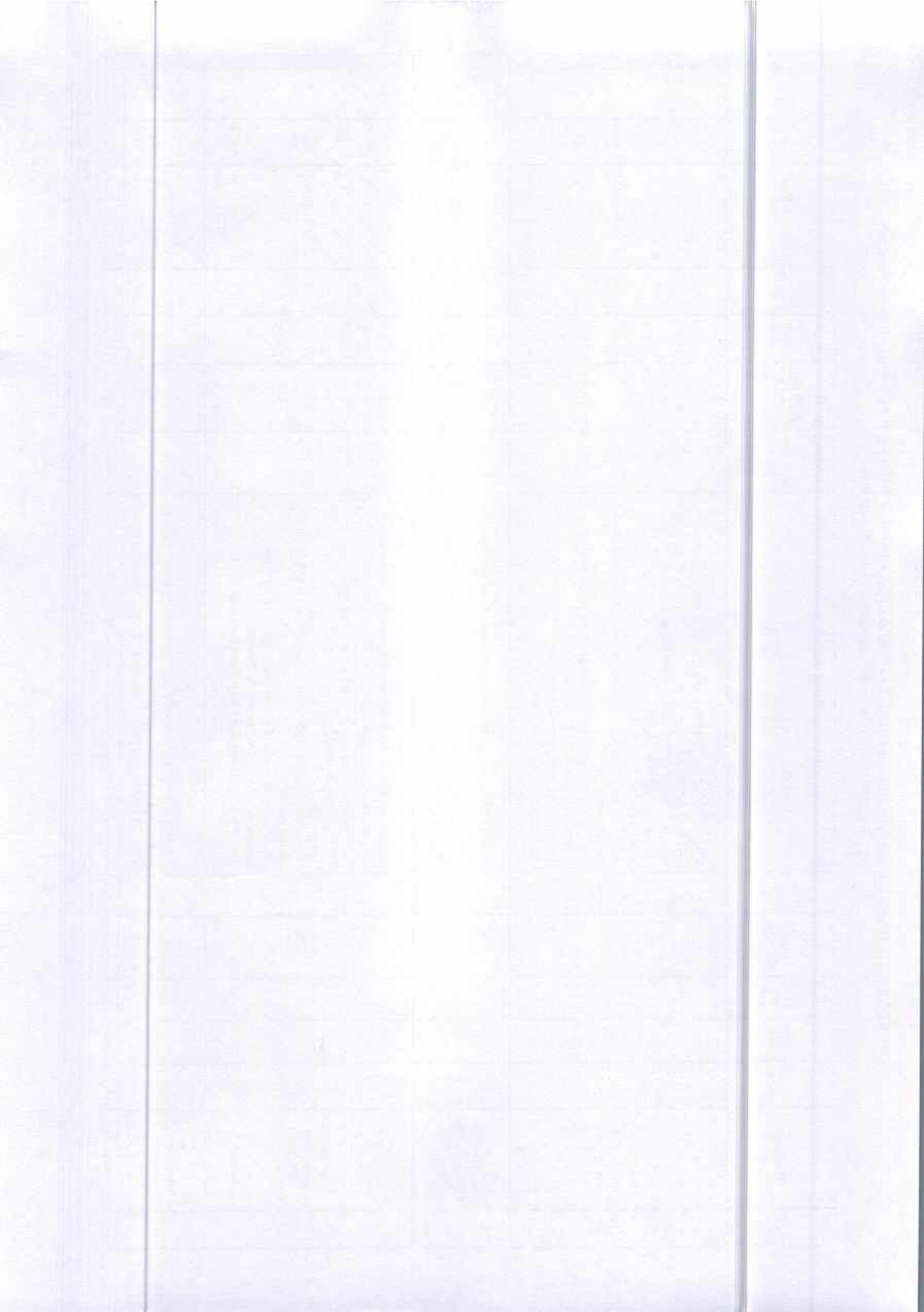
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ quốc gia, vùng lãnh thổ	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Que thử nước tiểu 10 thông số				Ba Lan		<p>Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU), Dạng que. , CE, FDA</p> <p>- Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Nitrite, Protein, Urobilinogen, Leukocyte, SG.</p> <p>- Dải đo của các chỉ số:</p> <p>Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL. acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL</p>					100 que/ hộp	Hộp	160
2	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính				Hoa Kỳ		<p>Que thử chuẩn dương tính dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động.</p> <p>Thành phần có chứa: Glucose; crystalline bilirubin; sodium methyl acetoacetate; bovine hemoglobin; bovine serum albumin; sodium nitrite; protease</p>					25 que/ hộp	Hộp	3
3	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính				Hoa Kỳ		<p>Que thử chuẩn âm tính dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động.</p> <p>Thành phần: Potassium phosphate monobasic and dibasic; sodium chloride; urea</p>					25 que/ hộp	Hộp	3

TỔNG: 03 KHOẢN

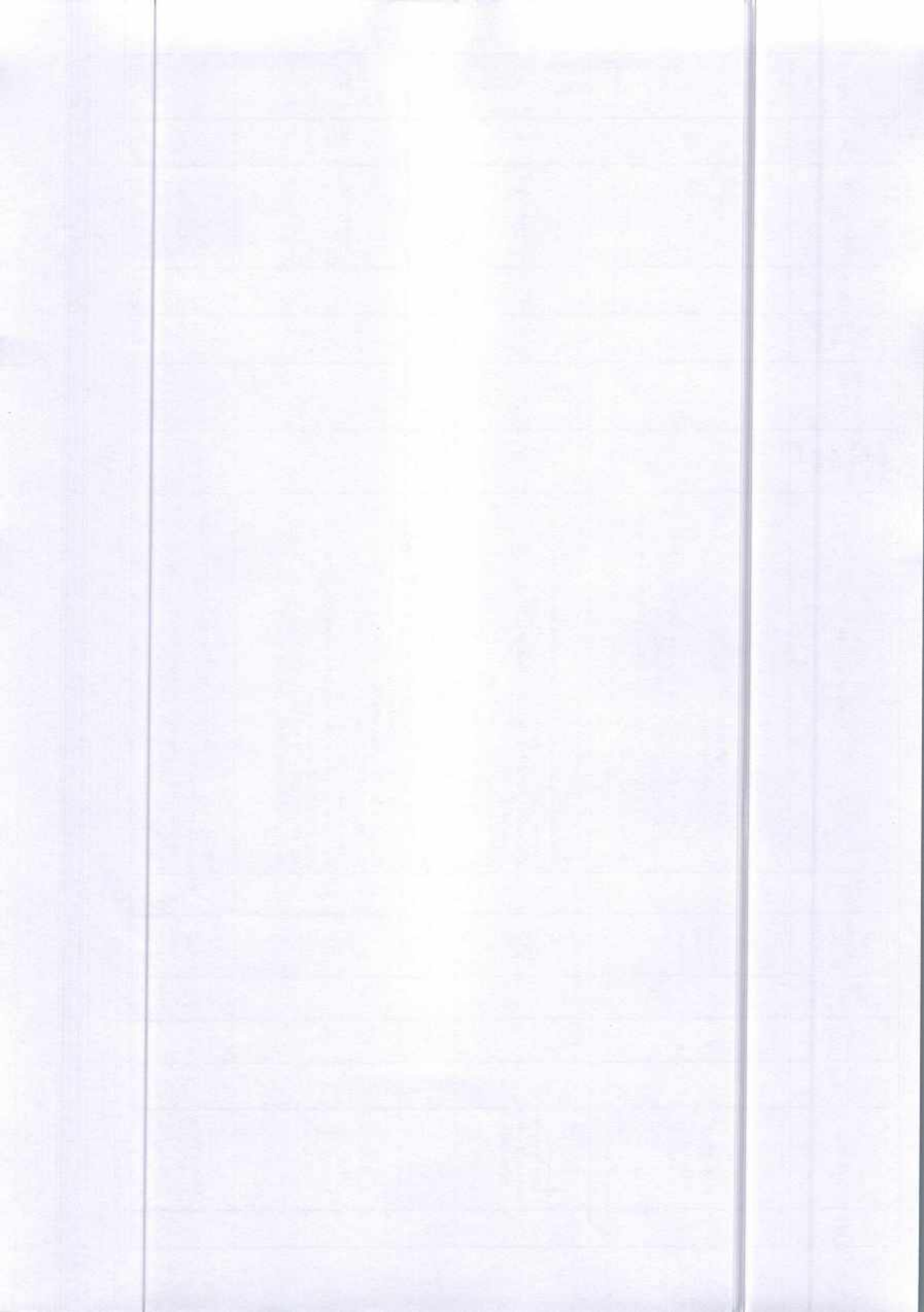


DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI HÓA CHẤT CHO MÁY MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG CL- 900i - MINDAY
(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

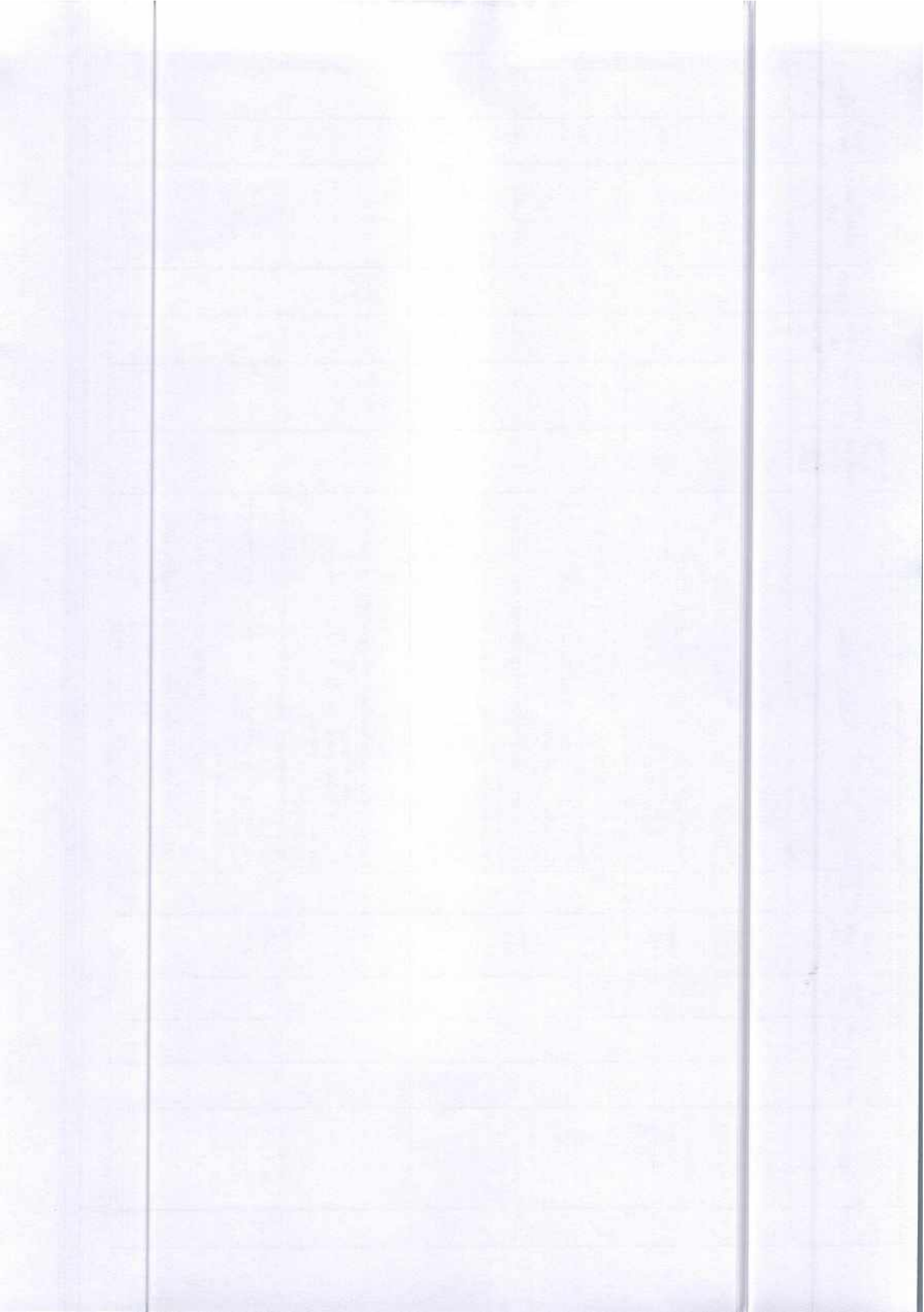
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3				Trung Quốc		<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng free triiodothyronine (FT3) trong huyết thanh người.</p> <p>*Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh</p> <p>*Dải báo cáo: 0.88-30 pg/mL</p> <p>*Thành phần:</p> <p>- Ra: vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm HEPES có chất bảo quản</p> <p>- Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chủ) kháng T3 -alkaline phosphatase trong đệm MES có chất bảo quản.</p> <p>- Rc: T3 gắn Biotin trong đệm PBS có chất bảo quản</p> <p>- Rd: Đệm MES với chất bảo quản</p>				2*50 Test/hộp	Hộp	7	
2	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT3				Trung Quốc		<p>*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free triiodothyronine (FT3)</p> <p>*Quy cách: C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ; C2:1×2.0 mL/lọ</p> <p>*Thành phần: FT3 tổng hợp ở 3 mức nồng độ</p>					3*2ml/Hộp	Hộp	2
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4				Trung Quốc		<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) trong huyết tương hoặc huyết thanh người.</p> <p>*Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh</p> <p>*Dải báo cáo: 0.3-6.0 ng/dL</p> <p>*Thành phần:</p> <p>- Ra: vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm TRIS cùng chất bảo quản.</p> <p>- Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chủ) kháng T4 - alkaline phosphatase trong đệm MES cùng chất bảo quản.</p> <p>- Rc: T4 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản.</p>				2*50 Test/hộp	Hộp	7	
4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4				Trung Quốc		<p>*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4)</p> <p>*Quy cách: C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ; C2:1×2.0 mL/lọ</p> <p>*Thành phần: FT4 tổng hợp ở 3 mức nồng độ</p>					3*2ml/Hộp	Hộp	2



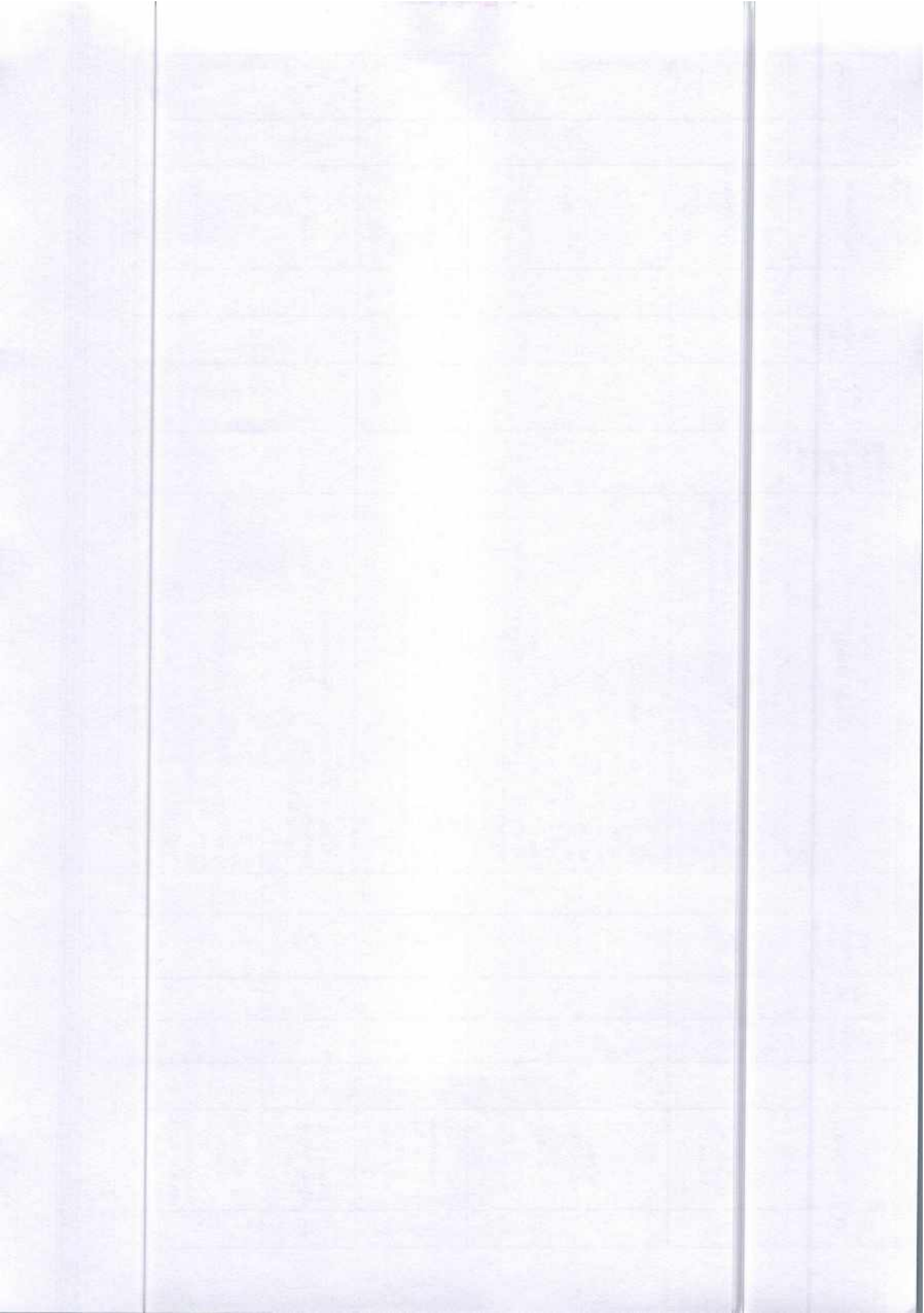
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBVT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH				Trung Quốc		<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) trong huyết thanh người.</p> <p>*Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm</p> <p>*Dãi bảo cáo: 0.005-100 μU /mL</p> <p>*Thành phần:</p> <p>- Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chủ yếu) kháng TSH trong đệm MES với chất bảo quản.</p> <p>- Rb: Liên hợp kháng thể kháng TSH - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản</p>					2*50 Test/hộp	Hộp	7
6	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH				Trung Quốc		<p>*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH)</p> <p>*Quy cách: C0:1\times2.0 mL/lọ; C1:1\times2.0 mL/lọ; C2:1\times2.0 mL/lọ</p> <p>*Thành phần:</p> <p>C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: TSH ở 2 mức nồng độ.</p>					3*2ml/Hộp	Hộp	2
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ACTH				Trung Quốc		<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng Adrenocorticotrophic hormon (ACTH) trong huyết tương EDTA người</p> <p>*Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm</p> <p>*Dãi bảo cáo: 1-2000 pg/mL.</p> <p>*Thành phần:</p> <p>- Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chủ yếu) kháng ACTH trong đệm TRIS với chất bảo quản.</p> <p>- Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chủ yếu) kháng ACTH - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản.</p>					2*50 Test/hộp	Hộp	3
8	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ACTH				Trung Quốc		<p>*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Adrenocorticotrophic hormone (ACTH)</p> <p>*Quy cách: C0:1\times2.0 mL/lọ; C1:1\times2.0 mL/lọ; C2:1\times2.0 mL/lọ</p> <p>* Thành phần: ACTH ở 3 mức nồng độ</p>					3*2ml/Hộp	Hộp	1



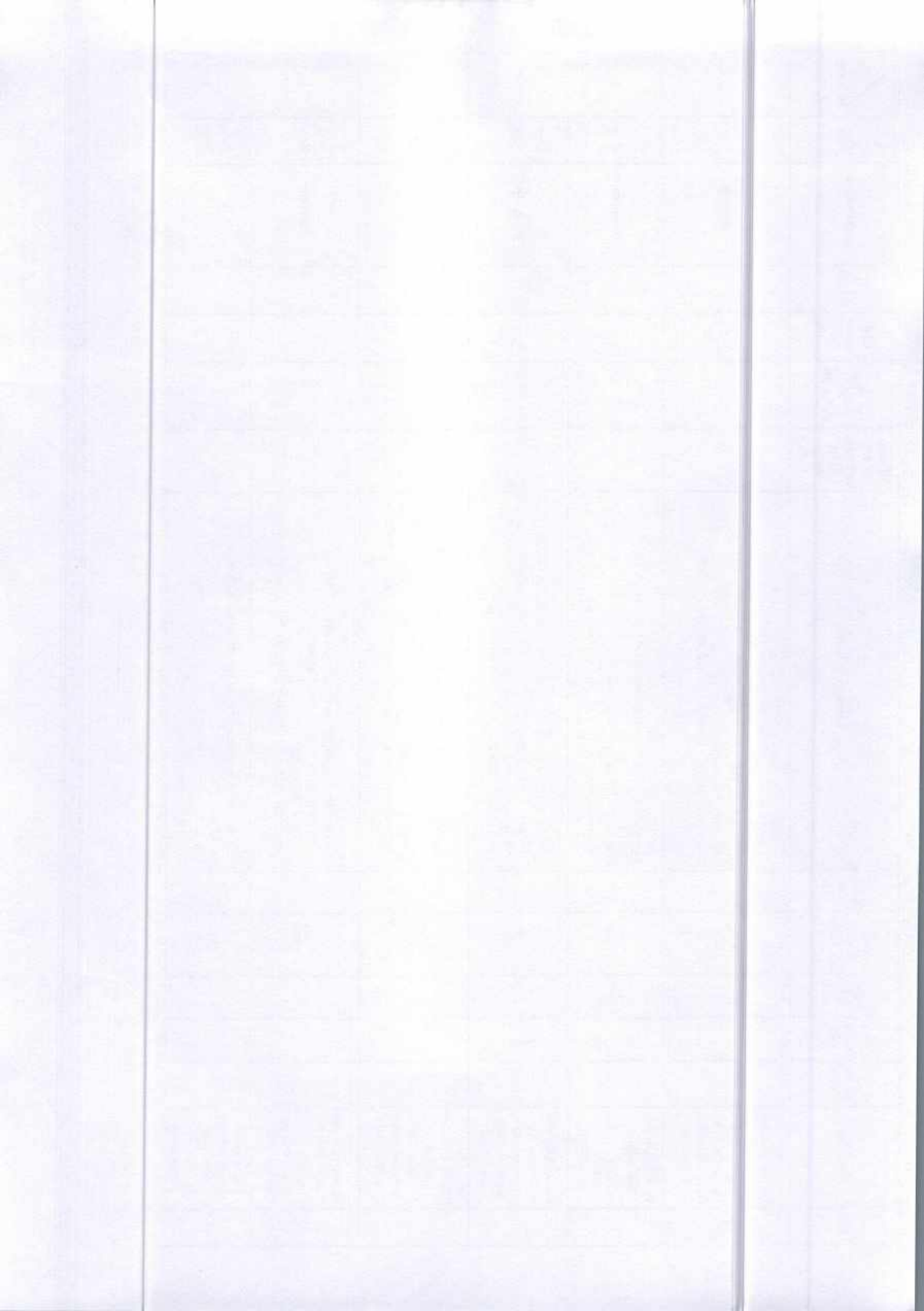
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
9	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng ACTH				Trung Quốc		<p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> *Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm ACTH *Quy cách : 3x2 mL/hộp *Thành phần: ACTH 					3*2ml/Hộp	Hộp	1
10	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng ACTH				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> *Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm ACTH *Quy cách : 3x2 mL/hộp *Thành phần: ACTH 					3*2ml/Hộp	Hộp	1
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cortisol				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> *Hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Đai bảo cáo: 0.4-60 µg/dL. *Thành phần: - Ra: vi hạt từ phủ kháng thể dê kháng IgG thô trong đệm TRIS cùng với chất bảo quản - Rb: Liên hợp Cortisol-alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. - Rc: Kháng thể đa dòng (thỏ) kháng cortisol trong đệm TRIS có chất bảo quản. 					2*50 Test/hộp	Hộp	3
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng 25-OH-Vitamin D				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> *Hóa chất xét nghiệm định lượng 25-OH-Vitamin D Total trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Đai bảo cáo: 3.0-150 ng/mL. *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ streptavidin trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể kháng 25-OH vitamin D- alkaline phosphatase trong dung dịch đệm PBS với chất bảo quản. - Rc: 25-OH vitamin D được gắn Biotin trong đệm TRIS với chất bảo quản. - PT1: Hóa chất tiền xử lý mẫu 1 trong đệm TRIS với chất bảo quản - PT2: Hóa chất tiền xử lý mẫu 2, dung dịch sodium hydroxide. 					50 test/hộp	Hộp	31



STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ(Quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
13	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 25- OH- Vitamin D				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> *Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Vitamin D toàn phần (25-OH-Vitamin D Total) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: 25-OH-Vitamin D3 trong đệm huyết thanh ngựa ở 3 mức nồng độ 					Hộp	3	
14	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Procalcitonin				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> *Hóa chất xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Đãi báo cáo: 0.02-100 ng/mL *Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ bằng kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT trong đệm TRIS có chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. 					Hộp	3	
15	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Procalcitonin				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> *Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT) *Quy cách: C0:1×1.2 mL/lọ; C1:1×1.0 mL/lọ ; C2:1×1.0 mL/lọ * Thành phần: PCT trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ 					Hộp	2	
16	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cortisol				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> *Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cortisol *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: Cortisol ở 3 mức nồng độ 					Hộp	1	
17	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-peptide				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> *Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-Peptide *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: các chất Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-Peptide 					Hộp	1	

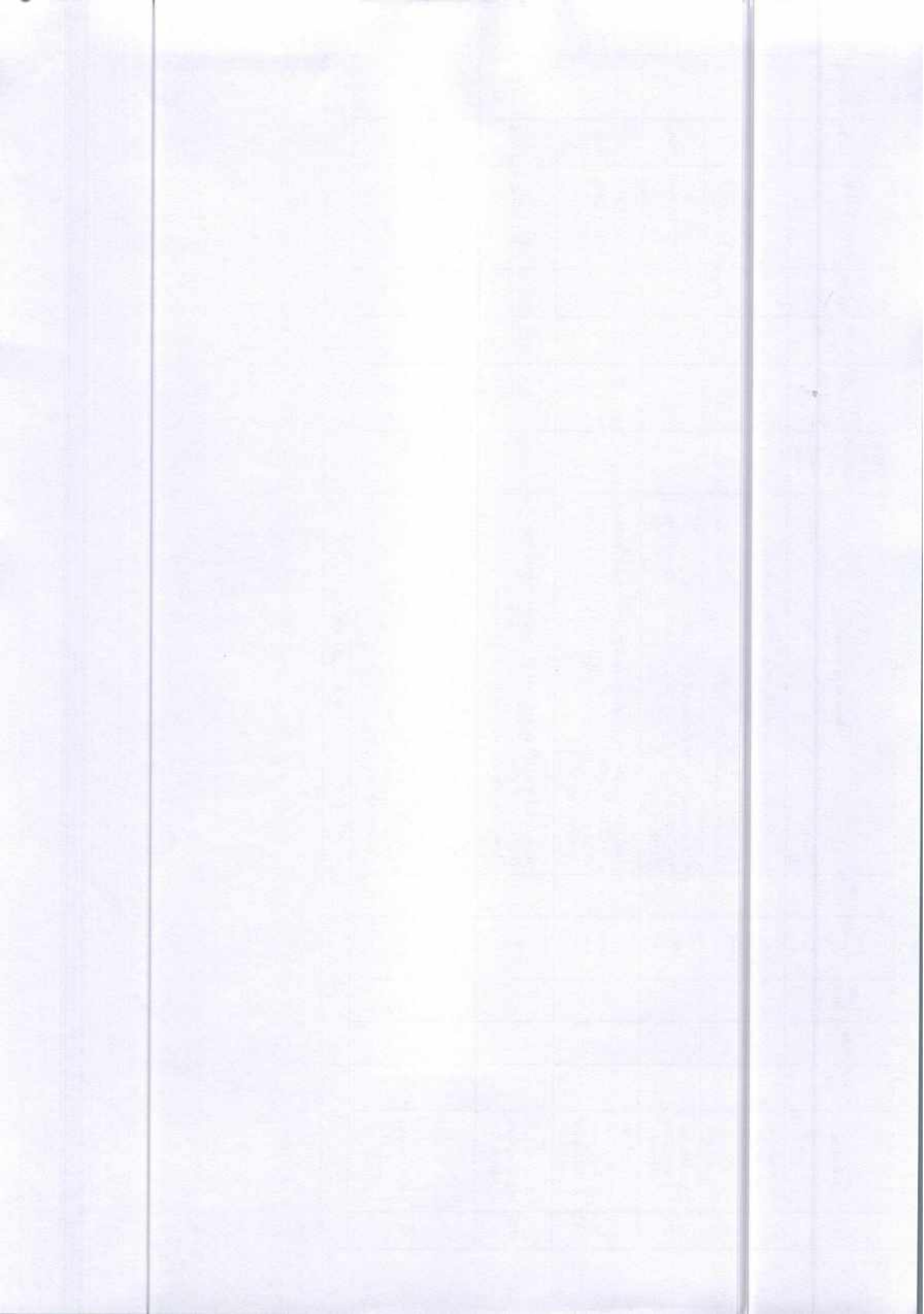


STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
18	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-peptide				Trung Quốc		*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-Peptide *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: các chất Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-Peptide					3*2ml/Hộp	Hộp	1
19	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch				Trung Quốc		*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg * Quy cách : 3×5 mL/hộp *Thành phần: các chất FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg.					3*5ml/hộp	Hộp	2
20	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch				Trung Quốc		*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg *Quy cách : 3×5 mL/hộp *Thành phần: các chất FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg.					3*5ml/hộp	Hộp	2
21	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch				Trung Quốc		*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm PTH, CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: PTH, CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin					3*2ml/Hộp	Hộp	2
22	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch				Trung Quốc		*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm PTH, CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: PTH, CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin					3*2ml/Hộp	Hộp	1
23	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng Procalcitonin				Trung Quốc		*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: procalcitonin					3*2ml/Hộp	Hộp	2



STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
24	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng Procalcitonin				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> *Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) *Quy cách: 3*2 mL/hộp *Thành phần: procalcitonin 					3*2ml/Hộp	Hộp	2
25	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> *Cuvette phản ứng dùng cho máy CL-900i, 1000i, 1200i *Quy cách: 21*2*88/thùng (Mỗi thùng có 21 hộp, mỗi hộp có 2 khay, mỗi khay có 88 cuvette) 					(21*2*88)/thùng	Thùng	2
26	IVD kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> *Thuốc thử dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng CL của Mindray *Thành phần: Dung dịch đệm chứa AMPPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt. 					75 ml * 4/Hộp	Hộp	4
27	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> *Wash Buffer là dung dịch dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch các dòng CL của Mindray. *Thành phần: Đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản 					10 L/thùng	Thùng	14
28	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm				Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> Dung dịch rửa máy dùng cho các máy xét nghiệm huyết học Mindray Quy cách: 50ml x 1 Thành phần gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Surfactant: ≤0.2% - Sodium hypochlorous: ≤12% - Sodium hydroxide: ≤5% 					50ml/lo	Lọ	8

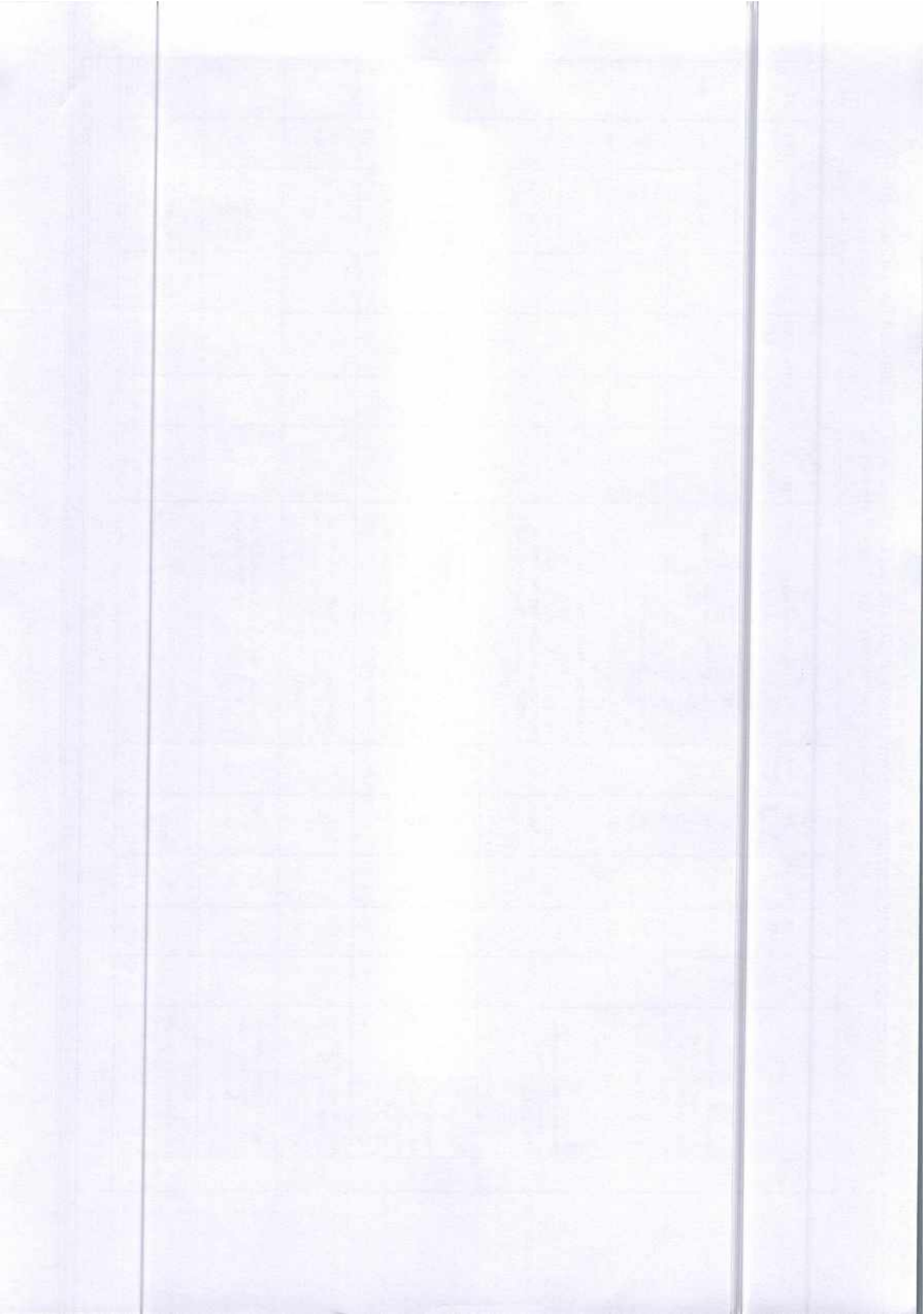
TỔNG: 28 KHOẢN



DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GỐI HÓA CHẤT CHO MÁY HUỆT HỌC TỰ ĐỘNG SỐ ADVIA 2120i - SIEMENS
(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tạo dòng cho phân tích tế bào máu				HOA KỲ		Thành phần: Chất bảo quản, đệm, chất hoạt động bề mặt					Hộp 20 L	Hộp	36
2	Hóa chất rửa trong xét nghiệm huyết học				HOA KỲ		- Thành phần: Natri hydroxide, 2-(2-ethoxyethoxy)ethanol, chất hoạt động bề mặt					Hộp (2 lọ x 1620 ml)	Hộp	2
3	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để tách phân thành phần bạch cầu				HOA KỲ		- Thành phần: + Perox 1: natri dodecyl sulfate, sorbitol, natri clorid, formaldehyde, BRU-35, đệm + Perox 2: 4-chloro-1-naphthol, diethylene glycol + Perox 3: chất ổn định, hydrogen peroxide, + Perox sheath: Propylene glycol, chất hoạt động bề mặt					Hộp (2 lọ x 650 ml, 2 lọ x 575 ml, 2 lọ x 585 ml, 2 lọ x 2725 ml)	Hộp	3
4	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để phân tích hồng cầu, tiểu cầu và bạch cầu				HOA KỲ		- Thành phần: + Defoamer: dung dịch silicone + RBC/PLT; Natri dodecyl sulfate, dinatri EDTA dihydrate, tetranatri EDTA dihydrate, natri clorid, glutaraldehyde, đệm + Baso: acid hydroclorid, Phthalic acid, chất bảo quản, chất hoạt động bề mặt + CN-free HGB: Dimethyl laurylamide oxide					Hộp (1 lọ x 75 ml, 2 lọ x 2700 ml, 2 lọ x 1100 ml, 2 lọ x 1100 ml)	Hộp	5
5	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức thấp				HOA KỲ		- Thành phần: hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu mô phỏng và chất bảo quản - Độ ổn định sau khi mở nắp: 10 ngày					Hộp (4 lọ x 4 ml)	Hộp	3
6	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để kiểm chuẩn bình thường				HOA KỲ		- Thành phần: hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu mô phỏng và chất bảo quản - Độ ổn định sau khi mở nắp: 10 ngày					Hộp (4 lọ x 4 ml)	Hộp	3
7	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học mức cao				HOA KỲ		- Thành phần: hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu mô phỏng và chất bảo quản - Độ ổn định sau khi mở nắp: 10 ngày					Hộp (4 lọ x 4 ml)	Hộp	3

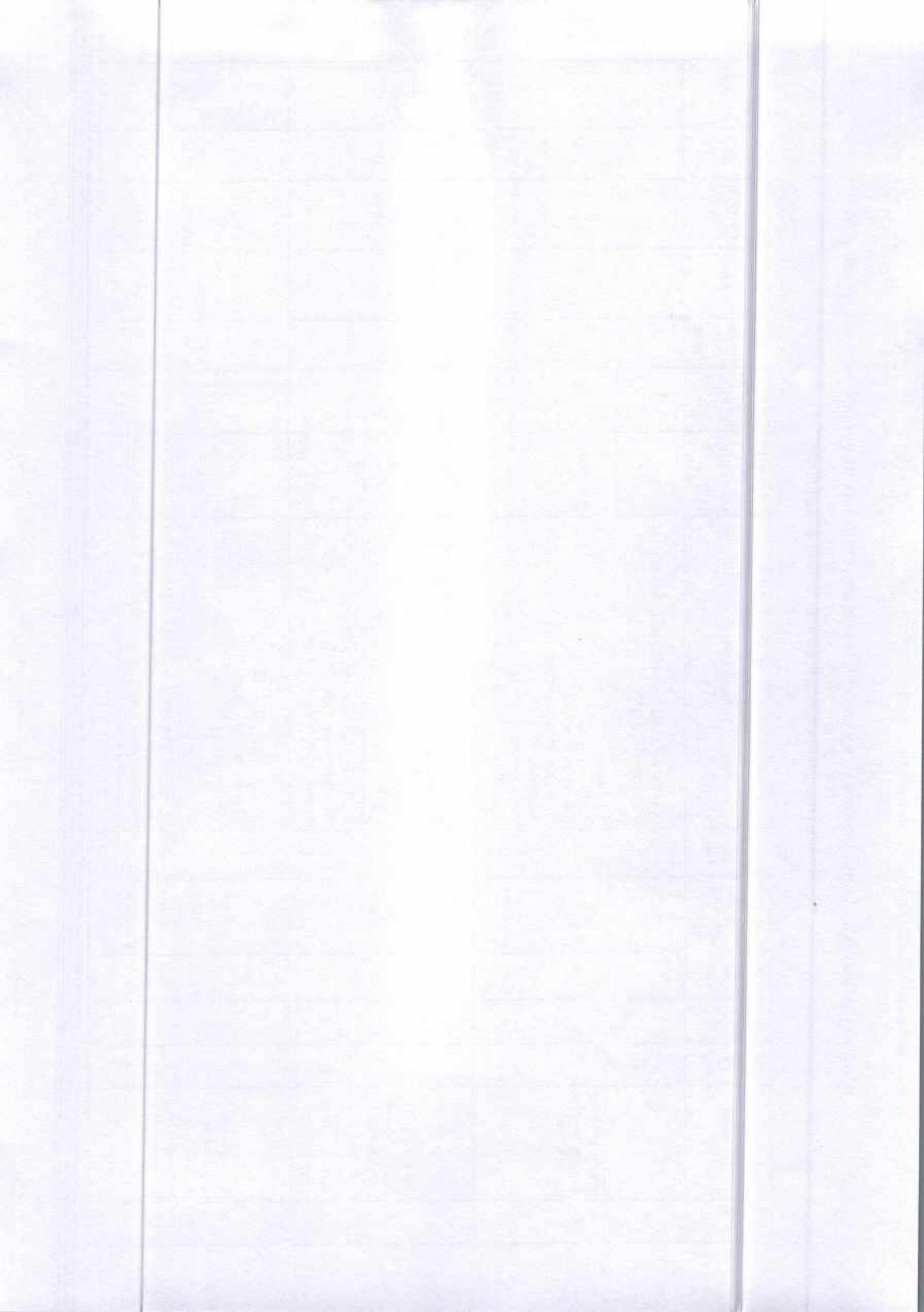
TỔNG 07 KHOẢN



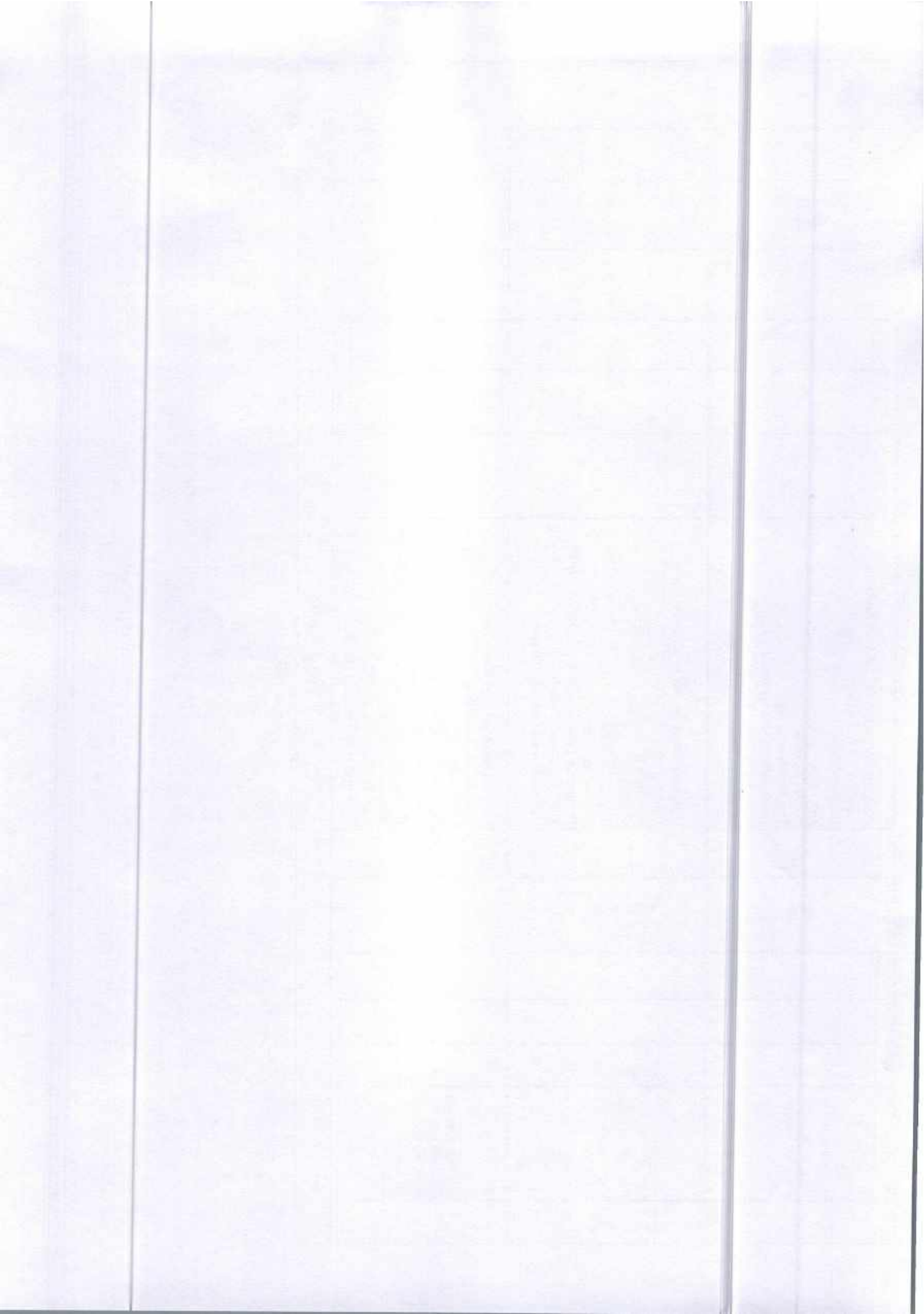
**DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI HÓA CHẤT CHO MÁY HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG 29 THÔNG SỐ
MEK-7300K - NIHON KOHDEN CELLTAC Es**

(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
1	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học				Nhật Bản		Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày					Can 18L	Can	52
2	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học				Nhật Bản		Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Muối amoni bậc 4 3.7% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày					Can 500 ml	Can	19
3	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để tách phần bạch cầu				Nhật Bản		Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.5 đến 9.5 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sulphate: 0.11% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 30 ngày					Can 500 ml	Can	14

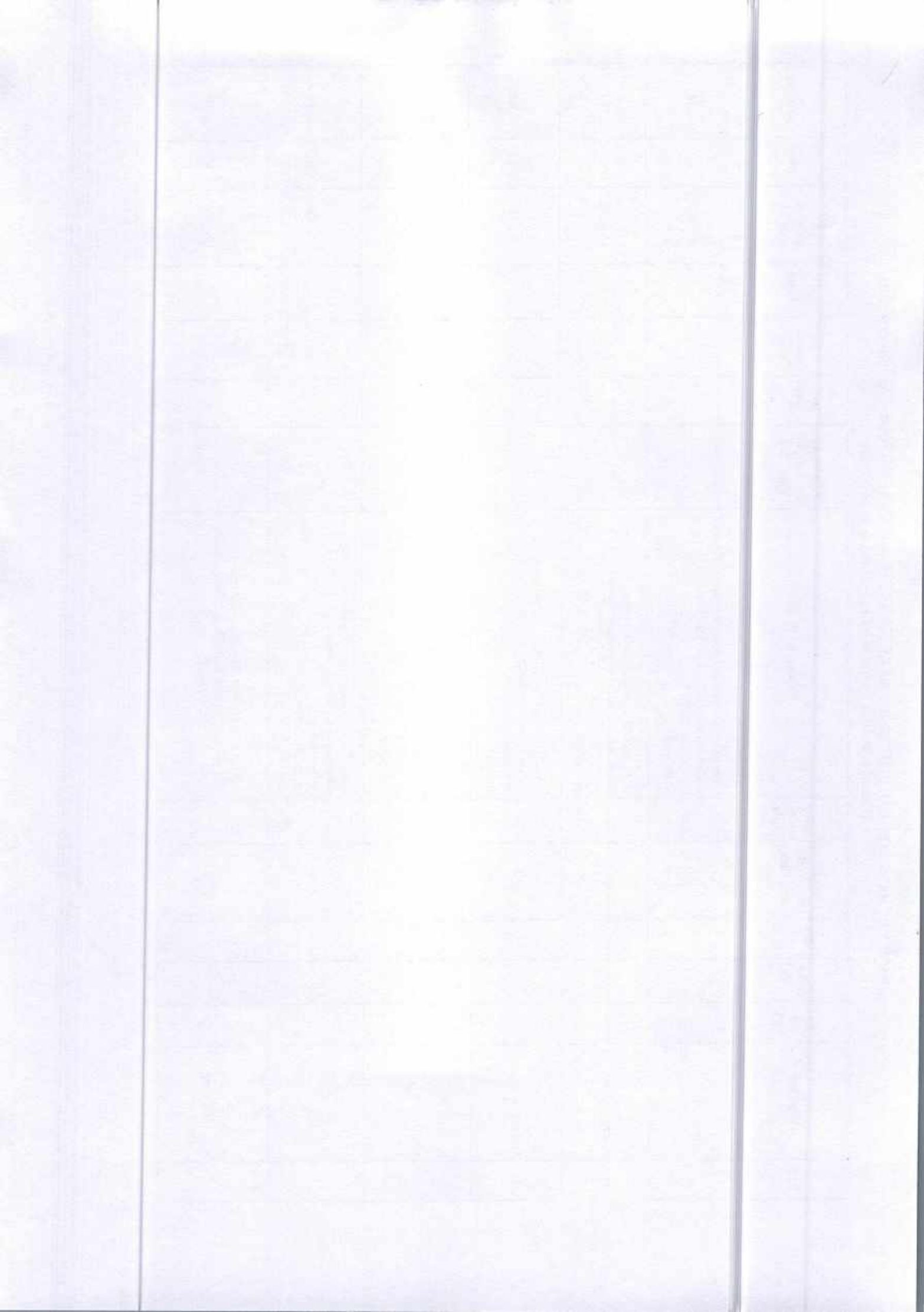


4	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học đậm								Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật li: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypochlorit Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	Can 5L	Can	1
5	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học								Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật li: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 180 ngày	Can 5L	Can	7
6	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học dùng để nội kiểm mức thường								Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật li: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày	Lọ 3 ml	Lọ	10
TỔNG : 06 KHOẢN												



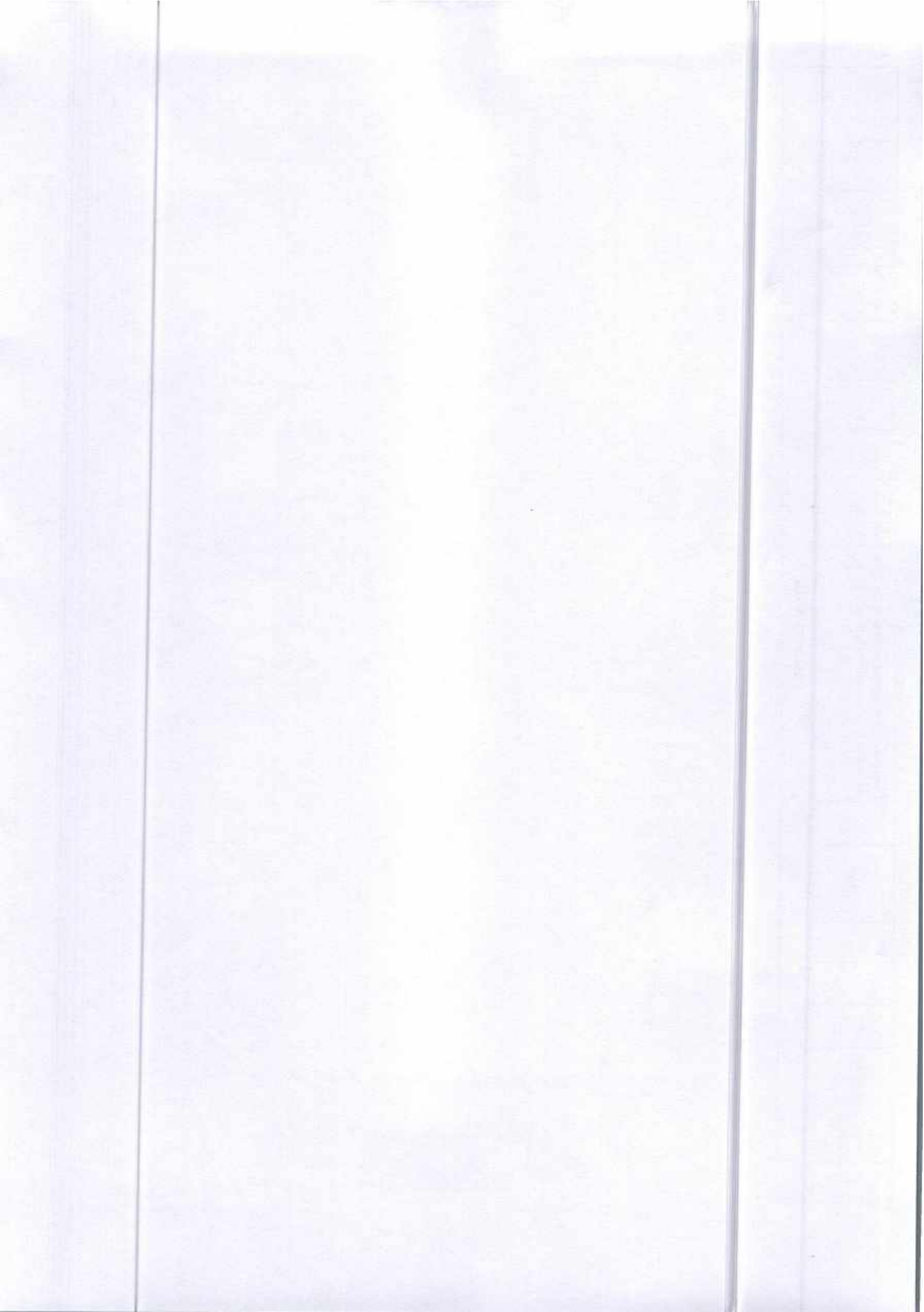
DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI HÓA CHẤT CHO ĐỊNH DANH NHÓM MÁU
(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Anti A				Pháp		Clone 9113D10, type IgM, sodium azide < 0.1% w/v, sodium arsenite 0.02% và bovine albumin Độ đặc hiệu: 100% Xuất xứ G7					10 ml/lọ	lọ	44
2	Anti B				Pháp		Clone 9621A8, type IgM, sodium azide < 0.1% w/v, sodium arsenite 0.02% và bovine albumin Độ đặc hiệu: 100% Xuất xứ G7					10 ml/lọ	lọ	44
3	Anti AB				Pháp		Clone 9113D10+152D12, type IgM, sodium azide < 0.1% w/v, sodium arsenite 0.02% và bovine albumin Độ đặc hiệu: 100% Xuất xứ G7					10 ml/lọ	lọ	44
4	Anti D IgG&IgM				Pháp		Clone P3X61+P3X21223B10+P3X290+P3X35, type IgM + IgG, sodium azide < 0.1% w/v, sodium arsenite 0.02% và bovine albumin Độ đặc hiệu: 100% Xuất xứ G7					10 ml/lọ	lọ	36
5	Anti D IgG				Pháp		Clone HM16, type IgG, sodium azide < 0.1% w/v, sodium azide < 0.1%, sodium arsenite 0.02% và bovine albumin Độ đặc hiệu: 100% Xuất xứ G7					10 ml/lọ	lọ	12
6	Thuốc thử định danh nhóm máu AHG				Pháp		Clone 18833+18896+12011D10, sodium azide < 0.1% w/v, sodium arsenite 0.02% và bovine albumin Độ đặc hiệu: 100% (DAT) Xuất xứ G7					10 ml/lọ	lọ	10



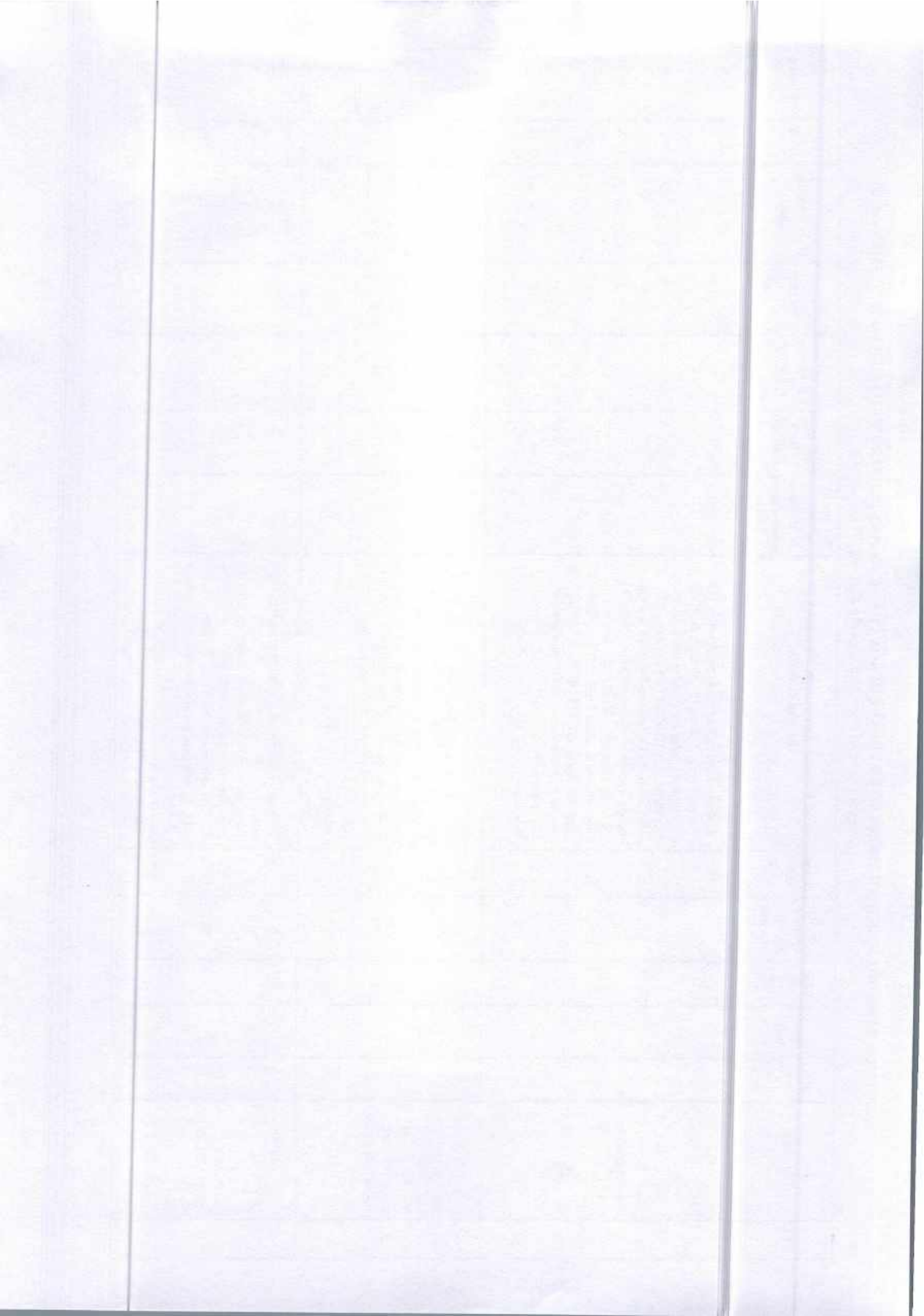
7	Dung dịch pha loãng hồng cầu			Pháp	Dung dịch đệm phosphate có nồng độ ion thấp, chuẩn bị hỗn dịch hồng cầu, sodium azide <0.1% w/v, 1 x 1000 mL. Xuất xứ G7					chai 1 lít	chai	4
TỔNG: 07 KHOẢN												

Handwritten signature

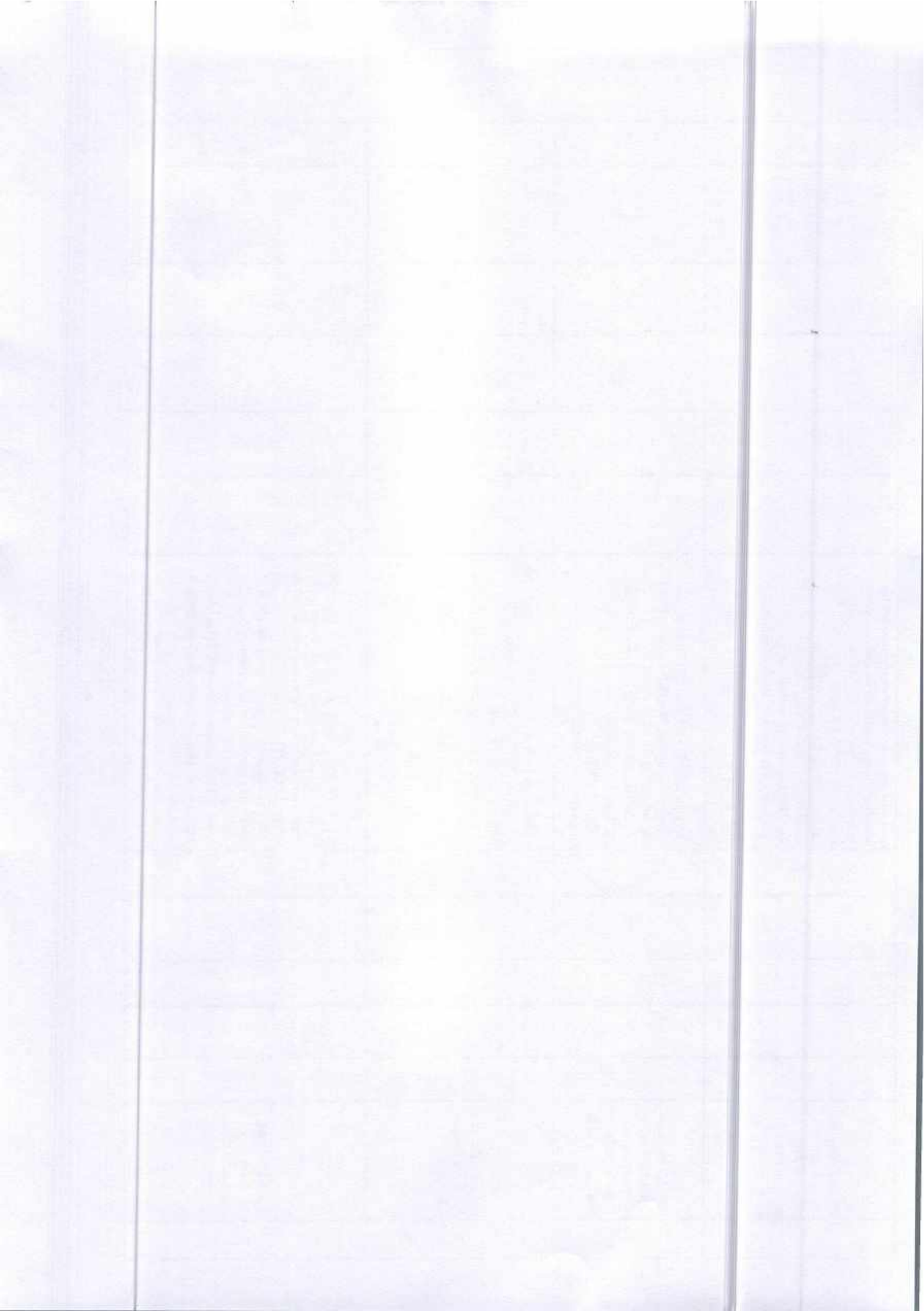


DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI HÓA CHẤT CHO MÁY DO ĐỘ ĐÓNG MÁU TỰ ĐỘNG SYSMEX CA660
(Kèm theo thư mời thăm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

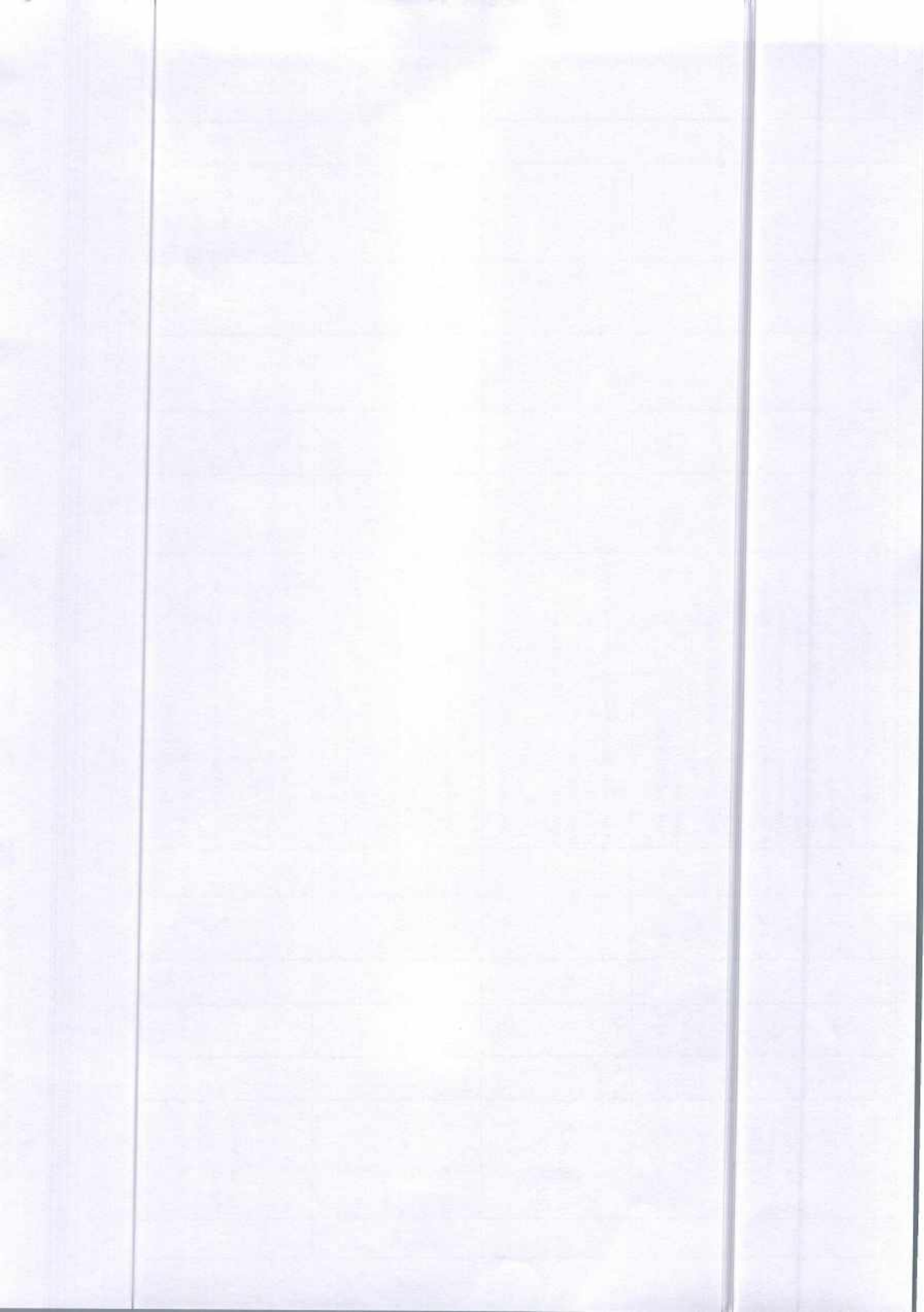
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Tiêu chuẩn chất lượng	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
1	Hóa chất đo thời gian PT				Đức		<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT) - Đóng gói dạng bột đông khô, thành phần chứa thromboplastin nhau thai người (<60g/l), Calcium Chloride (khoảng 1/5g/l) và chất bảo quản gentamicin (0.1g/L), 5-chloro-2-methyl-4-isothiazol-3-one và 2-methyl-4-isothiazol-3-one (<15mg/L) - Độ ổn định của hóa chất sau hoàn nguyên: <ul style="list-style-type: none"> 5 ngày khi bảo quản ở +2 tới +8°C (đóng nắp lọ) 2 ngày khi bảo quản ở +15 tới +25 °C (mở nắp lọ) 8 giờ khi được bảo quản ở +37 °C (mở nắp lọ) - Hộp (4ml x 10) - Tiêu chuẩn ISO13485 				4ml x 10/ Hộp	Hộp	9	
2	Hóa chất đo thời gian APTT dùng cho máy đông máu				Đức		<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT). Thành phần chứa phosphatides não thò và đậu nành tinh khiết trong 1 x 0,0001 acid ellagic, chất đệm và chất ổn định. - Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: 7 ngày khi bảo quản ở +2 tới +15 °C (đóng nắp lọ). - Hộp (2ml x 10) - Tiêu chuẩn ISO13485 					2ml x 10/ Hộp	Hộp	9
3	Hóa chất xét nghiệm nồng độ Fibrinogen				Đức		<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng để định lượng fibrinogen trong huyết tương - Dạng bột đông khô, thành phần chứa thrombin có nguồn gốc từ bò khoảng 100 IU/ml. Độ ổn định của hóa chất sau hoàn nguyên: 5 ngày khi bảo quản ở +2 tới +8 °C (đóng nắp lọ), 8 giờ khi được bảo quản ở +15 to +25 °C (đóng nắp lọ). - Hộp (1ml x 10) - Tiêu chuẩn ISO13485 					1ml x 10/ Hộp	Hộp	12



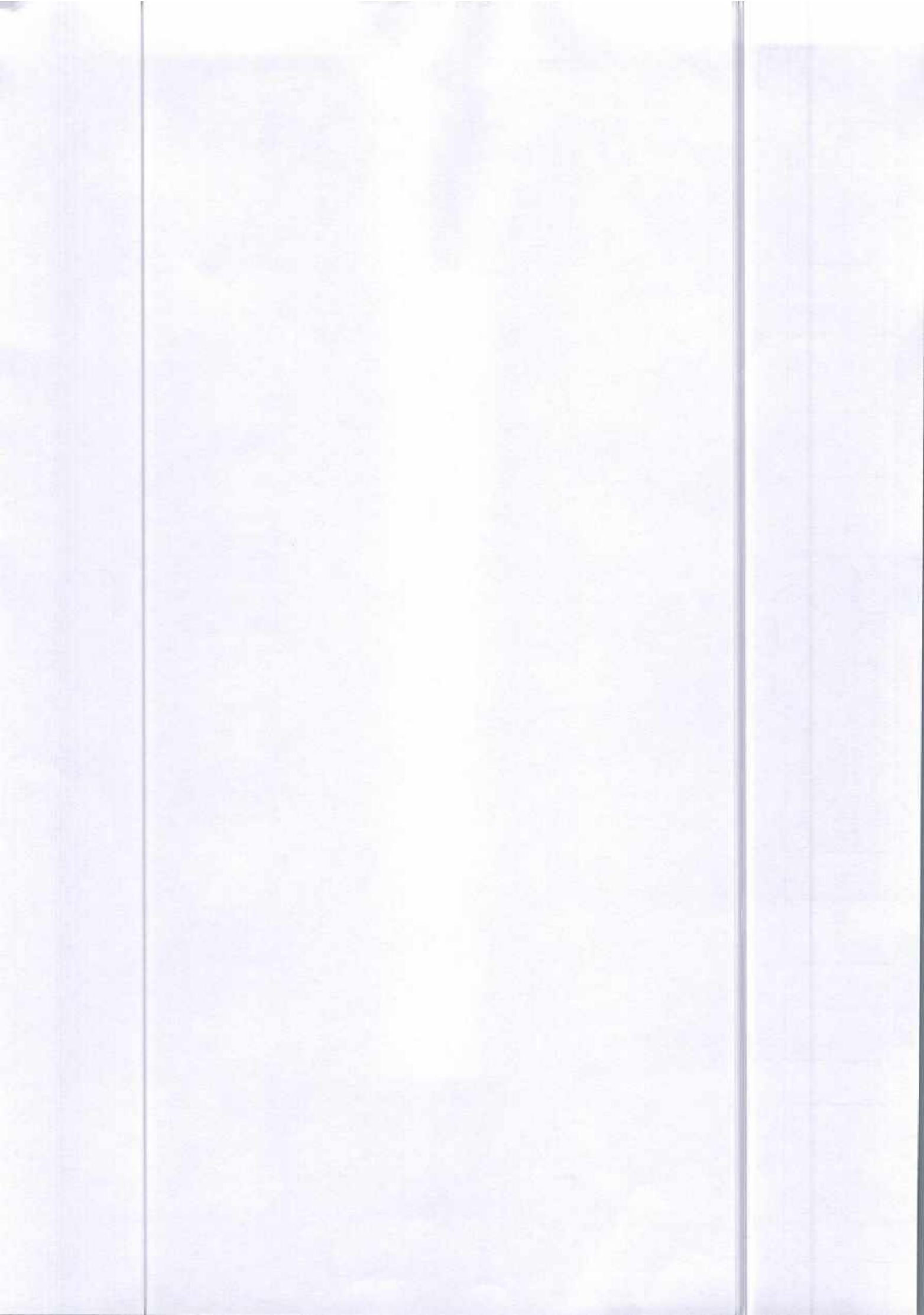
4	Hóa chất dùng để xác định thời gian thrombin trong huyết tương người (TT)						<ul style="list-style-type: none"> Hóa chất dùng để xác định thời gian thrombin trong huyết tương người. Độ ổn định sau hoàn nguyên: <ul style="list-style-type: none"> Tại nhiệt độ +37 °C ≥ 8 giờ Tại nhiệt độ +15 tới +25 °C ≥ 10 giờ Tại nhiệt độ +2 tới +8 °C ≥ 7 ngày Tại nhiệt độ ≤ -20 °C ≥ 4 tuần Hộp (10 x 5ml Thrombin Rgt.1 x 50ml Buffer Solution) Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương 		10 x 5ml Thrombin Rgt. * 1 x 50ml Buffer Solution	Hộp	5
5	Hóa chất bổ sung Calcium cho xét nghiệm thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần						<ul style="list-style-type: none"> Là dung dịch đậm trong xét nghiệm đông máu Đóng gói dạng lỏng dung dịch Calcium chloride 0,025mol/L Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: 8 tuần khi bảo quản ở +2 tới 8 °C. Hộp (15ml x 10) Tiêu chuẩn ISO13485 		15ml x 10 /Hộp	Hộp	2
6	Hóa chất kiểm tra chất lượng đông máu mức 1						<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng để kiểm chuẩn ở dài bình thường cho các xét nghiệm APTT, PT, TT, fibrinogen, ATIII, Batroxobin/reptilase time. Dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương người chống đông citrat. Độ ổn định sau hoàn nguyên: 16 giờ khi bảo quản ở +2 tới +8 °C (đóng nắp lọ). Hộp (1ml x 10) Tiêu chuẩn ISO13485 		1ml x 10/Hộp	Hộp	2
7	Hóa chất kiểm tra chất lượng đông máu mức 2						<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu ở dài điều trị chống đông đường uống từ mức trung bình tới mức cao, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương người chống đông citrat Độ ổn định sau hoàn nguyên: <ul style="list-style-type: none"> 16 giờ khi bảo quản ở +2 tới +8 °C (đóng nắp lọ) 8 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C (đóng nắp lọ). Hộp (1ml x 10) Tiêu chuẩn ISO 13485 		1ml x 10/Hộp	Hộp	2



8	Hóa chất sử dụng để hiệu chuẩn cho hầu hết các xét nghiệm đông máu									Đức	<ul style="list-style-type: none"> - Được sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm sau: PT, Fibrinogen, yếu tố II, V, VII, IX, X, XI, XII, XIII và vWF, Chất ức chế: Antithrombin III, protein C, protein S, alpha2 - antiplasmin, chất ức chế C1, Total Complement activity, Plasminogen. - Standar human Plasma có chứa huyết tương được chống đông bằng Citrate từ máu người. Standar human Plasma được ổn định với dung dịch đệm HEPPES (12g/L) và đông khô. - Độ ổn định sau khi hoàn nguyên: ở nhiệt độ từ +15 tới +25 °C: 4 giờ, ở nhiệt độ ≤20 °C: 4 tuần. - Hộp (1ml x 10) - Tiêu chuẩn ISO13485 	1ml x 10/Hộp	Hộp	1
9	Dung dịch rửa có tính kiềm									Nhật Bản	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất rửa trên hệ thống máy đông máu tự động. - Dung dịch có tính kiềm, nồng độ Sodium hypochlorite 1%. - Độ ổn định sau mở nắp: 1 tháng khi bảo quản ở 2 tới 8 °C. - Hộp (50ml x 1) - Tiêu chuẩn ISO13485 	50ml x 1/Hộp	Hộp	10
10	Dung dịch rửa có tính axit									Nhật Bản	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất rửa trên hệ thống máy đông máu tự động. - Dung dịch có tính axit, nồng độ Hydrochloric acid 0.16%, non-ionic surfactant 0,50%. - Độ ổn định sau mở nắp: 2 tháng khi bảo quản ở 5 tới 35°C. - Hộp (500ml x 1) - Tiêu chuẩn ISO13485 	500ml x 1/Hộp	Hộp	6
11	Hóa chất đệm cho đông máu									Đức	<ul style="list-style-type: none"> - Là dung dịch đệm trong xét nghiệm đông máu - Đóng gói dạng lỏng, thành phần gồm sodium bardital 2.84 x 0,01M và sodium chloride 1.25 x 0.1M, pH 7.35 ± 0.1 - Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: 8 tuần khi bảo quản ở +2 tới 8 °C. - Hộp (15ml x 10) - Tiêu chuẩn ISO13485 	15ml x 10/Hộp	Hộp	2

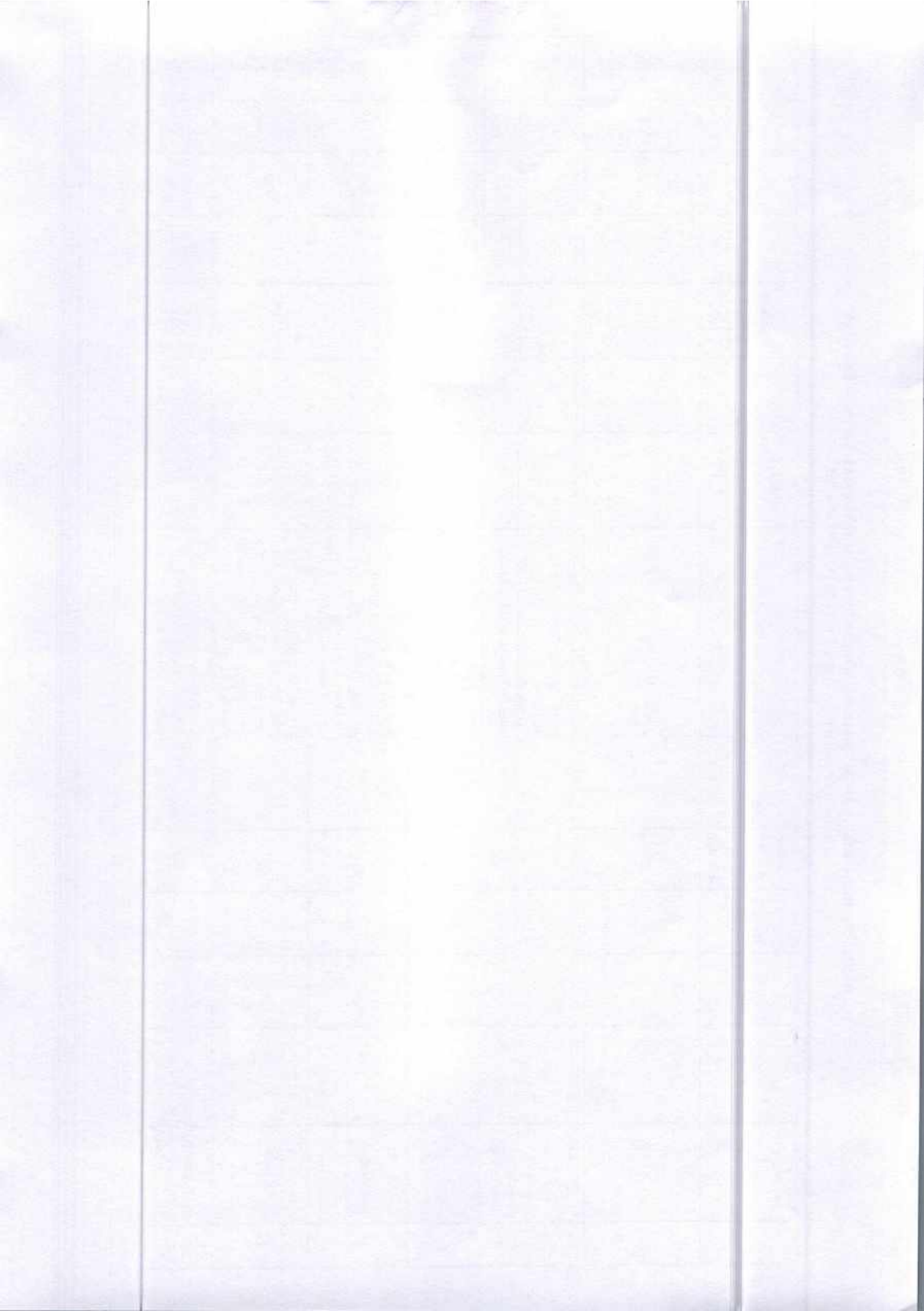


12	Cốc phản ứng										1000/Túi	Túi	3
<p>- Ống phản ứng được dùng để đựng mẫu và hóa chất trên máy phân tích đông máu, sử dụng phù hợp cho máy đông máu CA. - Túi 1000 cái - Tiêu chuẩn ISO13485</p>													
TỔNG: 12 KHOẢN													

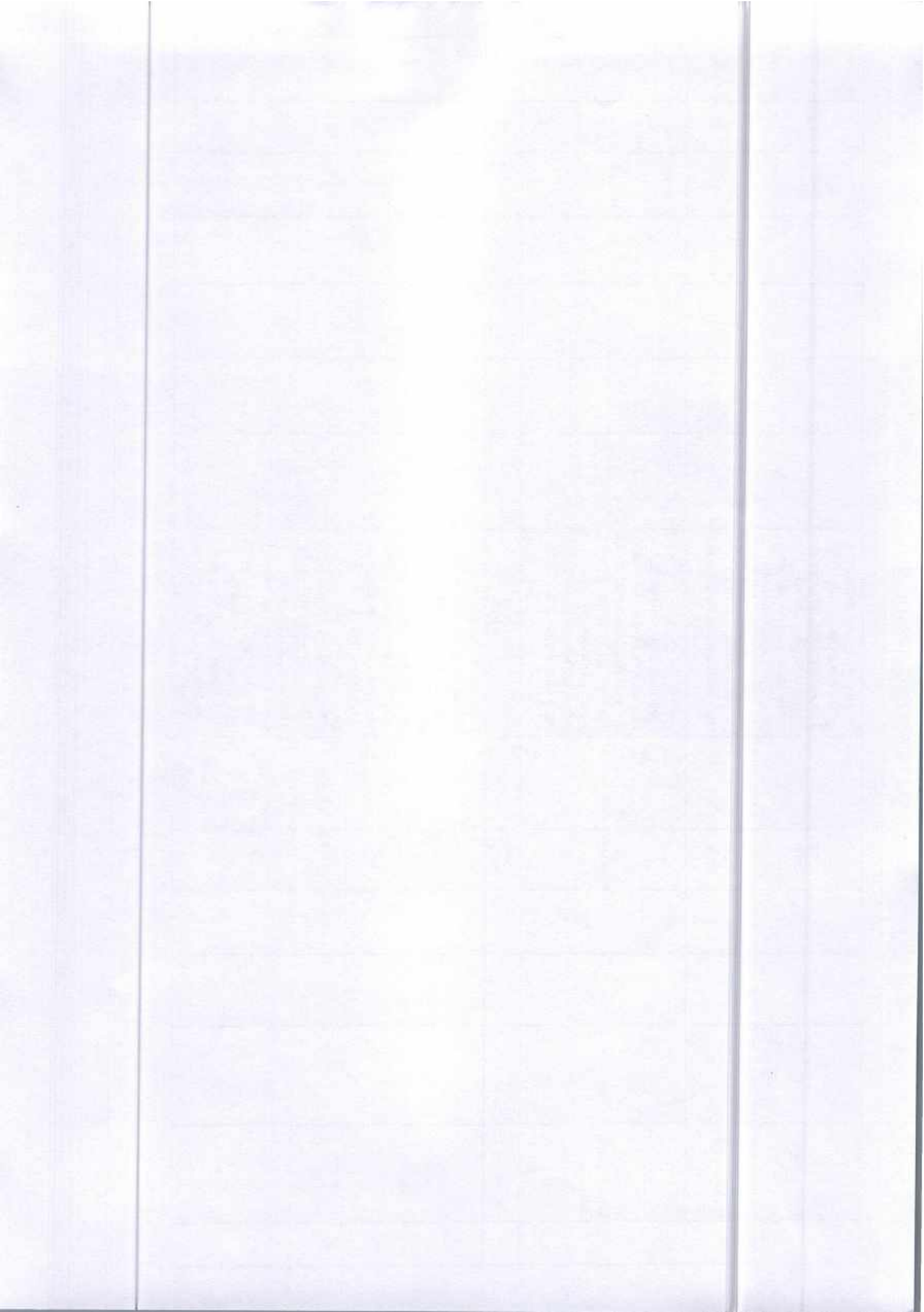


DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI HÓA CHẤT KHÔNG THEO MÁY
(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

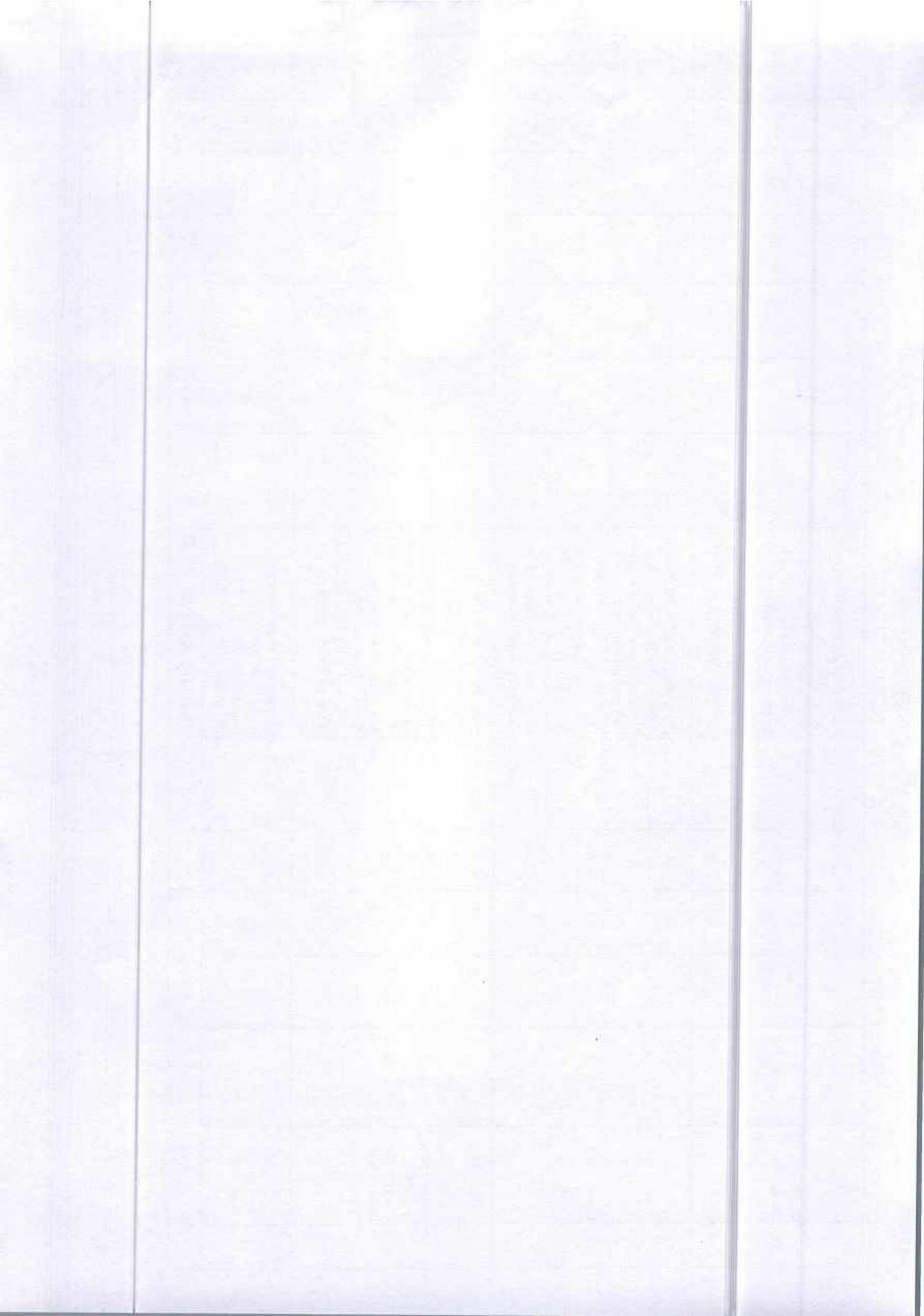
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Nước cất 1 lần				Việt Nam		Trong suốt, không màu, không mùi, không vị					Can 10 lit	Lít	20.000
2	Dung dịch Thuốc nhuộm Giemsa				Anh		Nhuộm Giemsa được sử dụng chủ yếu trong nhuộm máu và phát tế bào tủy xương. Độ pha loãng khuyến nghị 1:10 hoặc 1:15 trong dung dịch đệm Sorensen phosphatepH 6,5-6,8 Thành phần: Methanol: < 50% Glycerol: < 25% Ethylene Glycol: < 25%					01 lít/chai	Chai	6
3	Hóa chất nhuộm dùng trong y tế				Việt Nam		Bao gồm: 01 Chai Crystal Violet 100mL 01 Chai Alcohol 100mL 01 Chai Lugol 100mL 01 Chai Safranin 100mL					100 ml/chai	Chai	6
4	Đầu soi kính hiển vi				Đức		Trạng thái: chất lỏng, vàng nhạt - Ứng dụng: Immersion oil hay còn gọi là dầu soi kính hiển vi giúp tăng độ phân giải của hình ảnh, làm hình ảnh sắc nét hơn					500 ml/chai	chai	2
5	Hóa chất Xylene 99,0%				Mỹ		Công thức hóa học: C8H10 Xilene dùng cho phân tích (for analysis), nồng độ 99%.					1 x 3.800 ml/can	Can	4



6	Dung dịch Formaldehyde						Formol sử dụng trong phòng thí nghiệm, labs. Formaldehyde là chất dễ bay hơi và có khả năng chuyển sang thể khí ở điều kiện bình thường. không màu, mùi cay xốc, khó ngửi, tan nhiều trong nước	Chai 500ml	Chai	5
7	Phenol tinh thể		Trung Quốc				Công thức hóa học: C ₆ H ₅ OH Trạng thái: Dạng tinh thể không màu	Chai 500g	Chai	2
8	Vôi Soda Sofnolime dùng cho máy gây mê		Việt Nam				Thành phần chính: Calci oxyd. Vôi soda dùng hấp thụ CO2 trong không khí bệnh nhân thở khí gây mê Hỗn hợp Calci Hydroxyd và natri hydroxyd có độ hấp thụ carbon hydroxyd: Khả năng tăng lên không được nhỏ hơn 20%.	Can 4,5 kg	Can	3
9	Kali iod		Trung Quốc				Bột tinh thể trắng, không mùi (Potassium iodate KIO3) Trong suốt, không màu, không mùi.Tan trong nước và rửa sạch bằng nước thường. Thành phần chính: Nước tinh khiết, Hydroxybenzoic, glycerin, sodium hydroxide. Tan trong nước, dùng trong nội soi dạ dày, đại tràng, bôi trơn ống thông tiểu, bôi trơn âm đạo... Độ Ph = 5; Giới hạn nhiễm khuẩn:-Mẫu thử phải không có sự hiện diện của các vi khuẩn sau:Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Candida albicans.Tổng số nấm trong 1g (ml) mẫu thử, nhỏ hơn 10 (CFU/g hoặc CFU/ml).Tổng số vi sinh vật hiếu khí: < 10 (CFU/g hoặc CFU/ml).	Lọ 250g	lọ	1
10	Gel bôi trơn (Mỡ KY)		Việt Nam					Tuýp 82g	Tuýp	10

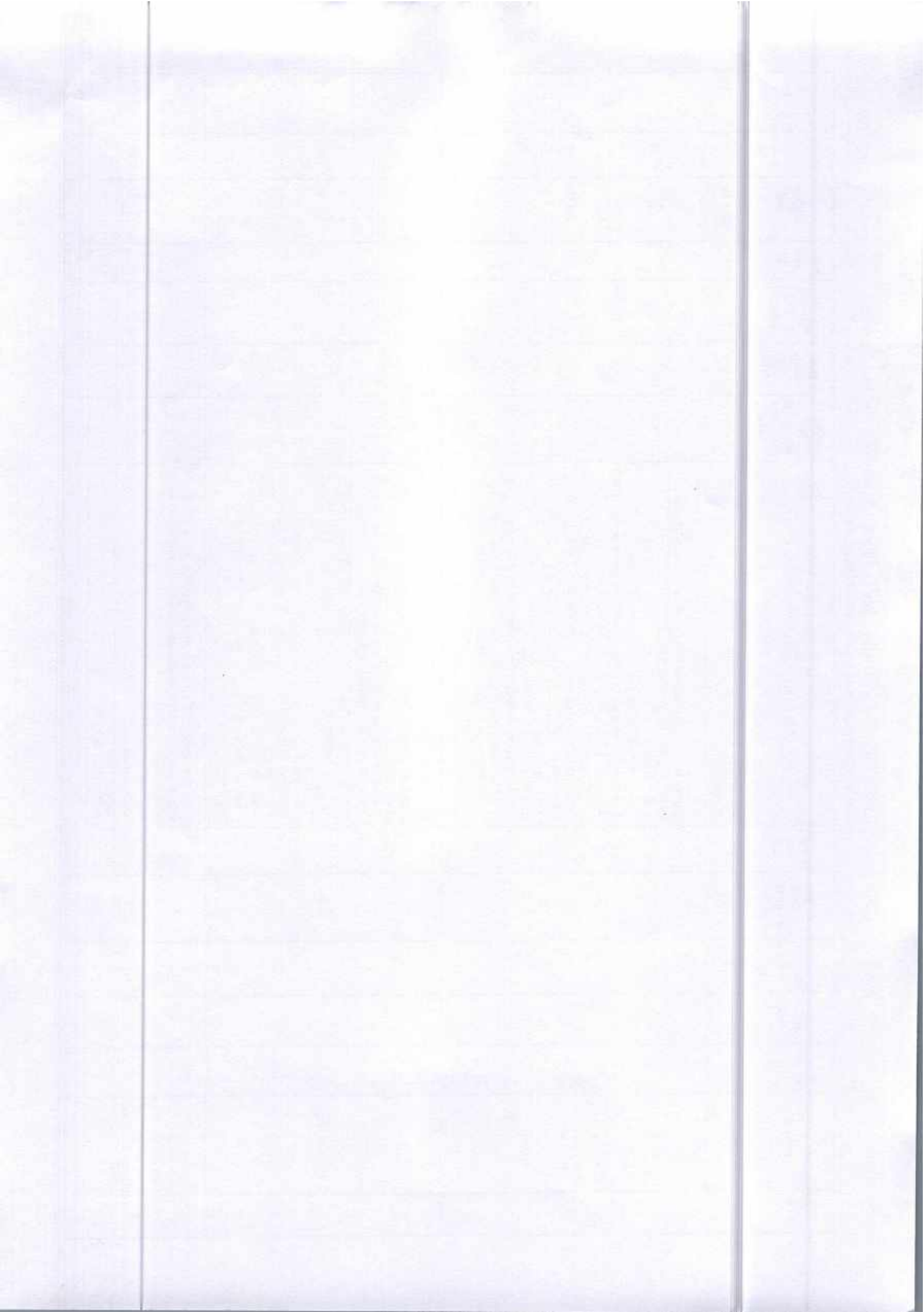


11	Gel điện tim	Việt Nam											Thùng 20 chai	Chai	3	
	Gel điện tim phù hợp điện cực máy điện tim, điện não, cho chất lượng hình ảnh siêu âm tuyệt vời, giúp bảo vệ bề mặt đầu dò siêu âm không bị ăn mòn một cách nhanh chóng, không chứa formaldehyde, vô khuẩn, không mẫn cảm da, không gây rất da. Quy cách : Chai 250ml															
12	Gel siêu âm	Việt Nam												Can	16	
	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng. Không có formaldehyde, không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus, Pseudomonas aeruginosa, tổng số nấm <10 CFU/g. Không gây mẫn cảm hoặc rất da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5. Có phiếu kiểm nghiệm của cơ quan chức năng												Can 5 lit			
13	Ống máu năng chẩn không (dùng cho máy đo tốc độ máu lắng)	Trung Quốc												Hộp	6	
	Ống cao su và thân bằng thủy tinh kích thước: 8 x 120mm - Thể tích lấy máu: 1.28ml - Hòa chất bên trong: Sodium Citrate 3.2% - Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác - Đóng gói: 100 ống/ khay - Sử dụng kim lấy máu chẩn không và ống giữ kim lấy máu để đưa vào ống												100 ống/01 Hộp			
14	Thuốc nhuộm xanh Cresyl	Đức												Lọ	2	
	Tỷ trọng: 1.01 g/cm ³ (20 °C) pH 3.7 (H ₂ O, 20 °C) Dung môi là nước Bảo quản: +15°C to +25°C.												Lọ 100 ml			
Tổng: 14 khoản																

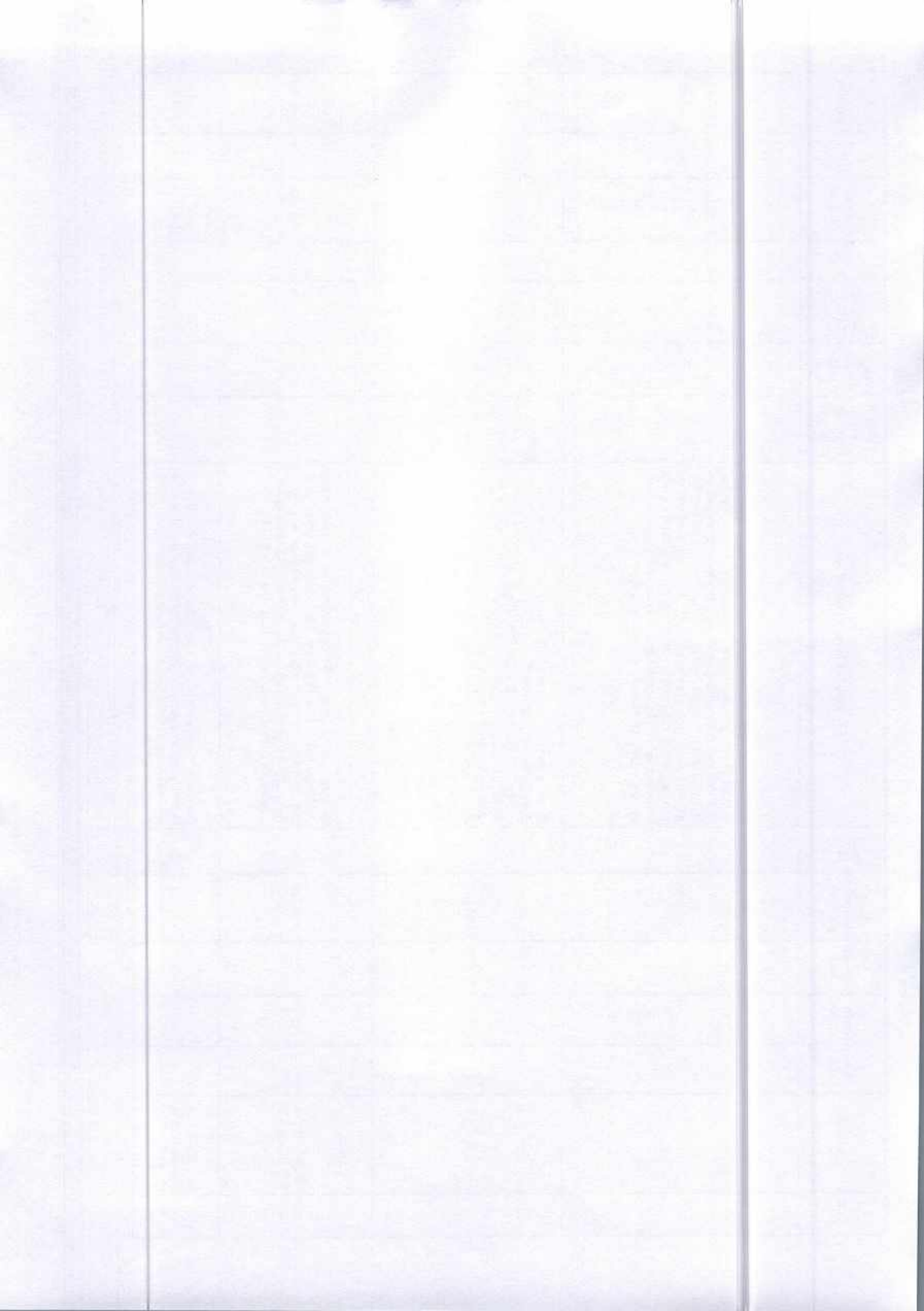


DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GÓI VẬT TƯ TIÊU HAO DÙNG CHO CHUYÊN MÔN
(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

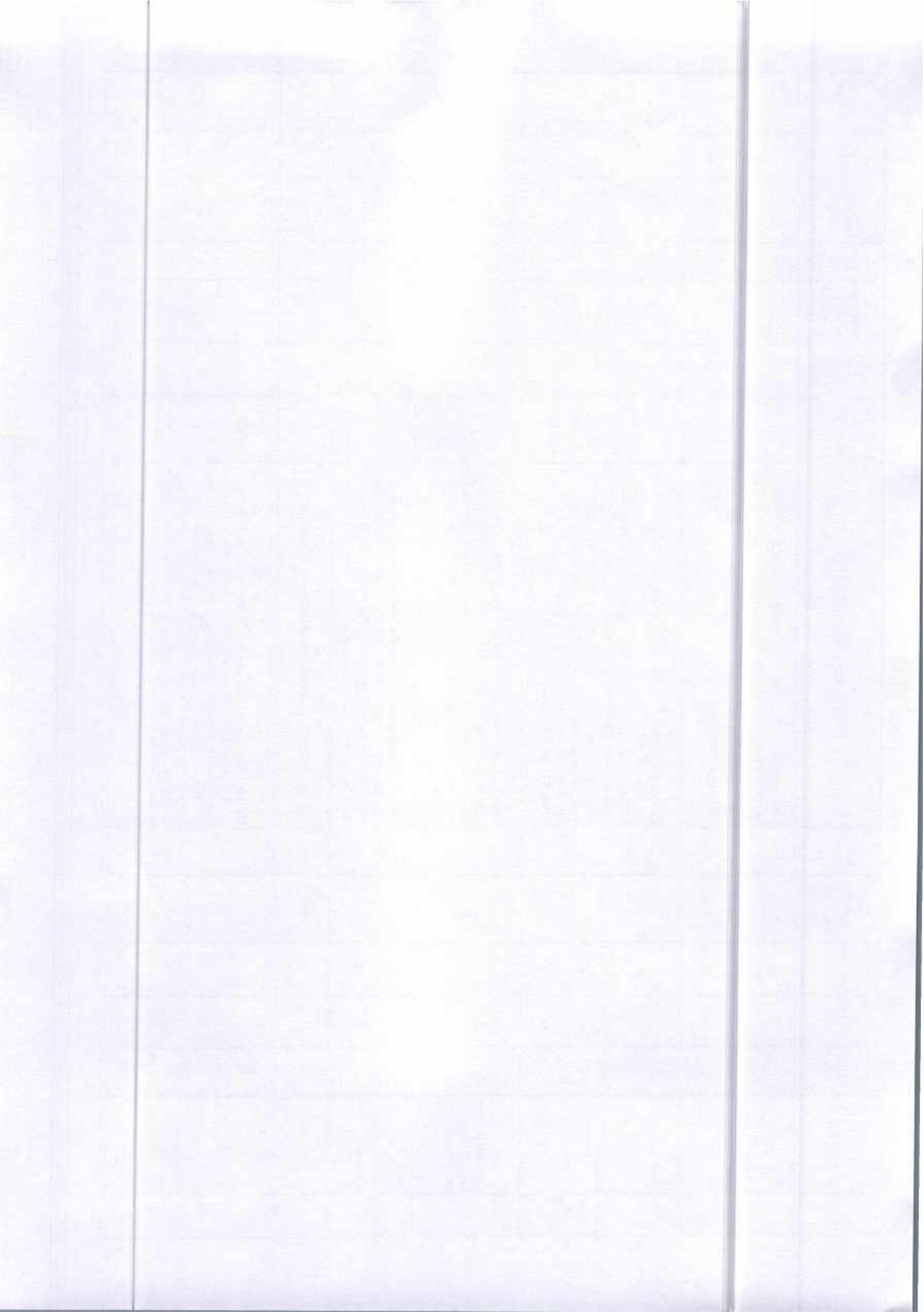
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Mã HS	Quy cách đóng gói	DVT	Số lượng
1	Sonde Nelaton các số				G20		Sản xuất từ cao su tự nhiên trắng silicone. Ống dài khoảng 40cm. Đã được tiệt trùng					Túi 1 cái	Cái	200
2	Sonde Foley 2 nhánh các cỡ				G20		<p>Chất liệu 100% cao su thiên nhiên có phủ silicone trơn nhẵn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại: 2 nhánh - Thành ống dày chống gãy gấp, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt. - Kích thước đầu tip ngắn: 15-24mm giảm kích thích bàng quang, chiều dài ống thể: 270mm. 400mm, chiều dài phụ: 40mm. - Lỗ thông tiểu lớn và trơn giúp thông tiểu dễ và nhanh hơn, Valve bơm bóng có lỗ xo, đảm bảo độ ổn định cả khi bơm và xả. Tráng silicone trong lòng giúp không bị tắc - Van bằng cao su - Size: 6-26 được phân biệt theo màu sắc - Size 6- 10(trẻ em) chiều dài 270mm, dung tích bóng 3-5 ml/cc - Size 12-22 (tiêu chuẩn) chiều dài 400mm, dung tích bóng 30ml/cc - Size 24-26 (tiêu chuẩn) chiều dài 400mm, dung tích bóng 30ml/cc - Tiệt trùng bằng khí EO 				Túi 1 cái	Cái	300	
3	Túi lấy máu đơn				G20		<p>Hệ thống túi máu dùng một lần bằng PVC y tế, hàn liền khối và các góc được bo tròn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích túi tối đa tới 300ml, phù hợp chứa đơn vị lấy máu 250ml, trong túi chứa sẵn 3.5ml dung dịch chống đông CPDA-1 - Ống dây lấy máu có chiều dài lên tới 1020mm (980±40), có 12 dây số (segments) và có kẹp để khóa tạm thời ống dây lấy máu. - Kim lấy máu cỡ 16G - Tiệt Trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Kích thước túi: + Chiều cao bên trong: 141 ± 5 mm và chiều rộng bên trong: 120 ± 5 mm + Chiều cao bên ngoài: 201 ± 5 mm và chiều rộng bên ngoài: 130 ± 5 mm 				Túi 2 cái	Cái	500	
4	Băng keo lụa cuộn 2,5cm x 5m [Urgosyval 2,5cm x 5m]				Châu Á		<p>Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate được dệt với kích thước phù hợp, keo oxide kẽm không dung môi, lực dính 1,8-5,5 N/cm. Số sợi 44x19,5/cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lõi nhựa liên cảnh bảo vệ. - Có kiểm tra vị sinh. - Nguyên liệu G7. - Kích thước 2,5cm x 5m 				Hộp 12 cuộn	Cuộn	30.000	



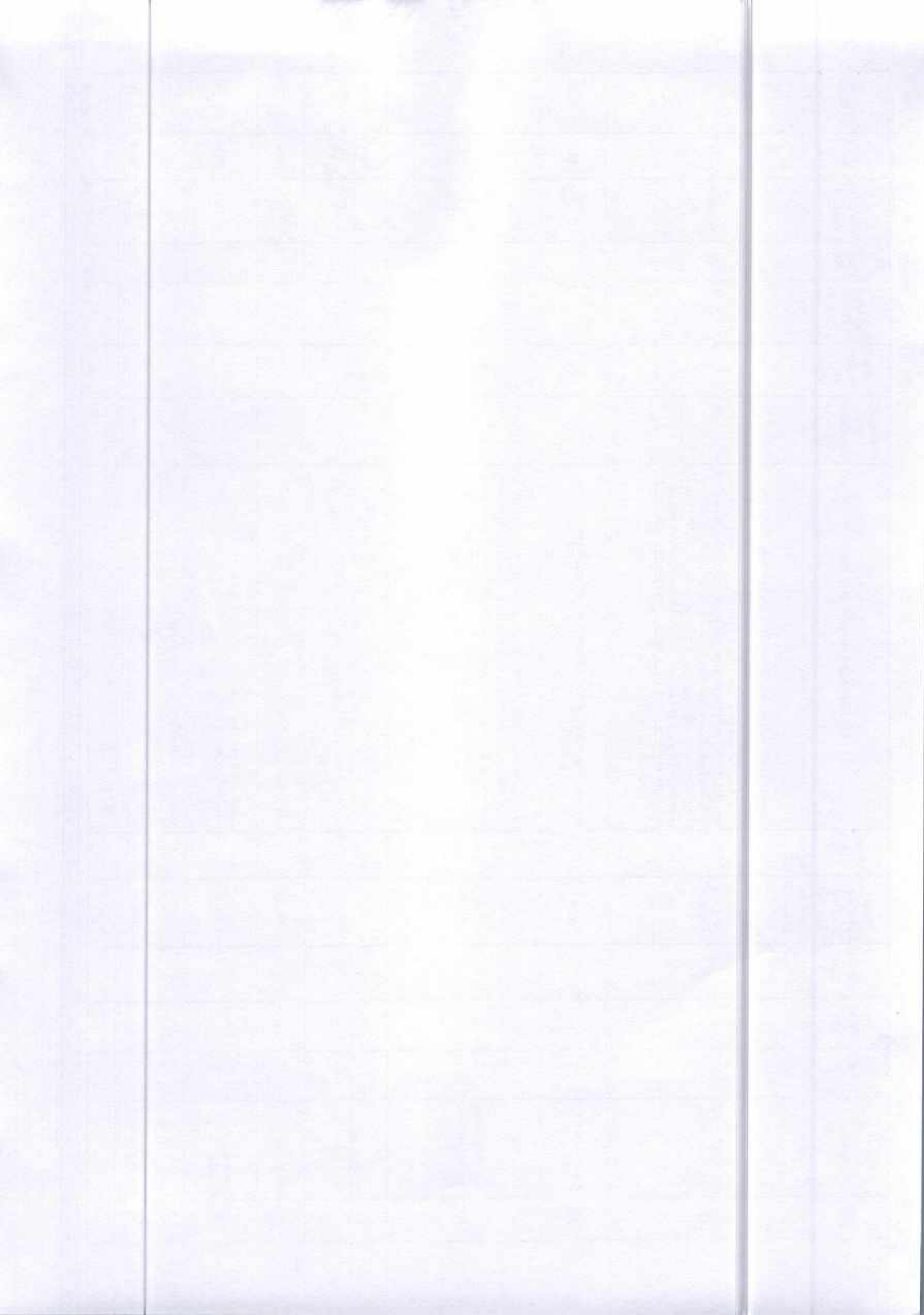
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
5	Băng cuộn 9cm x 2,5m				Việt nam		Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Mật độ 20x14 sợi/ inch. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phụ tạng. Tốc độ hút nước <= 5 giây. Độ ngấm nước >= 5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <= 0,5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >= 80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng giấy.					Bịch 10 cuộn	Cuộn	1.000
6	Khẩu trang y tế				Việt nam		Vải không dệt, có lớp vi lọc, thanh nẹp mũi - Hiệu lực lọc không nhỏ hơn 90% - Trơ lực hồ hấp (DP) không lớn hơn 9mm H2O. - Giới hạn trường nhìn không lớn hơn 6%, - Khối lượng không lớn hơn 10g. - Giới hạn cho phép của kim loại nặng: Asen (As) 0,17mg/kg, Thủy ngân (Hg) 0,12mg/kg, Hàm lượng chì (Pb) 1,00mg/kg, Antimon (Sb) 0,10mg/kg, Cadmimi (Cd) 0,10/kg.					Hộp 50 cái	Cái	88.000
7	Bông y tế thấm nước				Việt nam		Sản phẩm được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Bông dạng viên F20, đồng đều về kích thước và trọng lượng. Tốc độ hút nước: Thời gian chìm <= 5 giây. Độ ẩm: <= 8%; Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0,5%. Được đóng kín trong bao PE in đầy đủ thông tin về sản phẩm. Quy cách: Túi 1kg					Túi 1 kg	Kg	330
8	Băng dính cá nhân (kích thước 3,8 x 7,2 cm)				Việt nam		Vải Viscose và Polyamide cơ giã, không thấm nước. Dệm thấm dịch: Màu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. Keo Oxyd kèm không dung môi. Kích thước: 38mm x 72mm.					Hộp 30 cái	Cái	90.000



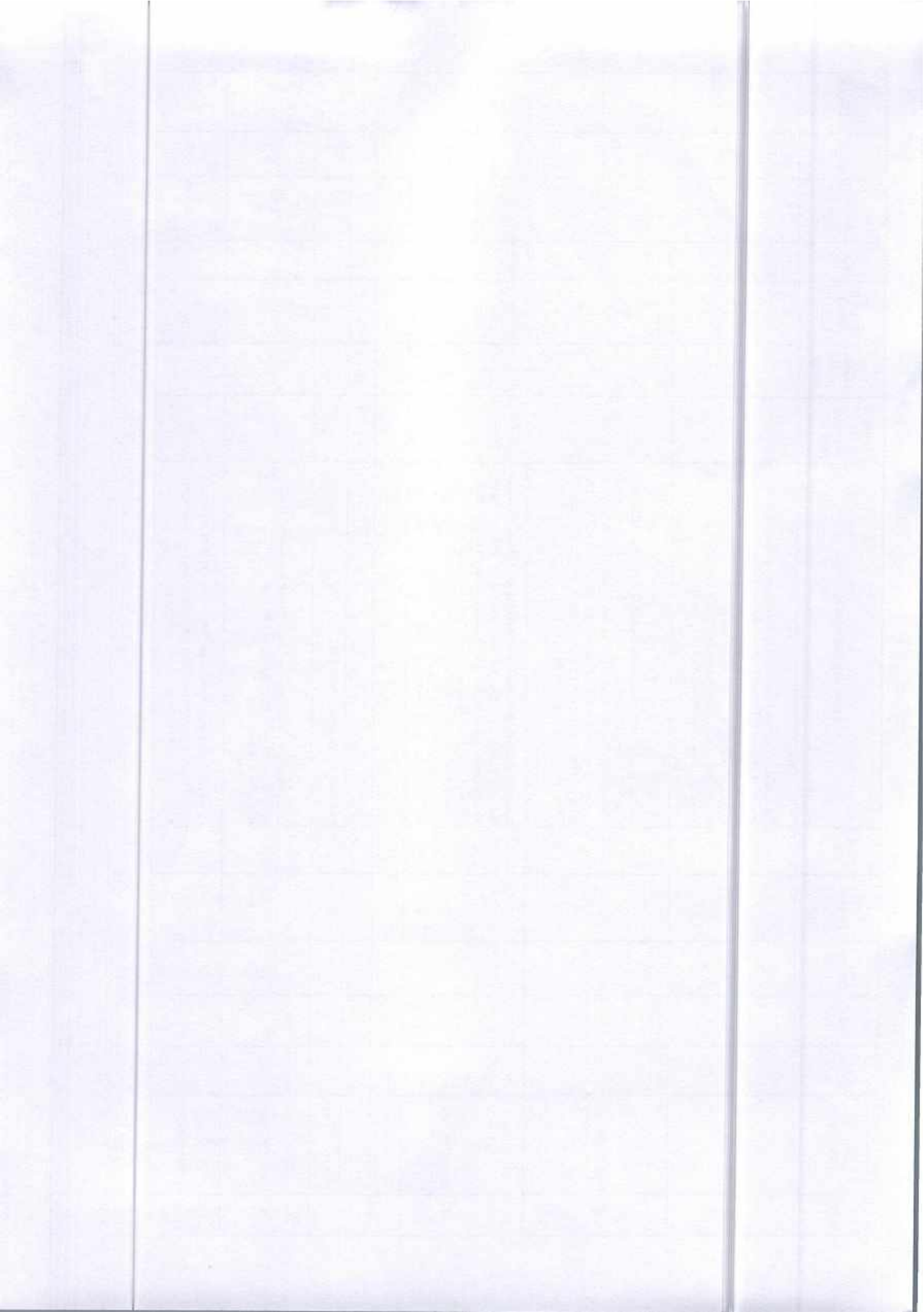
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
9	Bóng không thấm nước				Việt nam		Bóng sơ tự nhiên 100%. Có màu trắng ngà, mịn, xốp, không mùi, sờ trơn tay. Không hút nước, không lẫn tạp chất - Độ ẩm tối đa : 8% - Độ tro tối đa : 2.5% - Tạp chất: không					Túi 1 kg	KG	4
10	Catheter 720				Đức		Kim dẫn đường chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí. Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vận xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn; dao mổ và kim nong bằng nhựa. Catheter bằng chất liệu polyurethan tương hợp cao, giúp lưu catheter lâu, chiều dài 20cm, 3 nòng, đường kính nòng G16, G18, G18 ; Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn, Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter					Hộp 1 cái	Cái	1
11	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường trẻ em (S408)				Đức		Kim dẫn đường sắc bén; Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vận xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn; Có dao mổ và kim nong bằng nhựa; Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 4F, chiều dài 8cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G22, G22; Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.					Hộp 1 bộ	Bộ	18
12	Cảm biến đo huyết áp xâm lấn				G20		Cảm biến đo huyết áp xâm lấn và phụ kiện thuộc hệ thống thiết bị đo áp suất động mạch, có khả năng kiểm soát liên tục và linh hoạt áp suất động mạch, phù hợp với nhu cầu đo khám của nhân viên y tế. Tốc độ truyền dịch 2-5ml/h. Truyền dịch nhanh 5 phút.					Túi 1 cái	Cái	203
13	Cốc mẫu				G20		Chất liệu nhựa PS nguyên sinh, kích thước 14*25mm, thể tích 1.5ml.					Túi 500 cái	Cái	11.000
14	Ống nghiệm chống đông Heparin				Việt nam		Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE dây kim thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọc trong của ống. Hóa chất: Heparin Lithium dưới dạng hạt sương (nồng độ trong khoảng 0.1mg - 0.2mg Heparin Lithium trên ml máu), Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu 2ml; chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút (ống không bị vỡ, rò rỉ hoặc rạn nứt), nhân màu đen. Có phiếu kiểm nghiệm chất lượng cơ quan chức năng.					Hộp 100 cái	Cái	84.000



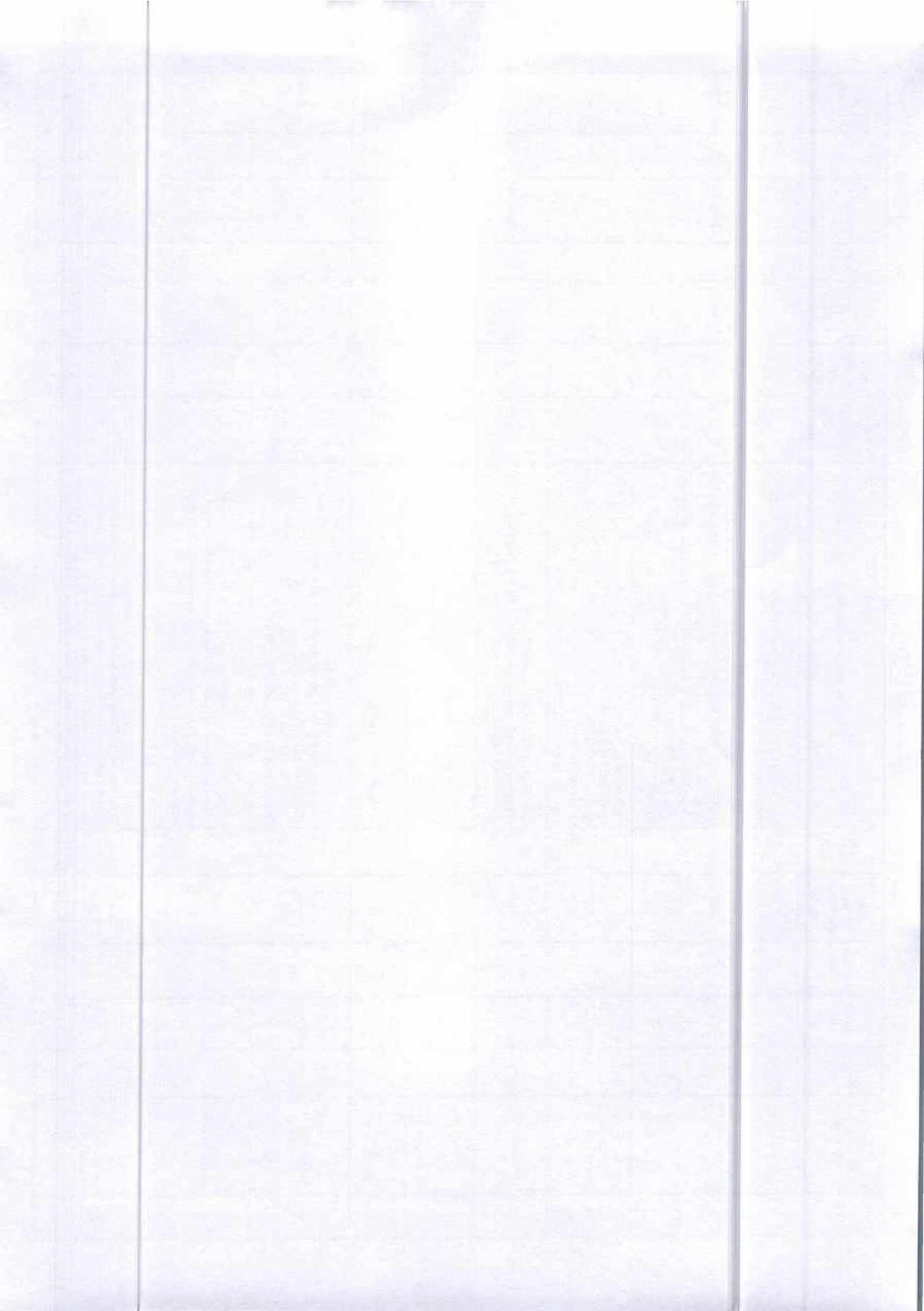
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
15	Ống nghiệm chống đông EDTA nắp cao su				Việt nam		Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp cao su bọc nhựa LDPE dày kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọc trong của ống. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA) được phun dưới dạng hạt sương. Kích thước ống 12x75mm. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút, Nhãn màu xanh dương.					Hộp 100 cái	Cái	76.800
16	Ống nghiệm thủy tinh 12mm x 80mm				G20		Chất liệu: Thủy tinh trung tính; Kích thước: đường kính: 12mm chiều dài ống: 80mm					Thùng 2.000 cái	Cái	26.000
17	Ống nghiệm chống đông Tri-Nacitrate 3,8%				Việt nam		Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp màu xanh lá cây. Nồng độ muối là 3.8mg trên 1ml máu. Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE dày kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọc trong của ống. Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu 2ml, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút (ống không bị vỡ, rò rỉ hoặc rạn nứt). Nắp màu xanh để nhận biết ống. Có phiếu kiểm nghiệm chất lượng cơ quan chức năng.					Hộp 100 cái	Cái	4.800
18	Tuýp lấy máu đông serum				Việt nam		Dùng đựng mẫu máu, thể tích lấy máu 2ml. Kích thước ống nghiệm 12x75mm, có nắp bằng nhựa được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọc trong của ống. Bên trong ống có hạt nhựa PS					Hộp 100 cái	Cái	6.000
19	Giấy in nhiệt				Việt nam		Giấy in nhiệt; đang cuộn					Hộp 10 cuộn	Cuộn	250
20	Giấy in siêu âm đen trắng				Châu Á		Giấy in chất lượng cao. Kích thước 110mm x 20m. Số lượng bản in: khoảng 215 bản in					Túi 1 cuộn	Cuộn	200
21	Giấy điện tim 3 cân				Châu Á		Dạng cuộn, chiều dài 30m, có bao bì bảo vệ - Kích thước 63mm * 30m, chất liệu bằng giấy in nhiệt dùng trong y tế và loại có kẻ sọc lưới đỏ, tương thích với máy điện tim 3 cân Fukuda, Nihon Kolden. - Đóng gói: 1 hộp: 10 cuộn, 1 thùng: 100 cuộn					Hộp 10 cuộn	Cuộn	20



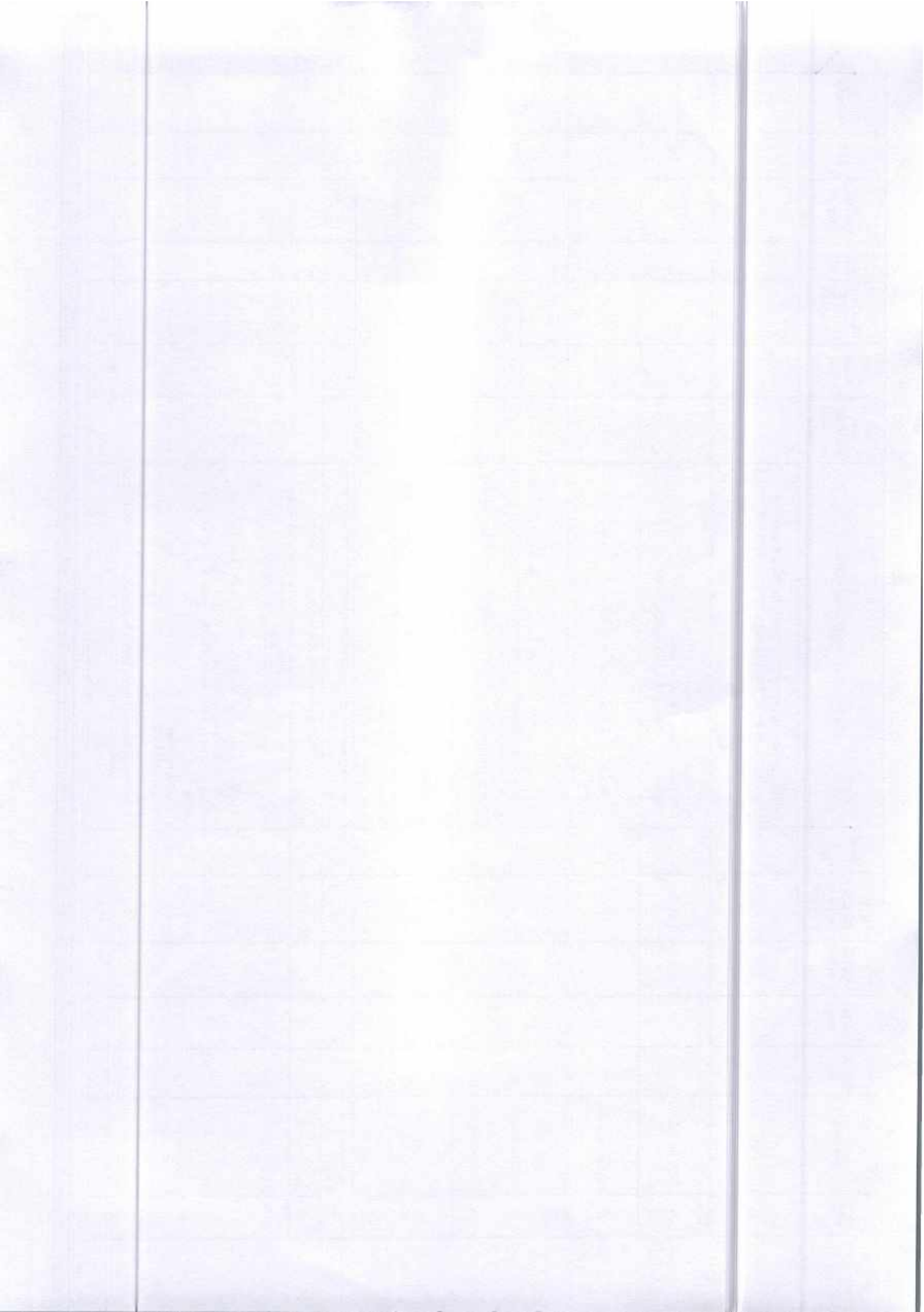
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
22	Găng tay khám có bột				Việt nam		Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, chiều dài min 220mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu trước giá hóa: $\geq 7,0$ N, sau giá hóa: $\geq 6,0$ N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước giá hóa: 650%, sau giá hóa: 500%. Lượng bột: ≤ 10 mg/dm ² . Hàm lượng Protein dưới 200 μ g/dm ² .					Hộp 50 đôi	Đôi	330.000
23	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng				Việt nam		Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Dây trung bình 0,15-0,20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt trước lão hóa: min 12,5N, sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt trước lão hóa: min 700%, sau lão hóa: min 550%. Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200 μ g/dm ² , mức độ nhiễm tinh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO.					Hộp 50 đôi	Đôi	13.600
24	Gạc y tế khổ 0,8m				Việt nam		Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Mật độ: 20x18 sợi/ inch. Trọng lượng 25-27 g/m ² . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 2 gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước $< 0,5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%.					Kiện 1.000 mét	Mét	11.000
25	Lam kính trơn				G20		Chất liệu kính Soda vôi, kích thước 25,4*76,2mm, độ dày 1,0-1,2mm, trong suốt, bề mặt phẳng, không mốc.					Hộp 72 cái	Cái	4.032
26	Lamen 22*22mm				G20		Kích thước: 22 x 22mm; Được làm bằng thủy tinh, sạch và đánh bóng. Đồng đều về cắt và độ dày, chính xác về kích thước. Bề dày: $\geq 0,13$ mm;					Hộp 100 cái	Cái	8.000
27	Lọ nhựa đựng mẫu				G20		Lọ mẫu phân bằng nhựa PP tinh khiết 100%, dung tích 60ml, nắp màu đỏ, vàng. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong. Có thìa bên trong					Túi 100 cái	Cái	15.000



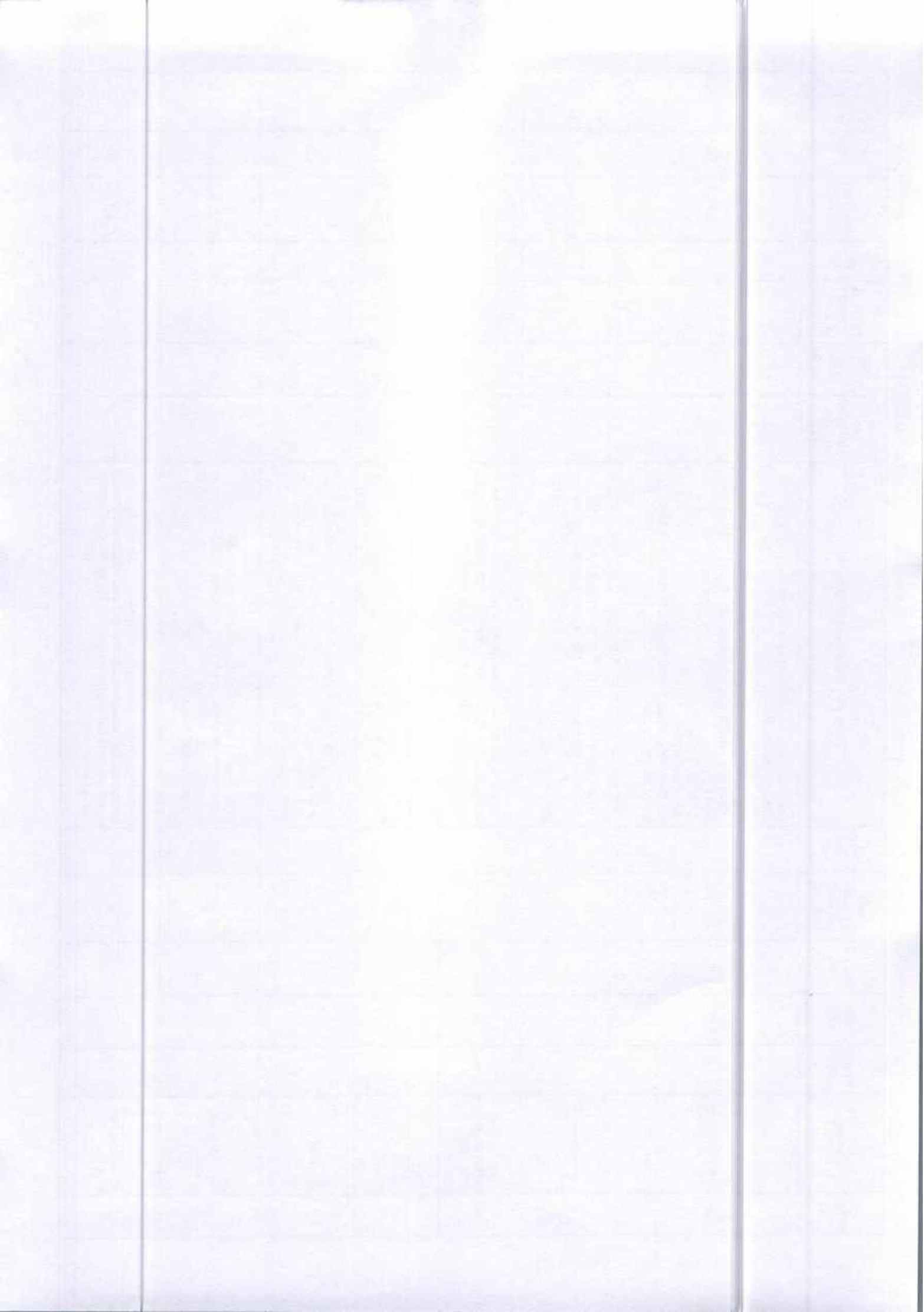
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
28	Mask khí dung các số				G20		<p>Làm từ nhựa PVC, không gây kích ứng, bề mặt mềm mại, mịn màng, trong suốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có dụng cụ chứa thuốc. Dây dẫn chính có chiều dài 2m. - Mặt nạ có dây đeo đàn hồi. Bầu đựng thuốc 6ml. Tốc độ phun sương từ 0.60ml -> 0.70ml/phút. Giọt phun sương từ 0.010ml -> 0.014ml/giọt. Lưu lượng 4.8L/Phút - Bao gồm mặt nạ, cốc thuốc, dây nối, thắt lưng đàn hồi, kẹp mũi (nhóm flake) có thể điều chỉnh và ống nối Gồm các size : S, M, L, XL. 					Túi 1 cái	Cái	9.200
29	Mask oxy các số				G20		<p>Làm bằng nhựa PVC y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kẹp mũi loại điều chỉnh được - Có dây đeo đàn hồi - Có dây dài 2m - Tiệt trùng bằng khí EO, chỉ sử dụng 1 lần 					Túi 1 cái	Cái	1.900
30	Mask thở có vành bơm hơi				G20		<p>Chất liệu PVC đầu nối tiêu chuẩn 15/22mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong gây mê, giúp thở hoặc bóp bóng hồi sức dùng 1 lần; có 7 cỡ từ 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6 Không có latex. 					Túi 1 cái	Cái	200
31	Dây thở oxy người lớn				G20		<p>Dây oxy được làm từ nhựa PVC dùng trong y tế, không độc hại, không mùi, trong suốt và mềm mại, 100% không chứa latex.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm đầu nối, ống nối chính, kẹp, ống nối nhánh, gong mũi - Ống chống va đập và chống xoắn cho đóng chày liên tục. Chiều dài dây 2m. - Đóng gói vô trùng riêng lẻ, 1 cái/ túi; 					Túi 1 cái	Cái	20
32	Mũ phẫu thuật vô trùng				Việt nam		<p>Vải không dệt polypropylen cao cấp</p> <p>Màu xanh đồng đều, không loang bần, ko dính tạp chất.</p> <p>Không kích ứng da</p> <p>2.9g - 3.8g/ 1cái. Quy cách: 100 cái/ bịch</p> <p>Độ co giãn tốt. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.</p>					Túi 1 cái	Cái	21.000
33	Áng cây 1 ul dùng 1 lần				Việt nam		<p>Que cây nhựa được sản xuất bằng nhựa. Dung tích 1ul, chất liệu mềm dẻo để dùng lấy mẫu cây vi sinh mà không sinh hương đến môi trường nuôi cấy. Đầu que cây vi sinh tròn, không boavia, Đóng gói kín, không thấm nước ngăn chặn hơi ẩm ô nhiễm. Vô trùng</p>					Túi 1 cái	Túi	800
34	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ				G20		<p>Chiều dài ống, nắp, bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nhà khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác.</p>					Bịch 100 cái	Cái	6.000



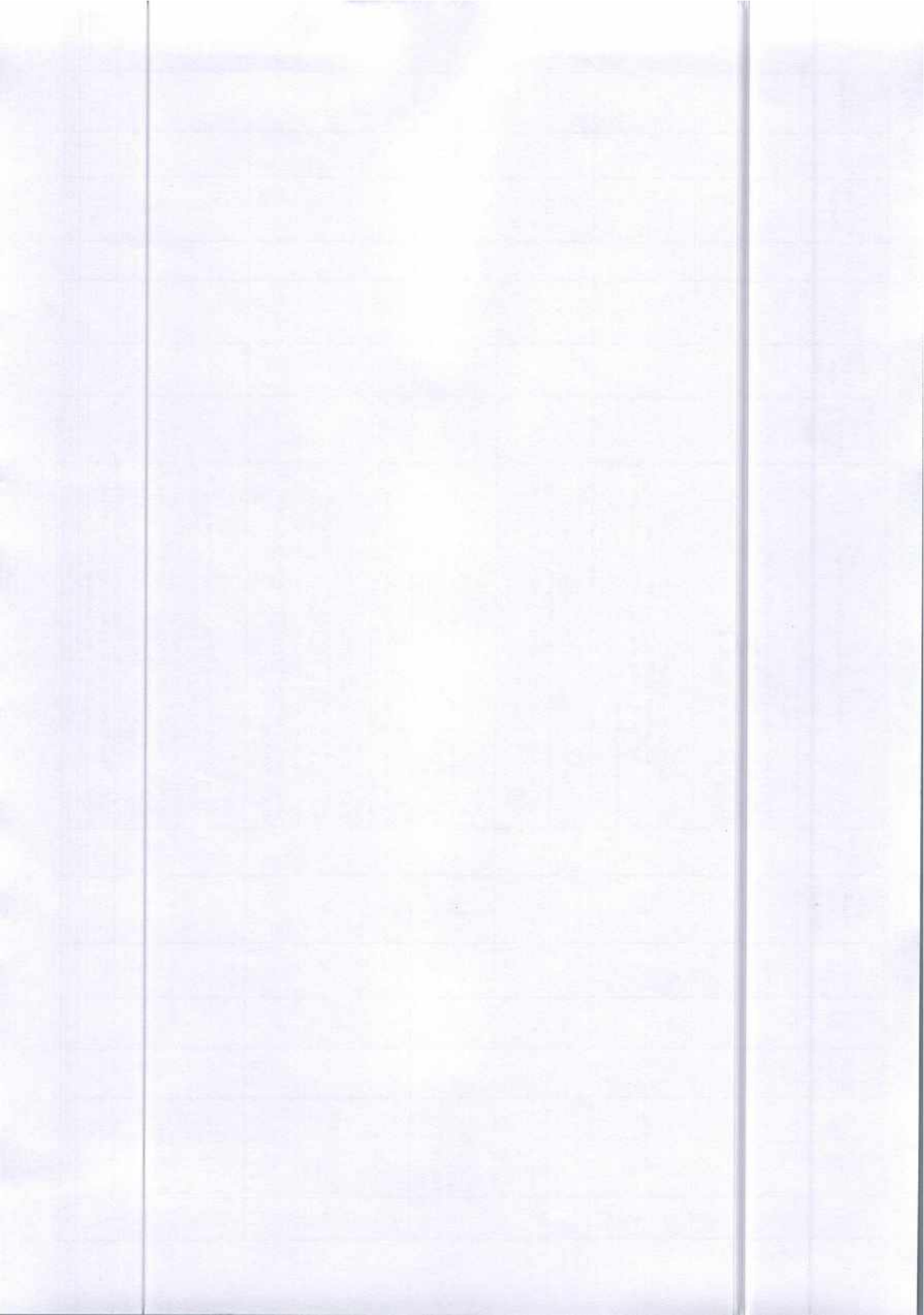
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
35	Que lấy mẫu ty hầu				G20		Chất liệu cán bằng nhựa PP/ABS, đầu bông nylon flocced, chiều dài 150mm, có khắc bê ở vị trí 80mm. Đóng gói riêng từng chiếc. Tiết trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để lấy dịch ty hầu trong các xét nghiệm tìm virus.					Bịch 100 cái	Cái	15.000
36	Que đê tươi gỗ				Việt nam		Gỗ tự nhiên, nhãn, an toàn trong sử dụng. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)					Hộp 100 cái	Cái	30.000
37	Túi đựng nước tiểu				G20		Dung tích 2000ml Cồng xả ở đáy túi, ống dẫn vào dài 90cm, van chữ T chống trào ngược. Tiết trùng bằng khí EO					Túi 1 cái	Cái	250
38	Mask bốp bóng người lớn				G20		Chất liệu: Silicone, PVC, loại dùng 1 lần Van giới hạn áp suất: 60cmH2O Thể tích hơi sức: 1650ml Thể tích túi chứa: 2500ml Đầu nối bệnh nhân: Ø22 / 15mm Bao gồm: Túi trữ khí oxy, mặt nạ PVC và ống dẫn oxy, không chứa latex					Túi 1 cái	Cái	12
39	Đầu côn vàng				Việt nam		Đầu côn vàng dung tích 200 uL, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.					Túi 1.000 cái	Cái	25.000
40	Ống thông dạ dày số 8				Trung Quốc		Cỡ số 8. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC. Tiết trùng bằng khí EO.					Túi 1 cái	Cái	1.000
41	Ống thông dạ dày số 6				Trung Quốc		Cỡ số 6. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC. Tiết trùng bằng khí EO.					Túi 1 cái	Cái	8.000
42	Ống nội khí quản có bóng các số				Trung Quốc		Loại có bóng. Bằng nhựa Polyvinylchloride (PVC) y tế - Đầu ống vát mài nhẵn mềm - Bóng thể tích lớn, áp lực thấp, có bộ nối tiêu chuẩn 15mm, thân ống trong đầu tù, đường cán quang màu xanh độc thân ống. - Không chứa cao su, không chứa DEHP. Sản phẩm được tiết trùng bằng khí EO. - Đồng gọi vô trùng Kích thước phổ biến: + Loại có bóng: 2.0mm; 2.5mm; 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm; 4.5mm; 5.0mm; 5.5mm; 6.0mm; 6.5mm; 7.0mm; 7.5mm; 8.0mm; 8.5mm; 9.0mm; 10.0mm					Túi 1 cái	Cái	430



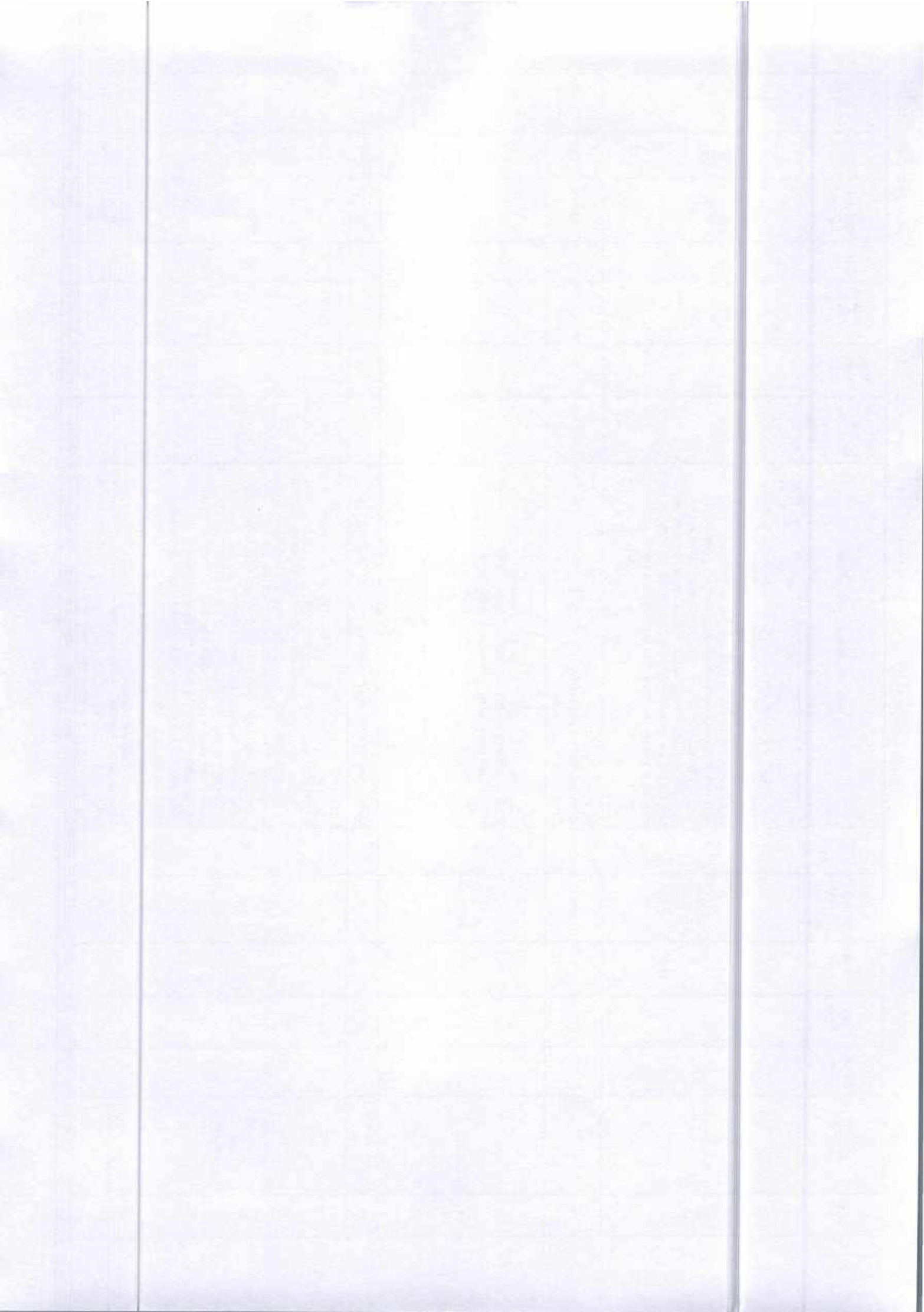
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTYT (A,B,C,D)	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
43	Ống nội khí quản không bóng các số				Trung Quốc		<p>Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản</p> <p>Loại không bóng, chất liệu Bằng nhựa Polyvinylchloride (PVC) y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu ống vật mài nhẵn mềm - Bóng thể tích lớn, áp lực thấp, có bộ nối tiêu chuẩn 15mm, thân ống trong đầu tù, đường cán quang màu xanh dọc thân ống. - Không chứa cao su, không chứa DEHP. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO. - Đóng gói vô trùng - Kích thước phổ biến: Loại không bóng: 2.0mm; 2.5mm; 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm; 4.5mm; 5.0mm; 5.5mm 				Cài	990		
44	Chỉ không tiêu số 2/0				Bi		<p>Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp thành phần Polyamide 6.0 hoặc 6.6 (nylon) số 2/0 75cm kim tam giác 3/8C, làm bằng thép không gỉ phủ silicone, kim 24mm. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek.</p>					12 sợi/ hộp	Sợi	24
45	Chỉ khâu phẫu thuật tiết trùng (PDS II 6.0)				Bi		<p>Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 6/0 dài 75cm 2 kim 13mm, kim 3/8. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone.</p>					12 sợi/ hộp	Sợi	48
46	Chỉ thép mềm các loại, chất liệu thép không gỉ				Bi		<p>Chỉ thép số 5 dài 4 sợi dài 45cm kim 1/2 kim tròn đầu cắt vòng kim 48mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone 					1 sợi/ ví; 2 sợi/ ví; hoặc 4 sợi/ ví	Sợi	5
47	Chỉ tiêu tổng hợp số 0/0				Bi		<p>Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly-glycolide-co-L-Lactide) số 0 dài 90cm kim tròn 1/2C dài 40mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không gỉ 300, 302 phủ silicone</p>					12 sợi/ hộp	Sợi	12
48	Chỉ tiêu tổng hợp số 2/0				Bi		<p>Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly-glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate số 2/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không gỉ 300, 302 phủ silicone</p>					12 sợi/ hộp	Sợi	96
49	Chỉ tiêu tổng hợp số 3/0				Bi		<p>Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate số 3/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim thép không gỉ phủ silicon.</p>					12 sợi/ hộp	Sợi	204



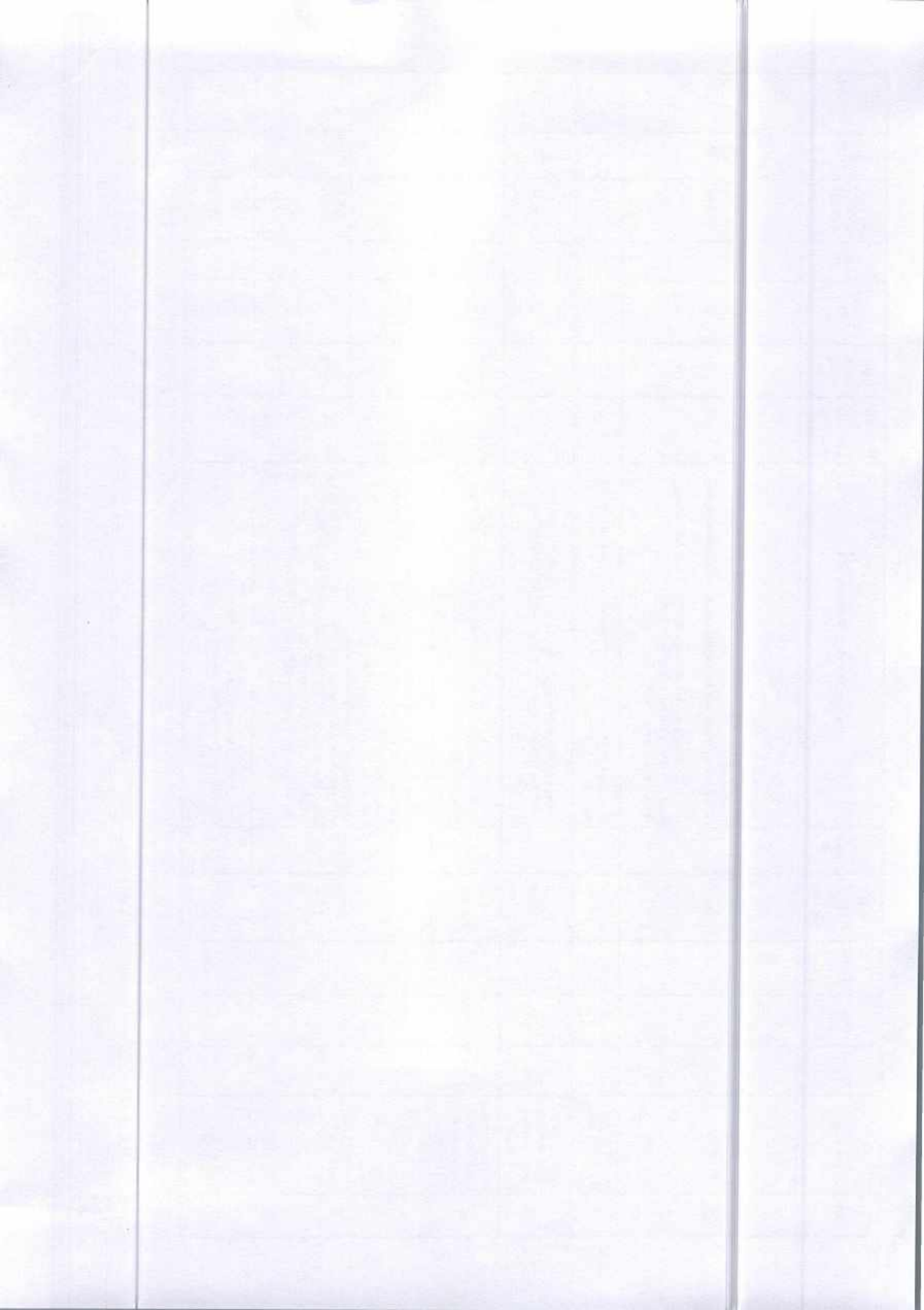
STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBVT (A,B,C,D)	Mã HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng	
50	Chỉ tiêu tổng hợp số 4/0				Bi		Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate số 4/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 22mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ 300, 302 phủ silicone					12 sợi/ hộp	Sợi	720	
51	Chỉ tiêu tổng hợp số 5/0				Bi		Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate số 5/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 17mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ phủ silicone .					12 sợi/ hộp	Sợi	300	
52	Chỉ tiêu tổng hợp số 6/0				Bi		Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate số 6/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 13mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ 300, 302 phủ silicone					12 sợi/ hộp	Sợi	400	
53	Chỉ khâu phẫu thuật tiết trùng (PDS II 5 0)				Bi		Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0 dài 75cm kim 3/8 kim tròn 13mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone					12 sợi/ hộp	Sợi	36	
54	Kẹp clip mạch máu các cỡ				Anh		Chất liệu: polymer không tiêu. Dùng để kẹp các cấu trúc mô dạng ống hoặc mạch máu trong quá trình phẫu thuật để cầm máu khi cần sử dụng các clip không tiêu. - Kẹp được mạch máu cỡ 3 mm đến 16 mm. - Chiều dài chân clip ngoài lần lượt: 9,5-13-17,8mm. Độ dày chân clip: 0,83-1,29mm. Đường kính phần lõi của Clip khi đóng: 1,1-1,2-1,3mm, khi mở: 7,5-10,2-14mm - Có các răng nhọn - gập góc hai bên sắp xếp so le nghiêng về phía mô bị kẹp. Kiểu khớp động.					6 cái/ vỉ	Cái	300	
55	Gạc phẫu thuật 10x10cm x 6 lớp tiết trùng				Việt Nam		Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m ² . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Tiết trùng bằng khí EO.Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế.						10 miếng/ gói	Miếng	32.000



STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (Quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
56	Gạc phẫu thuật ở bụng 30x40x6 lớp				Việt Nam		Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước < 5 giây. Độ ngấm nước >= 5gr nước/gr gạc. Chất tan trong nước < 0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >= 80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Tiết trùng bằng khí EO.Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng đúng trong y tế					5 miếng/ gói	Miếng	300
57	Gạc dẫn lưu tại mũi họng				Việt Nam		Kích thước: 1cm x 200cm x 4 lớp •Tiết trùng bằng khí Etilylene Oxide. •Được làm từ vải không dệt.					1 cái/ gói	Cái	100
58	Túi camera				Việt Nam		1. Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2,2mm x60 cm 2. Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc 2,2mm x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong,bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng đúng trong y tế. Tiết trùng bằng khí EO.Gas.					1 cái/ túi	Cái	100
59	Lưỡi dao mổ tiết trùng				Bỉ		Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiết trùng, các số 10, 11,15, 20, 21.					1 cái/ túi	Cái	600
60	Băng phim dính y tế trong suốt có gạc vô trùng Tegaderm pad				Mỹ		Băng phim dính y tế trong suốt có gạc vô trùng - Nền bằng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mềm bo tròn, kích thước 5 x 7cm - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt 15 - 25%, màu trắng, thấm hút tốt, không dính vào vết thương, kích thước 2 x 4cm - Có khung viền giấy - Không thấm nước, ít gây kích ứng da, độ dính tốt, không sót keo khi tháo băng. Bề mặt nhẵn có thể làm mà không cần tháo băng. - Đóng gói tiết khuẩn từng miếng, bao bì plastic chống thấm nước.					50 miếng/ hộp	Miếng	1.400
61	Bàn điện cực trung tính				Áo		Loại: Dùng 1 lần, cho trẻ em Diện tích dẫn điện: 66 cm ² Trọng lượng gói hạn: 5 - 15 kg Quy cách: Túi 1 cái, hộp 50 cái					1 cái/ túi	Cái	250

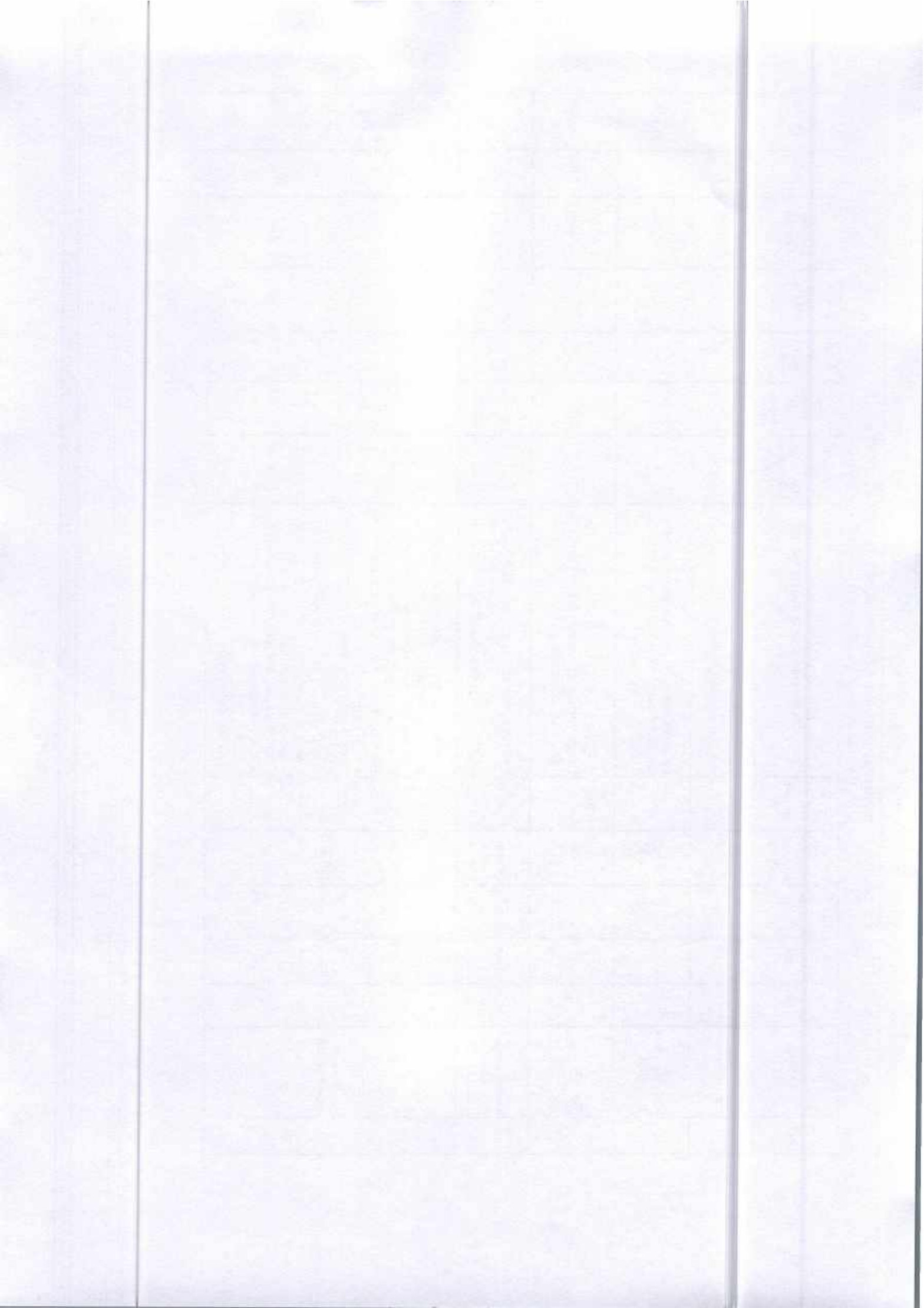


STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Mã HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
62	Điện cực dán điện tim				Áo		<p>Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản</p> <p>KT: 35mm x 41 mm Đóng gói: 50 cái/ túi - Bề mặt Tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tin hiệu cao. - Đầu giắc nối với máy: kim loại phủ bạc, truyền tin hiệu chất lượng cao nhất. - Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân. - Kích thước: 35mm x 41 mm.</p>					50 cái/gói	Cái	5.500
63	Nẹp bán nhỏ 6 lỗ và 8 lỗ, chất liệu thép không gỉ				Pakistan		Róng 10mm, dày 1mm, thiết kế dạng it tiếp xúc, có từ 6 - 8 lỗ. Chất liệu thép không gỉ 316L.					1 cái/ túi	Cái	4
64	Vít xương cứng 3.5 dài 16mm - 24mm, chất liệu thép không gỉ				Pakistan		Đường kính 3.5mm, tự ta rô, đầu bắt vít có cả 2 loại là lục giác và ngôi sao, chiều dài từ 16mm - 24mm với bước tăng 1mm. Chất liệu thép không gỉ 316L.					1 cái/ túi	Cái	30
65	Đinh kisser đường kính 1.5 mm dài 300 mm, chất liệu thép không gỉ				Pakistan		Hai đầu nhọn, đường kính từ 1.5mm, chiều dài 300mm, chất liệu thép không gỉ không nhiễm từ.					1 cái/ túi	Cái	10
66	Băng thun 3 móc 10cm x 4,5m				Việt Nam		<p>Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân....</p> <ul style="list-style-type: none"> • Độ bền kéo theo chiều dài cuộn: ≥ 400 N • Độ đàn hồi tại thời điểm lực lớn nhất: $\geq 400\%$ • Băng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu. • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. • Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng. 				1 cuộn/ túi	Cuộn	200	
67	Ống thông tai				Dominican		Đường kính: 1.14mm (đang chữ TY, 0.76mm) Chất liệu nhựa Fluoroplastic, màu xanh, màu trắng Tiệt trùng bằng khí E.O					1 cái/ túi	Cái	2

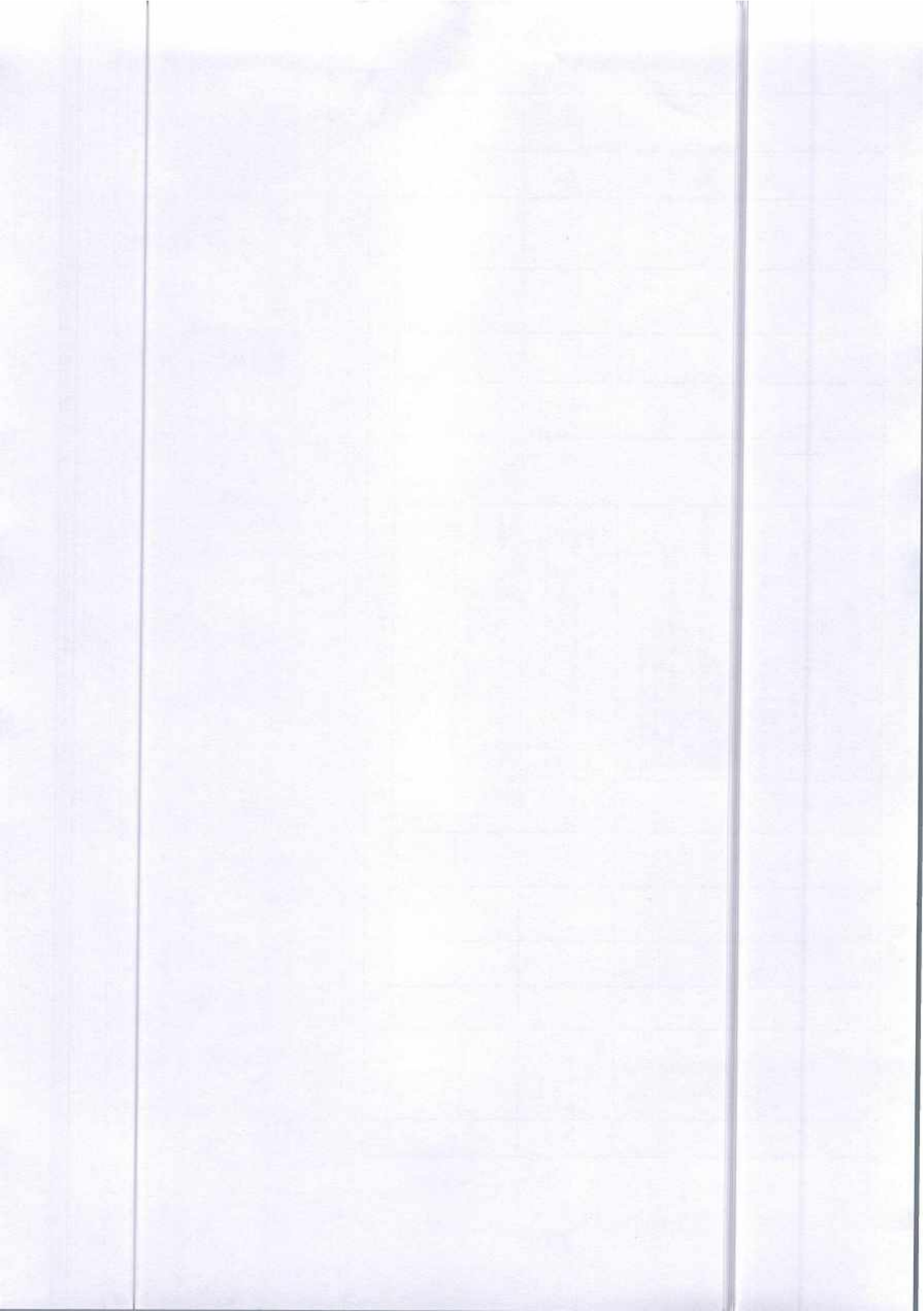


DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GỒI KIM
(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng sản xuất lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTYT (A,B,C, D)	Ma HS	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Kim lấy thuốc				Việt Nam		Kim các số G18, G20, G23, phân biệt các cỡ kim theo màu. Tiệt trùng bằng khí EO					100 cái/hộp	Cái	530.000
2	Kim châm cứu 0,25x13mm				Trung Quốc		Có khay, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vỏ trung. 10 vị nhôm x 10 kim. Kích thước: 0,25x13mm; Tiệt trùng bằng khí EO					10 cái/vi	Cái	10.000
3	Kim châm cứu 0,25x25mm				Trung Quốc		Có khay, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vỏ trung. 10 vị nhôm x 10 kim. Kích thước: 0,25x25mm; Tiệt trùng bằng khí EO					10 cái/vi	Cái	45.000
4	Kim châm cứu 0,25x50mm				Trung Quốc		Có khay, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vỏ trung. 10 vị nhôm x 10 kim. Kích thước: 0,25x50mm; Tiệt trùng bằng khí EO					10 cái/vi	Cái	6.000
5	Kim luồn mạch máu các cỡ 22G				Malaysia		<ul style="list-style-type: none"> - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát (1 mặt vát trên và 2 mặt vát dưới tạo độ bền tốt đa và vết kim đâm mau lành) - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon/PUR. - Màng ki nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Cơ chế trao máu 2 lần (Double flash back) giúp xác nhận lấy ven thành công - Kim luồn có cánh, có cửa. - G22: Tốc độ chảy 36ml/phút, 2160 ml/giờ, Đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm. Thể tích mỗi 0.101ml - Có 2 FSC của Đức và Úc 				1 cái/túi	Cái	1.200	

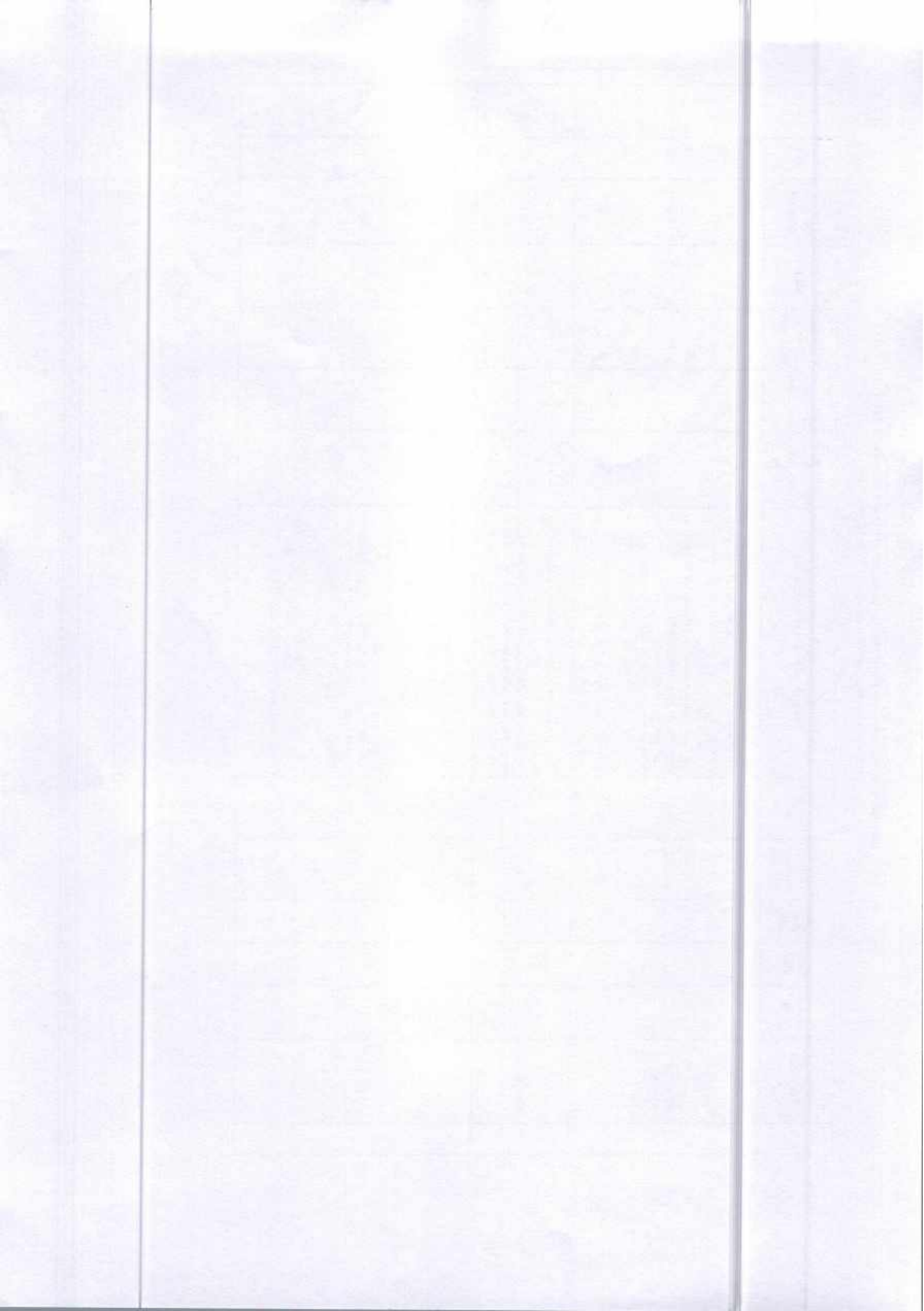


6	Kim luôn tĩnh mạch dùng cho trẻ em	Malaysia	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bất chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát (1 mặt vát trên và 2 mặt vát dưới tạo độ bền tối đa và vết kim đâm màu lành) - Catheter nhựa Có 4 đường dẫn quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng lọc nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Cơ chế trao máu 2 lần (Double flash back) giúp xác nhận lấy ven thành công - Kim luôn có cánh, không cưa, tốc độ chảy 22ml/phút, 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm - Thể tích mỗi: 0.084ml - Có 2 FSC của Đức và Úc 						1 cái/ túi	Cái	143.000
7	Kim truyền tĩnh mạch (Kim truyền cánh bướm)	Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> Kim các số 23G, 25G. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gây gập. Kim làm bằng chất liệu thép không gỉ, mài vát 3 cạnh, sắc nhọn. Tiệt trùng bằng khí EO. 						1 cái/ túi	Cái	1.200
8	Kim chọc dò gây tê tủy sống	Nhật Bản	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu kim Quincke 3 mặt vát dài 3 1/2", cỡ kim G25, sắc bén. - Chuôi kim trong suốt, có thiết kế lăng kính pha lê phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Lăng kính có màu sáng bạc khi có dịch não tủy chảy ra lăng kính trở nên trong suốt. 						25 cái/ hộp	Cái	50
TỔNG: 8 KHOẢN											

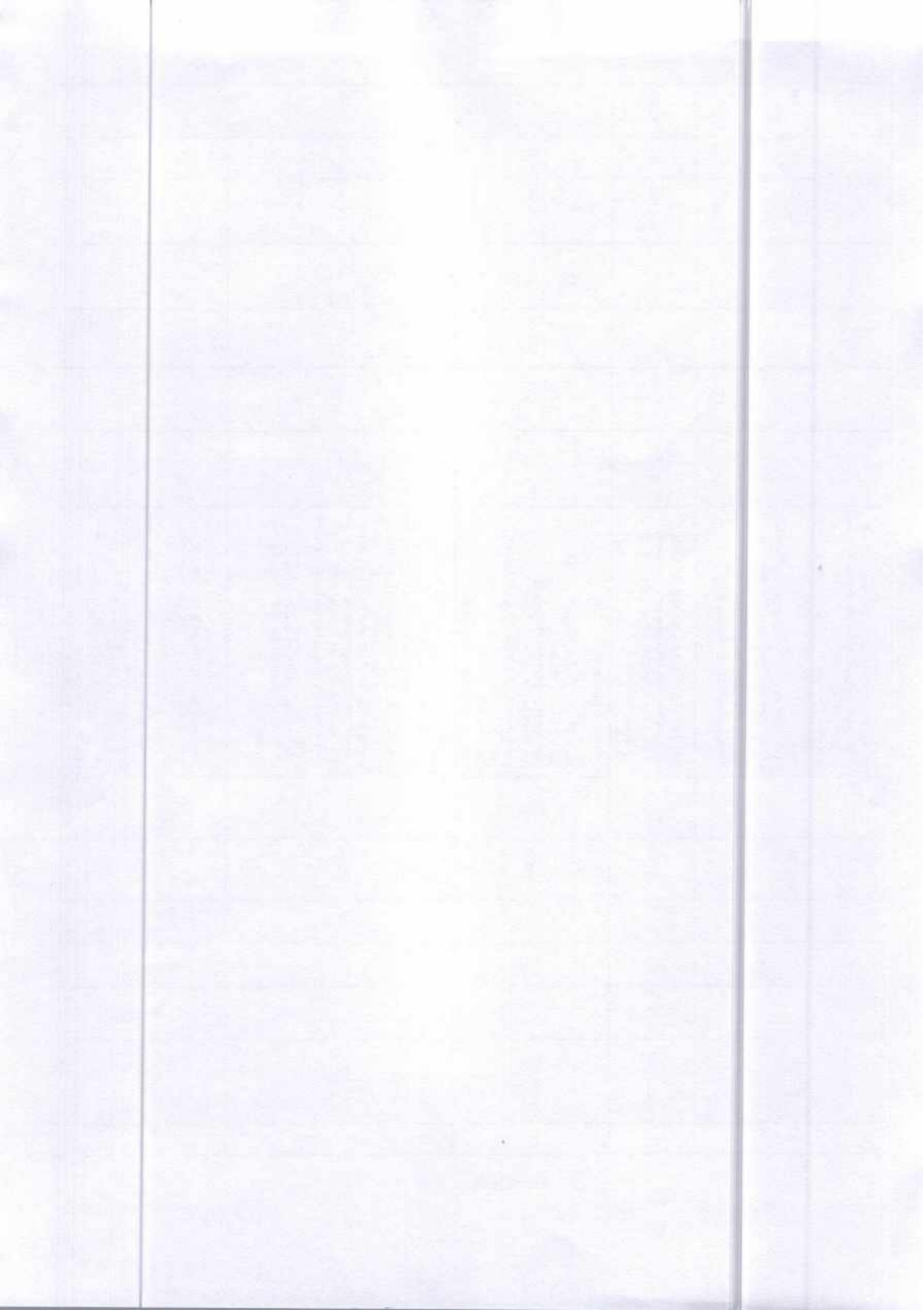


DANH MỤC HÀNG HÓA, CẤU HÌNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT GỐI BƠM, DÂY TRUYỀN
(Kèm theo thư mời thẩm định giá ngày 22 tháng 07 năm 2024)

STT	Tên hàng	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành/giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	MB HS	Qui cách đóng gói	DVT	Số lượng
1	Dây truyền dịch kim thường				Việt Nam		Làm từ chất liệu PVC, mềm, dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không chứa chất gây sốt, không gây gấp khi bao quản và sử dụng. - Chiều dài dây >= 1500mm Kim truyền tĩnh mạch làm bằng chất liệu thép không gỉ, kim xuyên nút chai làm bằng nhựa ABS - Loại kim: không cánh bướm Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, 20 giọt tương đương với (1±0,1) mL/(140.) [g], thể tích 8.5ml. Có bầu cao su tiếp trực Dây truyền dịch kim kim thường 21G Có đầu nối Luer lock					Túi 1 bộ	Bộ	23.500
2	Dây truyền máu				Việt Nam		Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC. Kèm kim sắc truyền 18G Dây dài >=1500mm không gây sốt, không độc hại, tiết trung bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. Màng lọc ở đầu có kích thước lỗ lọc 200µm, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml.					Túi 1 bộ	Bộ	1.200
3	Chạc 3 không dây truyền dịch				Trung Quốc		- Làm bằng chất Polycarbonate, Polyethylene, ABS chất lượng cao dòng trong y tế, không gây độc, gây sốt, không gây gấp hoặc chảy nước. - Chạc 3 mỏng trong trộm nhìn đảm bảo dòng chảy: dễ tháo lắp, không rỉ nước. Có khóa nâng chịu nút, gây, cho áp suất lên tới 5 bars (72 psi) - Đầu nối: khoá ren (xoay Luer lock) với một khóa chính và hai khóa phụ, giúp kết nối chặt chẽ và nhanh chóng, không bị rò rỉ khi truyền với nhu dịch béo - Nhựa trong suốt nhìn bong: Nếp vận khóa thiết kế đặc biệt có góc cảm nhận dòng mở được, giúp xác nhận vị trí khóa, khóa ba chạc với khóa có thể xoay 360 độ. - Sản phẩm được tiệt trùng từng túi cái bằng EO					1000 cái/ thùng	Cái	1.350



4	Chạc 3 truyền dịch kèm dây nối									<p>Làm bằng chất Polycarbonate, Polyethylene, ABS chất lượng cao dùng trong y tế, không gây độc, gây sốt, không gây gập hoặc chảy nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kèm dây nối làm bằng PVC 10cm, 25cm trong suốt có khả năng chịu nứt gãy, chịu được áp lực cao 5 bar (72psi). - Đầu nối khoá ren (xoxy Lure lock) với một khoá chỉnh và hai khóa phụ, giúp kết nối chặt chẽ và nhanh chóng - Chạc ba nóng tron nhôm, mũi chỉ hướng dòng chảy - Xoxy 360 độ không giới hạn - Khử trùng bằng khí EO (Ethylene Oxide) 		Túi 1 cái	Cái	500
5	Dây hút nhớt									<p>Các số 6-8-10-12-14-16. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC, đầu dây hút có 2 mặt phụ để hút có 2 loại có nắp và không nắp.</p>		Túi 20 cái	Cái	43.000
6	Dây gong mũi các cỡ									<ul style="list-style-type: none"> - Có 3 kích cỡ khác nhau: • Size 0: 3.1mm < 1500 gram • Size 1: 3.6mm từ 1500 - 2500 gram • Size 2: 4.2mm > 2500 gram - Dây mềm và cong để giảm vết loét áp lực - Đầu nối 15mm phổ quát. - Không chứa DEHP, không chứa BPA, không chứa Latex. - Ống chống xoắn - Không độc hại và tương thích sinh học. 		01 cái/túi	Cái	500
7	Dây nối bơm tiêm điện									<p>Dùng với máy bơm tiêm điện; Chiều dài dây 150cm</p> <p>Đầu nối khóa ren vận xoắn (lure lock), khóa bảo vệ (cap connector); Dây bằng chất liệu PVC y tế không kích ứng, chống xoắn, mềm dẻo, trong suốt không Latex, không DEHP; Có khóa dừng (áp lực dương) dạng bấm, thiết kế cho phép thao tác bằng 1 tay, có độ kín khít tốt, chống trào ngược, ngăn chảy máu. Chịu áp lực 3 bar (43.512psi), hệ số dẫn truyền ánh sáng: >90%.</p> <p>Đường kính trong 0.9mm, đường kính ngoài 1.9mm, thể tích mỗi 1ml;</p> <p>Bao bì sản phẩm: 1 mặt trong suốt, 1 mặt bằng giấy phin y tế, đảm bảo an toàn thoát khí EO trong quá trình tiệt trùng.</p>		01 cái/ túi	Cái	43.000
8	Bơm tiêm nhựa 1ml									<p>Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gãy rời rã, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 		Hộp 100 Cái	Cái	18.200





9	Bơm tiêm nhựa 5ml						Việt Nam	<p>Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pit tổng có khía bề gây dễ huy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 	Hộp 100 cái	Cái	147.000
10	Bơm tiêm 10ml						Việt Nam	<p>Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pit tổng có khía bề gây dễ huy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 	Hộp 100 cái	Cái	336.000
11	Bơm tiêm nhựa 20ml						Việt Nam	<p>Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pit tổng có khía bề gây dễ huy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 	Hộp 50 cái	Cái	52.200
12	Bơm tiêm 50ml (dùng cho bơm tiêm điện)						Việt Nam	<p>Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 	Hộp 25 cái	Cái	164.000
13	Bơm tiêm nhựa 50ml dùng cho bệnh nhân ăn						Việt Nam	<p>Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đốc xy lanh to lắp vĩa dây cho ăn và có nắp đậy. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 	Hộp 25 cái	Cái	400
TỔNG: 13 KHOẢN											

